diễn đàn

Số 64 / 1.6.1997 ISSN 1164-2378

F O R U M

MAI THÚ. *La lecture*. tranh lụa (1935)

mục lục

2 Bạn đọc và *Diễn Đàn*

Thời sự & những vấn đề

1 Một nhiệm kỳ quốc hội... Hải Vân
4 Tin tức
8 Tự do cư trú và hộ khẩu Hoà Vân
11 Người Việt Nam ở Úc p.v. N.Đ. Hiệp
12 Tưởng nhớ b.s. Nguyễn Khắc Viện N.N.Giao

Văn hoá & khoa học & nghệ thuật

14 Tưởng nhớ nhà thơ Phùng Cung Kiến Văn
17 Đọc sách Lê Thành Khôi Nguyễn Trọng Nghĩa
18 Đạo Phật và giáo dục Bùi Mộng Hùng
21 Sokal cá tháng tư Hàn Thuỷ
24 Ea Sola : *ngày xửa ngày xưa...* K.V.
25 Yêu nhau như thế bằng mười... Vương Trí Nhàn
26 Người chăn kiến *(truyện ngắn)* Bùi Ngọc Tấn
28 Sông ơi ! *(truyện ngắn)* Trần Thanh Hà

Thơ : Gérard Bayo (Diễm Châu dịch), Phan Huyền Thư, Lý Hoàng Ly, Đoàn Mạnh Phương (trang 16)

Một nhiệm kỳ quốc hội : " hình thức " và " nội dung "

Hải Vân

Tháng 6 vừa qua, khóa IX của Quốc hội đã kết thúc nhiệm kỳ 1992 - 1997 với kết quả đáng kể nhất là công tác làm luật : 41 luật và 43 pháp lệnh. Tạo nên khung pháp lý cho sự vận hành của xã hội dân sự và của kinh tế thị trường, các đại biểu quốc hội đã xây dựng một số luật nền tảng : bộ luật dân sự (1995), bộ luật lao động (1994), luật đất đai (1993), luật bảo vệ môi trường (1993), luật ngân sách nhà nước (1996), luật thương mại (1997), luật phá sản doanh nghiệp (1993) ...

Điều cần nói là công tác lập pháp này hoàn toàn dựa vào sự chủ động của hành pháp : mặc dù có quyền trình dự luật, suốt khóa IX không có đại biểu quốc hội nào soạn thảo dự án luật cả (ở khóa VIII, có một đại biểu làm được điều này nhưng không được chấp nhận). Nguyên chủ tịch quốc hội khóa VIII và chủ tịch Mặt trận Tổ quốc hiện nay, ông Lê Quang Đạo nhận xét trên **Thời báo Kinh tế Sài Gòn** (ngày 15.5) : " *Cũng như trước đây, quốc hội vẫn căn cứ vào sự chu đáo của chính phủ* ". Ngược lại, do những văn bản dưới luật ban hành rất chậm và thiếu đồng bộ, cho nên một số luật thông qua từ đầu nhiệm kỳ đến nay vẫn không thi hành được. Mặt khác, ông Đạo cho rằng giám sát việc thi hành luật, trước tiên việc thu chi ngân sách nhà nước, vẫn là khâu yếu nhất của khóa quốc hội vừa qua. Ông đưa ra nhận xét : " *Chưa có sự phát hiện nào từ công tác giám sát của quốc hội về bộ này, ngành kia làm sai pháp luật* ".

Nhắc lại rằng, trước đây, người ta coi " *quốc hội là một bộ máy giơ tay* " , ông Lê Quang Đạo nhận định, " *từ khi đảng cộng sản Việt Nam đổi mới, quốc hội đã làm được một phần nhiệm vụ của mình. So với yêu cầu, tất nhiên còn xa mới đáp ứng. Nhưng đó là cả một quá trình* ".

(xem tiếp trang 4)

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ
Tổng biên tập : Hà Dương Tường
Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Lê Văn Cường, Nguyễn Ngọc Giao, Trần Hải Hạc, Bùi Mộng Hùng.
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyên Thắng, Hàn Thuỷ, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Vân

Cùng với những hoạtđộng vănhoá giáodục (cấp họcbổng cho sinhviên làm luậnán ở trong nước, in sách Tìm bản gốc Truyện Kiều *của Hoàng Xuân Hãn...), Hội Camtuyền đã hoànthành trungtâm gặpgỡ cởimở rộngrãi Việt-Pháp tại Dãthự Camtuyền và xin mời quíkhách đến thamgia nghỉ mát* :

Le Manoir d'Aubonne

(2 h de Paris par l'A13, 2km de Deauville-Trouville), dans un grand parc de 5 ha dominant la mer, vous offre : 1 Salle de Fête (> 50 pers.) + 4 Appartements + 2 Studios + 2 Dortoirs. Prix indicatif (par jour) : 300 F pour le meilleur appartement pour cinq ; 50 F/pers. (ou-) en séjour de groupe.

Réservations : M. Nghiêm Xuân Hải, 38 rue de Lozère, 91400 ORSAY, tél : 01 60 10 42 25.

MAISON DES ARTS EUROPE ASIE

20 rue Greneta 75002 PARIS Tel/fax 01 42 33 40 30
ouvert du mardi au samedi de 10h30 à 19h30
le dimanche et le lundi de 15h30 à 19h00
Métro : Réaumur-Sébastopol

FÊTE DE LA MUSIQUE

Samedi 21 juin : programme spécial
19h30 : ***" Thanh Long le Fruit du Dragon "***
Spectacle musical bilingue (français et vietnamien) avec la musique d'inspiration traditionnelle vietnamienne.
... Dialogue entre la mère et son futu enfant avant sa naissance....
Mise en scène : Tanh
Texte : Tanh & Phuong Oanh
Musique : Phuong Oanh
20h30 : Musique traditionnelle asiatique
Vietnam : danses traditionnelles *đũa* (baguettes) & *kiếm* (épée) avec l'ensemble Phuong Ca ; chanson et musique traditionnelle présentée par Quynh Hanh et son équipe
Iran : " Santour " présenté par Hassan Tabar
Indonésie : danses balinaises présentées par les danseuses d'Indonésie.

Vendredi 21 juin à 19h30 & Dimanche 22 à 15h30 :
" Thanh Long le Fruit du Dragon "

Bạn đọc viết cho chúng tôi

Số trương mục chuẩn hoá của Diễn Đàn

Bưu cục Bỉ đã thông báo cho chúng tôi biết là đã chuyển qua trương mục của *Diễn Đàn Forum* FF 560 tiền đặt mua tiếp hai năm báo, theo thể thức và mẫu đơn in xưa cũ.

Để các độc giả của quý báo tại Bénélux và vài nước khác quanh Pháp Quốc có sự dễ dàng từ rày về sau tôi xin kính chuyển đến quý vị phóng ảnh thông cáo mới vừa nhận được, báo rằng : " *les institutions bancaires françaises demandent avec insistance que* ***seul le numéro de compte postal*** *ou bancaire standardisé du bénéficiaire soit encore utilisé (...)* ***5 chiffres+5 chiffres+11 chiffres+2 chiffres*** ".

Hoàng Vang Hồ (*Bruxelles*, Belgium)

Xin thành thực cảm ơn ông, và xin thông báo số trương mục bưu điện đầy đủ của Diễn Đàn :

30041 00001 0441614W020 76

để bạn đọc ở các nước lân bang của Pháp có thể chuyển thẳng tiền vào trương mục của chúng tôi (đằng sau ngân phiếu, xin ghi rõ tên và địa chỉ theo phiếu gửi báo).

Thêm một tiếng nói

Độc giả của Diễn Đàn được chứng kiến cuộc tranh luận giữa U Mặc và Diễn Đàn về vụ đàn áp nhóm Nhân văn Giai phẩm. Tôi có vài thiển ý xin góp.

Đồng ý với U Mặc rằng những người bình thường phải sống trong hoàn cảnh của những nhân sĩ đó, một thái độ chịu đựng tránh né là một hành động rất con người. Chúng ta thông cảm và kính nể. Đồng ý với Diễn Đàn là có một số nhân sĩ khác thường, trung thành với ý niệm, suy xét của bản thân họ, không sợ đàn áp bạo lực. Họ là những người mở đường cho tiến trình dân chủ của dân tộc. Một hành động vô

rao vặt Bán lại với giá 1 000 F một máy điện toán PC 386 SX20 couleur (Marque Zenith), 6M RAM, 80M DD, Carte son Sound Blaster 16 Values, Modem Kortex (1200 bauds).

Tél : 01 30 80 73 55
E-mail : diendan_forum@compuserve.com

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG
opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres
Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables.
Heures d'ouverture : matin 9 h 30 à 13 h
après-midi 14 h 30 à 19 h 00
(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 01 45 66 93 27
Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

cùng đáng phục.

Dù sao tất cả chỉ là nạn nhân một chính thể thiếu cả văn hoá lẫn dân chủ. Nếu phải gọi con mèo là con mèo thì phải gọi đảng cộng sản là một tai hoạ của đất nước.

Những luận điệu thô sơ như " xã hội chủ nghĩa trăm ngàn lần dân chủ " hay " những người đòi hỏi nhân quyền là những kẻ đứng trong hàng ngũ chính quyền Sài Gòn cũ "... không làm ai cười nữa.

Đoàn Trần Đức (*Paris*, Pháp)

✍ *Chúng tôi đăng toàn văn lá thư của ông, vì hiểu ý ông viết trong mấy dòng thiếp đi kèm* " không phải là mục đích khiêu khích mà để đóng góp vào cuộc bàn cãi dân chủ ". *Cũng trong tinh thần ấy, chúng tôi xin đặt vấn đề trên hai mặt. Một là : khi ông viết* " đảng cộng sản là một tai hoạ cho đất nước " *phải chăng ông nghĩ rằng lời khẳng định ấy có giá trị tuyệt đối, đúng cho mọi thời, mọi nơi, trong mọi lãnh vực ? Nếu thế, thì e rằng nó cũng xứng đôi vừa lứa với lời phán* " xã hội chủ nghĩa trăm ngàn lần dân chủ ". *Hai là, ngày nay, hiểu biết về các đảng cộng sản, về Đảng Cộng sản Việt Nam buộc người ta phải phân biệt những thành phần, xu hướng trong đảng, không thể đánh đồng bộ máy cầm quyền với đông đảo đảng viên. Nhất là ngày nay, niềm tin cộng sản giản đơn của những thập niên 40-50 đã tàn lụi, người cộng sản Việt Nam, cũng như mọi người Việt Nam yêu nước, tất cũng trăn trở về tiền đồ dân tộc, về con đường dân chủ và phát triển của đất nước. Còn bộ máy cầm quyền nhân danh cộng sản, sinh ra trong đấu tranh bí mật, lớn lên trong chiến tranh, tất muốn nắm giữ mãi chính quyền (như mọi bộ máy quyền lực khác) song vì quán tính, bằng những phương tiện chiến tranh và bí mật, nghĩa là phi dân chủ. Chính điều này đang ngăn cản công cuộc xây dựng đất nước.*

Récital ĐẶNG THÁI SƠN
au Festival Chopin de Paris

Parc de Bagatelle

Samedi 28 juin 1997, à 16 h 30

au programme :

CHOPIN : Nocturne n°7 en ut dièse mineur, op. 21 n°1
SCRIABINE : Deux Impromptus (n°2, op.14 ; n°2, op.12)
CHOPIN : Quatre Mazurkas, op.24
SCRIABINE : Cinq Mazurkas, op.3.
CHOPIN : Scherzo n°3 en ut dièse mineur, op.39
Polonaise n°6 en la bémol majeur, op.53 "Héroïque"

Location : aux FNAC ou par Minitel 36 15 code FNAC. Vente des billets UNIQUEMENT sur place, une demi-heure minimum avant le récital (pas de réservation par téléphone)

Renseignements : Tél 01 45 00 69 75 / 01 45 00 22 19
Renseignements 24 h / 24 : Minitel 36 15 code ARTS/CULTURE

Lieu : Parc de Bagatelle, Bois de Boulogne, Avenue de Longchamp, 75016 PARIS.
Métro : *Porte de Maillot*, puis bus 244 ;
ou *Pont de Neuilly*, puis bus 43 (terminus).

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo :
1/8 trang : 180 F
1/4 trang : 300 F
1/2 trang : 550 F
1 trang : 1000 F
(*giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %*)

Đăng liên tiếp nhiều số báo
lần thứ hai : bớt 10 %
từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên .....

Địa chỉ .....

.....

.....Điện thoại : .....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếu .....FF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và *séc* (hoặc *money order*) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 65 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** xin gởi money order 65 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Úc** : money order 65 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD / năm, sec đề tên Anna Le Duc, tài khoản XO/PBP Warszawa,
1603-179360-170-4 Warszawa (for Forum), hoặc chuyển tiền qua bưu điện đến địa chỉ : Anna Le Duc,
03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở **Thuỵ Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Uberweisung)
DIEN DAN - FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : BLZ 752 500 00)

Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

Ba luật mới về kinh tế

Ba đạo luật kinh tế đã được thông qua trong kỳ họp này : luật thương mại, luật thuế thu nhập doanh nghiệp và luật thuế giá trị gia tăng..

Có hiệu lực từ ngày 1.1.1998, luật thương mại qui định các quyền và nghĩa vụ của thương nhân nhằm tạo ra một sự an toàn pháp lý cần thiết cho hoạt động thương mại và chế định một số " luật chơi " sòng phẳng giữa các thương nhân. Luật khẳng định các thương nhân có quyền hoạt động trong mọi lãnh vực, địa bàn mà pháp luật không cấm hay không thuộc độc quyền kinh doanh của nhà nước (theo danh mục do chính phủ công bố) ; đồng thời, luật qui định 16 hành vi vi phạm luật trong thương mại để thương nhân biết rõ những hành vi hợp pháp và bất hợp pháp. Thương nhân được tự do cạnh tranh, nhưng luật cấm những hành vi như : đầu cơ lũng đoạn thị trường, khuyến mại bất hợp pháp, gièm pha thương nhân khác, mua chuộc khách hàng, xâm phạm các quyền về nhãn hiệu và sở hữu công nghiệp ... Luật còn bảo vệ lợi ích người tiêu dùng như cấm lừa dối khách hàng, bán hàng giả hay hàng kém chất lượng so với đăng ký, quảng cáo dối trá ... Luật thương mại không áp dụng đối với những người buôn bán hàng rong, quà vặt có vốn kinh doanh thấp (sẽ có quy chế riêng).

Áp dụng từ ngày 1.1.1999, luật thuế thu nhập doanh nghiệp xác lập một thuế trực thu bao quát các nguồn thu nhập và thay thế thuế lợi tức hiện nay. Các doanh nghiệp không thuộc luật đầu tư nước ngoài sẽ chịu mức thuế suất chung là 32 % trên số chênh lệch giữa doanh thu và các chi phí hợp lệ. Các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi được hưởng mức thuế suất thấp hơn : 15 %, 20 % và 25 %.

Cũng có hiệu lực từ 1.1.1999, luật thuế giá trị gia tăng xác lập một loại thuế tính trên phần giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ trong quá trình sản xuất và lưu thông, nhằm thay thế thuế doanh thu mà nhược điểm ở chỗ thu thuế trùng lắp. Có bốn mức thuế : 0 % đối với hàng hóa xuất khẩu ; 5 % đối với nước, phân bón, thuốc trừ sâu ...; 10 % đối với điện, dầu khí và các sản phẩm công nghiệp khác ; 20 % đối với dịch vụ khách sạn, du lịch, tàu biển, môi giới ... Điều kiện tiên quyết để thực thi luật thuế giá trị gia tăng là phải có chế độ hạch toán qua hoá đơn, chứng từ mua bán, điều mà nhiều đại biểu quốc hội tuy đã biểu quyết thông qua luật vẫn nghi ngờ là có thể thực hiện trong vòng hai năm.

Đạo luật đặt ra nhiều tranh cãi nhất (xem DĐ số 63), và cũng được các giới quan sát quốc tế theo dõi chăm chú nhất là Luật thương mại. Chính phủ ông Kiệt coi đây là một bước chuẩn bị quan trọng cho việc Việt Nam gia nhập Tổ chức mậu dịch thế giới (WTO), mà ông hy vọng được thực hiện trước năm 2 000. Tuy nhiên, theo nhà kinh tế Jean-Luc Bernasconi của Chương trình Liên hiệp quốc vì phát triển, điều này đòi hỏi ở Việt Nam " *những thay đổi rất lớn về các định chế, cấu trúc luật pháp và các định hướng kinh tế* ". Các chuyên viên quốc tế đã đặt ra 1500 câu hỏi về hồ sơ dự bị của ứng viên Việt Nam vào WTO. Hồ sơ của Nga chỉ gây ra được 490 câu hỏi (AFP 6.5). Nhiều người cho rằng đạo luật thương mại vừa được thông qua không phù hợp với những nguyên tắc của WTO. Một điểm được nêu ra rõ nhất là Luật này phân biệt đối xử giữa các nhà kinh doanh Việt Nam với doanh nghiệp nước ngoài trong các cuộc đấu thầu. (Thời báo kinh tế Sài Gòn 15.5 ; Tuổi Trẻ 6, 26 và 29.4 ; Lao Động 8, 12 và 13.4.97)

Tăng hình phạt đối với tội tham nhũng, ma túy và hiếp dâm trẻ em

Ngoài ba luật về kinh tế, kỳ họp quốc hội còn sửa đổi bộ luật hình sự, tăng nặng hình phạt đối với các tội tham nhũng, hối lộ, ma túy và xâm phạm tính dục người chưa thành niên. Theo những qui định mới :

– Tham ô tài sản nhà nước từ 5 triệu đồng trở lên bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Tham ô từ 500 triệu đồng trở lên thì bị phạt tù chung thân hay tử hình.

– Nhận hối lộ, đưa hối lộ hay môi giới hối lộ từ 500 ngàn đồng trở lên bị truy cứu trách nhiệm hình sự ; và từ 50 triệu đồng trở lên thì bị phạt tù chung thân hoặc tử hình.

– Sản xuất, mua bán, vận chuyển hay chứa chấp, tàng trữ 100 gam heroin trở lên hoặc 5 kg thuốc phiện trở lên bị phạt chung thân hay tử hình. Trồng cây thuốc phiện bị phạt từ 6 đến 7 năm tù.

– Hiếp dâm trẻ em dưới 13 tuổi bị phạt từ 20 năm tù đến chung thân hoặc tử hình ; đối với trẻ em giữa 13 và 16 tuổi thì bị phạt tù từ 7 đến 15 năm. Phạm tội có tính chất loạn luân hay đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục hoặc chữa bệnh thì phạt tù chung thân hay tử hình. (Tuổi Trẻ 3 và 6.5 ; Thời báo kinh tế Sài Gòn 8.5.97)

" hình thức " và " nội dung "

(tiếp theo trang 1)

Còn dưới cặp mắt của xã hội công dân thì, theo một cuộc thăm dò dư luận do văn phòng quốc hội tiến hành, " *nhiều người cho rằng, quốc hội mới đổi mới về hình thức chứ chưa đổi mới về nội dung* ".

Trước khi chấm dứt nhiệm kỳ, quốc hội đã biểu quyết một luật bầu cử mới, nâng số đại biểu nhiệm kỳ tới từ 395 lên 450. Người ta không rõ cuộc bầu cử tiến hành ngày 20.7 tới sẽ mang lại " nội dung " đổi mới gì chăng (đảng cộng sản đưa ra chủ trương giảm tỷ lệ đại biểu đảng viên từ 92 % hiện nay xuống còn khoảng 80 %) ? Có một điều hiển nhiên là về " hình thức ", cuộc bầu cử quốc hội sẽ không có gì đổi mới : các danh sách ứng cử viên, kể cả những ứng cử viên " tự do ", đều phải được bộ máy đảng cộng sản (dưới danh nghĩa Mặt trận Tổ quốc) thông qua trước khi đưa ra cử tri " bầu ".

Nghị viện châu Âu kêu gọi Việt Nam tôn trọng nhân quyền

Ngày 15.5, Nghị viện châu Âu họp tại Strasbourg đã ra một nghị quyết kêu gọi nhà nước Việt Nam " *trả tự do cho tất cả các tù nhân chính trị và tôn giáo* ", và " *cải thiện các điều kiện giam giữ trong các trại giam và nhà tù Việt Nam* ". Nhắc lại quan tâm của Liên hiệp châu Âu (EU) đối với điều khoản về quyền con người trong hiệp ước hợp tác ký kết năm ngoái với Việt Nam, Nghị viện kêu gọi chính quyền Hà Nội " *thực hiện cuộc bầu cử lập pháp ngày 20.7 một cách thực sự tự do và dân chủ* ". Theo lời kêu gọi thì " *việc bãi bỏ tất cả các chính sách, luật lệ giới hạn tự do ngôn luận và tự do báo chí là một điều kiện cơ bản cho sự phát triển bền vững* ", và " *những câu chuyện tôn giáo thì cứ để cho các giáo hội tự giải quyết* ".

Cuối tháng 5 này, Việt Nam và EU sẽ tiến hành một đợt thương lượng khá tế nhị trên vấn đề cập nhật hoá " thoả ước tơ sợi " giữa hai bên. Thoả ước đặt những chỉ tiêu giới hạn (thường gọi là " cô-ta ") cho các mặt hàng Việt Nam được xuất sang EU. Việt Nam đòi nâng cao các cô-ta đó, song phần lớn các nước EU không mặn mà lắm, vì kỹ nghệ may mặc của họ đã và đang xính vính bởi hàng nhập từ những nước nhân công quá rẻ. Hàng may mặc của Việt Nam xuất sang EU trong năm qua đạt khoảng 400 triệu đôla, là mặt hàng xuất khẩu lớn thứ nhì của Việt Nam sang thị trường này, sau giày dép. (AFP 6 và 15.5.1997)

Múa rối nước : rắc rối ở Úc

Một nhóm 7 nghệ sĩ của đoàn múa rối nước Sóng Ngọc của Hà Nội đã xin " tị nạn chính trị " tại Úc tháng tư vừa qua, khi một đợt biểu diễn của họ ở các thành phố Sydney và Canberra vừa chấm dứt. Sang đây từ tháng chạp năm ngoái, do lời mời của Nhà hát Tuổi trẻ Canberra, những người xin tị nạn vượn có họ sợ sẽ bị " tra tấn và cầm tù " nếu trở về Việt Nam. Lý do là vì chính quyền thấy họ cộng tác chặt chẽ với những nghệ sĩ múa rối Úc, " sợ rằng họ đã tiết lộ bí mật hàng ngàn năm của múa rối nước ".

Dù lý do thực sự thế nào, người buồn phiền nhất trong vụ này là ông Roland Manderson, giám đốc nghệ thuật của Nhà hát Tuổi trẻ Canberra, người đỡ đầu cho chuyến biểu diễn. Ông Manderson than thở : " *Thế là tiêu đi cái hy vọng của tôi về những dự án hợp tác lâu dài hơn giữa Úc và Việt Nam* ". Dự án chính mà ông mong mỏi thực hiện là dàn cảnh một màn múa rối nước khổng lồ nhân dịp Thế vận hội Sydney sắp đến. (Sydney Morning Herald 16.5.1997)

Quan hệ kinh tế Việt - Mỹ khởi động ?

Như dự đoán, đại sứ Hoa Kỳ đầu tiên ở Hà Nội, ông Douglas Pete Peterson, trong những tuyên bố khi tới đây nhậm chức ngày 9.5, đã đặt ưu tiên số một cho công tác tìm kiếm dấu vết của khoảng 1 500 quân nhân Mỹ " mất tích trong chiến tranh " (MIA). Sau đó mới tới việc thúc đẩy hoàn thành quá trình thương lượng hiệp ước thương mãi giữa hai nước, công việc mà về phần mình, đại sứ Lê Văn Bàng coi là ưu tiên hàng đầu trong các nhiệm vụ của ông khi tới nhận nhiệm sở ở Washington, cùng ngày 9.5. Song, đối với hàng trăm đại diện của các công ty lớn, nhỏ của Mỹ đã hoặc đang tìm đường xâm nhập (hoặc xâm nhập lại) thị trường Việt Nam, vấn đề MIA chỉ là " một phần của quan hệ Mỹ - Việt " (theo cách nói của ông Norris Hickerson, đại diện công ty máy tính Digital Equipment Corp. International tại Hà Nội). Hiệp ước thương mãi khi được ký kết sẽ góp phần quan trọng cho việc gỡ một nút quan trọng đang hạn chế nhiều dự án kinh doanh : sự vắng mặt của Ngân hàng Xuất - Nhập (Exim Bank), với những nguồn tài trợ mà nó có thể cung cấp, từ các chương trình của chính phủ Mỹ. Ông Tony Salzman, chủ tịch công ty V-Trac, đại diện cho công ty Caterpillar, phàn nàn rằng " Hoa Kỳ là nước duy nhất trong OECD (gồm các nước tư bản phát triển) không hỗ trợ tài chính cho xuất khẩu, trong khi các công ty Phần Lan, Anh, Úc, Pháp, Đức đều được chính phủ nước họ giúp đỡ ".

Nhưng đó cũng chỉ là một trong những nút mà các công ty Mỹ gặp phải ở Việt Nam. Các nút kia, về phía Việt Nam : luật lệ phiền hà, không rõ ràng, không nhất quán, tham nhũng tràn lan v.v..., liệu đại sứ Peterson có sẽ góp phần giải toả được, trong các cuộc tiếp xúc, thương thảo với nhà cầm quyền ? Không chờ đợi câu trả lời, nhiều doanh nghiệp lớn của Mỹ đã rút các dự án đầu tư của mình sau quá nhiều khó khăn không vượt nổi. Công ty dầu Amoco (American Oil Company) đóng cửa đại lý ở Việt Nam từ cuối năm 1996. Hãng xe hơi Chrysler vừa cho biết đã rút lại dự án xây một nhà máy tại Việt Nam (đầu tư dự trù : 192 triệu đôla). Trước đó mấy tháng, Occidental Chemical từ bỏ kế hoạch xây dựng một nhà máy chất dẻo trị giá 109 triệu đôla. Dự án đầu tư lớn nhất của Mỹ vào Việt Nam, về một tổ hợp du lịch tại một bãi biển miền trung, trị giá 247 triệu đôla, cũng đã chìm xuống...

Theo ông Peterson, " *chính sách của Mỹ là giúp Việt Nam trở thành một nước thịnh vượng, sống hoà bình với các nước láng giềng và hội nhập vào vùng năng động này* ". Cả hai bên còn có khá nhiều việc phải làm để đẩy cho quan hệ kinh tế giữa hai nước thực sự khởi động !

Thương lượng Việt - Thái

Cùng trong cuối tuần 10-11.5, hai cuộc thương thảo Việt - Thái đã diễn ra tại Hà Nội : Uỷ ban hỗn hợp Việt - Thái về hợp tác kinh tế họp ở cấp thứ trưởng ngoại giao, song song với cuộc đàm phán ở cấp chuyên viên về đánh cá và trật tự trên vùng biển tranh chấp rộng khoảng 6500 km^2 ở vịnh Thái Lan. Đây là vòng đàm phán thứ 8 giữa hai nước về vấn đề này. Hai bên đã thoả thuận sẽ cử tàu tuần tra thực hiện những chuyến đi tuần chung trên vùng. Thái cũng đề nghị hai bên liên doanh đánh cá và chế biến hải sản.

Trong cuộc họp uỷ ban hỗn hợp, hai nước đã đồng khẳng định ý muốn xây dựng một đường xe hơi nối các tỉnh Mukdahan (phía đông Thái) và Đà Nẵng, thông qua tỉnh Savanakhet của Lào. Dự án cũng phù hợp với ý Lào muốn có một đường thông thương ra biển, và sẽ dựa trên con đường Việt - Lào sẵn có là đường 9 hiện rất xấu. Ngân hàng phát triển châu Á sẽ tài trợ việc nghiên cứu khả thi cho công trình. Nhật cũng đã hứa tài trợ 60 triệu đôla xây dựng cây cầu bắc qua sông MêKông, nối liền hai nước Lào - Thái, trên con đường dự tính. (AFP 4 và 12.5.1997)

EPCO, Minh Phụng : tiến hành phá sản doanh nghiệp

Cuối tháng 4 vừa qua, cảnh sát điều tra Thành phố Hồ Chí Minh đã thay đổi quyết định khởi tố ông Liên Khui Thìn, giám đốc công ty EPCO, và ông Tăng Minh Phụng, giám đốc công ty Minh Phụng, từ " *lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản* " thành tội " *lừa đảo chiếm đoạt tài sản* ". Cơ quan cảnh sát điều tra còn bắt giam 13 người đồng phạm với ông Tăng Minh Phụng, trong đó có những giám đốc của 9 công ty " con " của Minh Phụng. Bà Trần Thị Thương, vợ ông Tăng Minh Phụng và giám đốc công ty Phương Nghi, cũng bị truy tố về hành vi đồng phạm.

Hiện nay, hai công ty đã lâm vào tình trạng phá sản : công ty Minh Phụng đang nợ của các ngân hàng và các doanh nghiệp số tiền khoảng 4 300 tỉ đồng (tương đương với 390 triệu đô la) ; công nợ của EPCO được ước tính vào khoảng 1 000 tỷ đồng (tương đương 90 triệu đô la). Theo thống đốc Ngân hàng nhà nước Cao Sĩ Kiêm, các ngân hàng thương mại đã bảo lãnh 44 triệu đô la (tương đương 484 tỉ đồng) tín dụng thư cho EPCO và Minh Phụng, trong đó có 13,8 triệu đô la nợ quá hạn, và đang yêu cầu tòa án kinh tế cho tiến hành phá sản cả hai doanh nghiệp.

Từ năm 1995, để trả những món nợ khổng lồ đã đến hồi đáo hạn, EPCO cũng như Minh Phụng đã sử dụng cùng một thủ thuật : nhập hàng trả chậm với sự bảo lãnh của ngân hàng, bán các lô hàng theo kiểu phá giá nhằm mục đích thu nhanh tiền mặt trả nợ ngân hàng. Chẳng hạn, hàng mấy trăm ngàn tấn phân bón đã được nhập vào rồi bán với giá mỗi ký thấp hơn giá mua đến 500 đồng – tạo ra một hoàn cảnh nghịch lý là giá phân nhập tại Việt Nam lại rẻ hơn thị trường thế giới từ 15 đến 20 % – và trung bình mỗi thương vụ phân bón EPCO hay Minh Phụng đều chịu lỗ từ vài tỷ đồng đến vài chục tỷ đồng. Không dừng lại ở đó, EPCO lập ra thêm10 công ty con và Minh Phụng 30 công ty con để có thể huy động thêm những khoản tín dụng khác và có tiền trả nợ ...

Cho đến tháng 3 vừa qua, khi một cuộc kiểm tra đã phát hiện cùng một lô hàng được đem thế chấp hai lần tại Vietcommbank một mặt để EPCO vay một khoản tín dụng 280 tỷ đồng, mặt khác để Minh Phụng vay 200 tỷ đồng. Hơn thế nữa, lô hàng nói trên đã biến mất, và ông Liên Khui Thìn cũng như ông Tăng Minh Phụng đều không chứng minh được là đã bán những hàng hóa ấy cho ai và ... liệu lô hàng đó có thật hay không. (Tuổi Trẻ 24 và 26.4, 15, 17 và 20.5.97)

Hệ thống ngân hàng theo các quan chức

Trong tình hình thông tin về thực trạng hệ thống ngân hàng bị kiểm duyệt (xem DĐ số tháng 5), người ta đặc biệt đợi xem tuyên bố của quan chức lãnh đạo Ngân hàng nhà nước trả lời chất vấn của quốc hội trong kỳ họp tháng 5. Thống đốc Ngân hàng nhà nước Cao Sĩ Kiêm đã đọc báo cáo ngành ngân hàng xử lý 352 vụ tiêu cực với tổng số tiền thất thoát là 41,6 tỉ đồng, trong đó có 4,4 tỉ đồng đã thu lại được. Số cán bộ sai phạm bị xử lý hành chính và hình sự là 380 người trong đó có 34 người bị xử tù. Trước sự ngạc nhiên của một số đại biểu quốc hội về một bản báo cáo chỉ đề cập đến những sai phạm của cán bộ cấp dưới mà không nói đến trách nhiệm của lãnh đạo Ngân hàng nhà nước trong những vụ án như Tamexco, phó thống đốc Đỗ Quế Lương đã chỉ công nhận trách nhiệm của phó thống đốc Chu Văn Nguyễn – người ký thông báo số 8 cho phép các ngân hàng thương mại Thành phố Hồ Chí Minh cho vay vượt định mức – là đã " *không báo kịp thời cho thống đốc* ".

Trả lời phỏng vấn tiếp theo đó của Thời báo kinh tế Sài Gòn, ông Đỗ Quế Lương thừa nhận một cách chung chung rằng," *trong các vụ án kinh tế lớn gần đây, có sự sai phạm của ngân hàng* ", và sai phạm lần này là ở tầm cao hơn những năm 1989 - 1990, bởi vì khung pháp lý đã được thiết lập và " có trường hợp nắm được luật mà làm sai luật ". Theo ông Lương, cơ quan thanh tra của ngân hàng không phải không biết những vụ việc, nhưng thiếu sót chính do chỗ xử lý kiểu " anh em trong nhà " : thanh tra ngân hàng " *nhắc nhở rồi làm đến đâu thì làm, nếu không làm thì chỉ báo cáo lên trên là hết* ". Ông còn nhấn mạnh : " *Một điều phải nói thêm là trước đây cũng không có cơ chế anh em xử. Gần đây, chính phủ mới ban hành nghị định về xử phạt hành chính trong ngành ngân hàng ...*"

Về thực trạng hệ thống ngân hàng, thống đốc Cao Sĩ Kiêm đưa ra những số liệu của đầu năm 1997, theo đó tổng số nợ khó đòi ở các ngân hàng thương mại chỉ là 1 029 tỷ đồng, tương đương với 90 triệu đô la, tức là khoảng 1 % tổng dư nợ của các ngân hàng (trong khi những nguồn tin không chính thức đều ước tính tổng số nợ khả nghi của hệ thống ngân hàng từ 1 đến 1,5 tỷ đô la !). Đồng thời, ông lại cho rằng khả năng giảm số nợ quá hạn đang gặp nhiều khó khăn do 80 % vốn kinh doanh của các doanh nghiệp là vay từ ngân hàng. Còn theo phó thống đốc Đỗ Quế Lương, tổng số nợ quá hạn là 2 900 tỷ đồng và mức nợ này có thể coi là bình thường. Tuy nhiên, ông cũng cho biết ngành ngân hàng đang rà soát 1, 350 tỷ đô la tín dụng thư nhập hàng trả chậm. Thiếu nợ ngân hàng nhiều nhất hiện nay là các doang nghiệp Dệt Nam Định, Dâu tằm tơ, Thuận Hưng, EPCO, Minh Phụng, Tamexco ... Về phía các ngân hàng, các quan chức cho biết Vietcombank (ngân hàng đã làm mất những khoản tiền khổng lồ trong tất các vụ Tamexco, Minh Phụng, EPCO, Dệt Nam Định ...) đang được chấn chỉnh và tiếp tục hoạt động " đến khi có quyết định mới ".

Được báo chí hỏi về trách nhiệm của các quan chức ngân hàng trong vụ Tamexco, tổng bí thư Đỗ Mười có trả lời như sau : " Phải kiểm tra cụ thể, có kết luận rồi mới nói nó thủng to hay thủng nhỏ. Cái túi thủng to nhất hiện nay là nạn phá rừng gây ra xói mòn, đá ong hoá, lụt lội. Cây hết, muông thú cũng hết, còn sót con nào thì... đem bán. Cá biển ven bờ thì đánh cho cạn kiệt. Kế đến là đào bới mỏ lung tung. Cái thủng hơn nữa là nhiều người không có việc làm. Đấy là cái thủng của cải còn nguy hiểm hơn thủng tiền ". (Thời báo kinh tế Sài Gòn 15.5 ; Lao Động 5 và 24.4 ; Tuổi Trẻ 29.4, 6 và 10.5.97)

✍ *Xin bạn đọc chiêm ngưỡng tài đá bóng ra biên tài tình của tổng bí thư, và cảm phục lòng ưu tư đối với môi trường của nhà lãnh đạo. Với mối quan tâm hàng đầu như thế, hẳn là môi sinh Việt Nam sẽ được cải thiện mau chóng !*

Kinh tế 4 tháng đầu năm : những chỉ số âm đáng lo ngại

Những thống kê chính thức của 4 tháng đầu năm nay cho thấy tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam đang có xu hướng giảm rõ rệt so với cùng thời kỳ năm 1996. Theo bộ trưởng chủ nhiệm văn phòng chính phủ Lại Văn Cử, đã xuất hiện hiện tượng giảm phát : trong 4 tháng đầu năm – là giai đoạn giá cả tăng nhanh nhất trong năm – chỉ số giá hàng hóa và dịch vụ chỉ tăng 1,5 % (tháng giêng : +1,2 %, tháng 2 : +1,8 %, tháng 3 : - 0,5 %, tháng tư : - 0,6 %). Mức lạm phát này, thấp nhất từ trước tới nay, chứa đựng nhiều yếu tố gây trì trệ cho sản xuất kinh doanh trong những tháng tới.

Nông nghiệp vẫn được mùa song giá cả nhiều loại nông sản rất thấp, thậm chí giảm, như lương thực giảm giá đến 9,5 % so với cách đây một năm. Giá cả giữa lương thực và các loại hàng hoá khác ngày một giãn ra : so với năm 1990, lương thực mất giá đến 37 % so với thực phẩm, 10 % so với các loại hàng hóa phi lương thực - thực phẩm, 34 % so với dịch vụ. Sức mua của nông dân trồng lúa giảm, giải thích hiện tượng di dân hiện nay từ nông thôn ra thành thị và từ vùng lúa đến vùng cây công nghiệp.

Tốc độ tăng trưởng công nghiệp (11,6 %) đang chựng lại, nhiều sản phẩm tăng thấp hơn năm 1996, thậm chí còn bị giảm như : quạt điện (- 39 %), thuốc trừ sâu (- 32 %), máy công cụ (-11 %), quần áo dệt kim (-7 %), sữa hộp (- 9 %) ... Một số sản phẩm bị ứ đọng, tồn kho như thép (90 000 tấn), xi măng (530 000 tấn), giấy (15 000 tấn) ...

Số dư tín dụng chỉ tăng 3,6 % so với đầu năm, thấp xa với 6 % của cùng thời kỳ năm 1996. Và mặc dù giảm nhiều lần, lãi suất cho vay còn ở mức 1,15 %/ tháng, tức gấp ba lần tốc độ lạm phát. Đồng thời, một số khoản thu trong ngân sách nhà nước cũng giảm so với cùng thời kỳ năm 1996 như : thuế xuất nhập khẩu (- 6 %), thuế nhà đất (- 45 %), thuế sử dụng đất nông nghiệp (- 40 %) ...

Ngoài ra, theo tính toán của các ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, từ đầu năm nay đồng bạc Việt nam đã mất giá khoảng 4,5 % so với đồng đô la. Nguyên do chủ yếu là sự thiếu hụt của cán cân ngoại thương cùng quyết định của Ngân hàng nhà nước nới lỏng biên độ mua bán ngoại tệ cho các ngân hàng thương mại từ 0,5 % lên 5 %. (Thời báo kinh tế Sài Gòn 8 và 15.5.97)

Quản chế hành chính : từ 6 tháng đến 2 năm

Ngày 14.4 vừa qua, chính phủ đã ban hành nghị định số 31 về qui chế quản chế hành chính đối với " *những người có hành vi phạm pháp xâm phạm đến an ninh quốc gia* " theo bộ luật hình sự, " *nhưng chưa đến mứctruy cứu trách nhiệm hình sự* ". Những người bị quản chế hành chính bắt buộc phải cư trú, làm ăn sinh sống ở một địa phương do chính quyền chỉ định và " *chịu sự quản lý, giáo dục của chính quyền, nhân dân địa phương* " trong một thời hạn từ 6 tháng đến 2 năm. Nghị định này cho phép nhà cầm quyền tước bỏ quyền tự do của mọi công dân, với lý do chính trị và trong vòng hai năm, mà không phải thông qua một qui trình xét xử công khai ở tòa án.

Cùng ngày với nghị định 31, chính phủ còn ban hành chế độ về các trại " giáo dục " (nghị định số 32) và " giáo dưỡng " (nghị định số 33). Đối với người thành niên " *có hành vi vi phạm trật tự, an toàn xã hội có tính chất thường xuyên nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự* ", nghị định 32 cho phép chính quyền có biện pháp xử lý hành chính bằng cách cưỡng bức họ vào những trại lao động cải huấn trong thời hạn từ 6 tháng đến 2 năm. Đối với những người phạm pháp chưa thành niên, nghị định 33 bắt buộc họ vào những trường giáo dưỡng cũng với thời hạn từ 6 tháng đến 2 năm. (Tuổi Trẻ 17 và 19.4.97)

Thu gom đối tượng tệ nạn xã hội : ba thanh niên chết oan

Từ đầu năm nay, tại Thành phố Hồ Chí Minh, chí ít có đến ba thanh niên vô tội đã chết trong những chiến dịch của nhà cầm quyền nhằm " thu gom các đối tượng tệ nạn xã hội " – gồm người mại dâm, người nghiền ma tuý và người lang thang, vô gia cư – đưa vào các trại lao động cải huấn. Theo báo **Tuổi Trẻ**, đó là trường hợp của :

– anh Nguyễn Minh Tuấn, 30 tuổi, mắc bệnh tâm thần, bị công an bắt với lý do " đi lang thang ngoài đường phố, không có giấy tờ tùy thân " và bị sở lao động - xã hội thành phố đưa đi cưỡng bức lao động ở trại Đakru tại Đắc Lắc ; tại đây, do " cơ thể suy kiệt " anh Tuấn đã chết ngày 17.2.

– anh Nguyễn Văn Năng, 40 tuổi, được gia đình làm đơn xin đưa vào bệnh viện chữa bệnh tâm thần, song bị sở lao động - xã hội thành phố đưa đi giáo dục cải tạo ở trại Phú Văn (Bình Dương) với lý do " gây rối trật tự công cộng " ; tại đây, ngày 6.4, trong khi đi lao động, anh Năng bị bốn trại viên khác đánh chết.

– anh Ngô Quốc Bình, học sinh lớp 11, cư ngụ hợp pháp tại quận 3, bị công an bắt trong khi bán báo dạo trong sân ga Sài Gòn và, mặc dù có đơn khiếu nại của thân nhân, bị sở lao động - xã hội áp giải đến trại Phú Văn ; ngày 18.3, anh Bình chết vì chấn thương sọ não do " nhảy xe " bỏ trốn, và được ban giám đốc trại khai tử với tên ... của một người khác.

Sau cái chết của ba thanh niên bị " thu gom " nhầm, sở lao động - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh có thừa nhận là đã vi phạm qui trình bắt người đi lao động cải huấn, không thông qua một hội đồng xét duyệt hồ sơ chi tiết mà đưa thẳng hồ sơ cho phó giám đốc sở quyết định. Và người dân đã lạnh người khi nghe chính phó giám đốc sở Nguyễn Minh Chánh cho biết đã ký hơn 9 000 hồ sơ đưa người vào trại mà không hề có thời gian xem xét ! Chủ tịch uỷ ban nhân dân thành phố Võ Viết Thanh đã phải ra chỉ thị " kiểm điểm " ông Nguyễn Minh Chánh, đồng thời cho kiểm tra lại toàn bộ các hồ sơ do ông Chánh ký từ năm 1966 đến nay. Một đoàn thanh tra cũng sẽ đưa đến kiểm tra những trạm " tiếp nhận " đối tượng tệ nạn xã hội và các trại " giáo dục " Phú Văn, Tân Hiệp, Dakru.

Chỉ riêng một cuộc điều tra của báo **Tuổi Trẻ** ở một trạm tiếp nhận tại quận Bình Thạnh đã phát hiện 11 trường hợp tử vong tại trạm, trong đó có 2 người bị đánh chết và 9 người bệnh nặng không đưa đi bệnh viện kịp thời. Ngoài ra, cuộc

điều tra còn xác nhận hiện tượng cán bộ trạm nhận tiền hối lộ để thả những người bị bắt giữ, giá bình quân là 1 triệu đồng/người. (Tuổi Trẻ 10, 12, 15, 17, 19 và 24.4.97)

Tin giáo dục

Bộ giáo dục và đào tạo đã ban hành quy chế " chuẩn quốc gia giai đoạn 1996-2000 " cho các trường tiểu học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Theo quy chế, các trường muốn được công nhận phải đạt 5 tiêu chuẩn về tổ chức và quản lý, xây dựng đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thực hiện chủ trương xã hội hoá giáo dục và chất lượng giảng dạy. Trường phải có không quá 30 lớp học, mỗi lớp không quá 35 học sinh, phải huy động ít nhất 95 % số trẻ em trong độ tuổi đi học, tỷ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp đạt ít nhất 95 %, có ít nhất 80 % giáo viên đạt chuẩn trung học sư phạm và 20 % có trình độ dạy khá hoặc giỏi v.v... Việc kiểm tra, công nhận và cấp bằng đạt chuẩn quốc gia sẽ được tiến hành từ hội đồng cấp xã cho đến bộ giáo dục và đào tạo.

Mặt khác, sở giáo dục TPHCM đã xét duyệt cho phép thành lập thêm 7 trường tiểu học và 17 trường trung học dân lập. Như vậy toàn thành phố đã có 42 trường trung học dân lập. (Tuổi Trẻ 13 và 20.5.1997)

Vụ án ma túy lớn nhất tại Việt Nam : 8 án tử hình, 8 chung thân

Tòa án Hà Nội vừa xử một vụ buôn lậu ma túy quy mô lớn, từ Thái Lan, Lào qua Việt Nam, và liên quan tới nhiều nhân viên của bộ Nội Vụ : cán bộ, sĩ quan công an, biên phòng, những người có nhiệm vụ trực tiếp đấu tranh chống các tội phạm về ma tuý. Theo bà thẩm phán Hoàng Tân Thanh sau 10 ngày xét xử, đây là tổ chức tội phạm về ma tuý lớn nhất tự trước đến nay bị triệt phá tại Việt Nam. Tám can phạm chính bị tuyên án tử hình là :

1/ Vũ Xuân Trường , 37 tuổi, công an, nguyên đại úy đội đặc nhiệm Cục Cảnh sát hình sự - Bộ Nội vụ. 2/ Đào Xuân Xe, 44 tuổi, lái xe Công ty vận tải số 3. 3/ Vũ Phong Mã, 44 tuổi, công an, nguyên đại úy trưởng Phòng hậu cần Công an Lai Châu. 4/ Nguyễn Trọng Thắng:39 tuổi, cán bộ Công ty XNK Nam Hà - U Đôm Xay. 5/ Dương Ngọc Thắng:, 34 tuổi, lái xe Công ty XNK Nam Hà -U Đôm Xay. 6/ Bùi Danh Ca, 40 tuổi, bộ đội biên phòng, nguyên đại úy trạm trưởng Trạm biên phòng Tây Trang. 7/ Nguyễn Thị Hoa, 33 tuổi, không nghề nghiệp. 8/ Lại Thị Ngấn, 32 tuổi, không nghề nghiệp.

Tám can phạm khác bị tuyên án tù chung thân : Xiêng Khăm Chăn Suna Văn Đi, Trần Ngọc Dương, Đỗ Tuấn Anh, Vũ Thường Kiệt, Nguyễn Trọng Kỳ, Đào Duy Lộc, Vũ Hữu Chỉnh và Tạ Thị Hiển. Ngoài ra, 5 bị can khác bị án tù 3 tới 20 năm tù. Tất cả các bị cáo còn phải phạt tiền (3 tỉ đồng đối với những can phạm chính), tịch thu tang vật, nhà cửa v.v...

Phiên toà 10 ngày đã được dân Hà Nội rất chăm chú theo dõi. Hàng ngày, trước cửa toà án phố Hai Bà Trưng đông nghẹt xe, tắc đường kéo cả sang những phố lân cận ! Nhiều người tỏ ý tiếc rằng toà không treo loa giúp dân theo dõi dễ hơn các cuộc tranh luận.

Quyền tự do cư trú, chính sách hộ khẩu và ...

Diễn Đàn số trước, trong mục tin tức, nhân mấy vụ bê bối ở các ngân hàng, đã trích câu nói đáng tiền của ông giám đốc sở tư pháp TPHCM : " *việc ra văn bản không đúng quy định của nhà nước là phổ biến* ". Thực ra, ông giám đốc cũng có thể nói : " Việc nhà nước ra các quy định không đúng với hiến pháp là phổ biến " ! Các thí dụ có thể dẫn ra thừa mứa, chẳng cần tới một chuyên viên tư pháp nào trợ giúp. Về quyền " tự do báo chí, tự do ngôn luận " chẳng hạn thì chắc khỏi cần bàn cãi, trừ những người cho rằng độc quyền báo chí của đảng cầm quyền cũng là phù hợp với tự do báo chí của công dân. Ai mà chẳng hiểu rằng " công dân " cũng có nhiều loại ? Công dân đảng viên cao cấp, công dân đảng viên thường, công dân cán bộ và công dân không cán bộ v.v... Sự phân loại càng sâu và tinh tế hơn khi xét tới cái gọi là " quyền tự do cư trú ". Chính sách " hộ khẩu " không biết có từ thời nào (xin các sử gia mách giúp) vừa được " đổi mới " trong " **nghị định về đăng ký và quản lý hộ khẩu** " được thủ tướng Võ Văn Kiệt ký ngày 10.5.1997. Đọc trong văn bản của nghị định ấy, đăng trên báo **Tuổi Trẻ** ngày 15.5, người ta có thể đếm thấy ngót nghét hai chục trường hợp " *được chuyển hộ khẩu thường trú đến các thành phố, thị xã* ". Như :

– Công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền điều động trong ngành hoặc khác ngành nhưng cùng nghề chuyên môn đến thay thế cho những công chức, viên chức được thuyên chuyển đi nơi khác, nghỉ hưu, nghỉ mất sức, thôi việc, hoặc được điều động đến công tác.

– Nữ công an, quân đội đã thành lập gia đình hoặc có con.

– Công chức, viên chức đang làm việc ở các tỉnh, thành phố giáp ranh, hàng ngày về ăn ở với bố, mẹ (nếu chưa có vợ, chồng), vợ, chồng, con đang là nhân khẩu thường trú thuộc thành phố.

– Những người hết tuổi lao động, nghỉ hưu, về nghỉ mất sức xin chuyển đến ở với con hoặc anh, chị, em ruột (nếu không có vợ, chồng, con) đang là nhân khẩu thường trú ở thành phố.

– Những người mất khả năng lao động (tàn tật, mất trí, bệnh tật) đến ở với bố, mẹ, con hoặc anh, chị, em ruột, chú, bác, cô, dì ruột hoặc người đỡ đầu (nếu không có bố mẹ, không có vợ, chồng, con) đang là nhân khẩu thường trú ở thành phố.

– Những người đã là nhân khẩu thường trú ở thành phố đi tù, đi thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính các trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh hết hạn trở về không thuộc diện cấm cư trú ở thành phố.

– Những trường hợp đặc biệt khác thì giám đốc công an thành phố báo cáo chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố và bộ trưởng bộ nội vụ quyết định.

Người viết bài này đành chịu lỗi với bạn đọc về tội trích quá dài (tuy mới được khoảng một nửa những trường hợp được kể ra trong nghị định), song thật không biết cách nào lột được hết tinh thần của nó ngoài trích dẫn như vậy. Đã tính quen thói thường thòng một câu " miễn bình ", cho là đủ, song lại nghĩ tới mấy lần bị bạn hữu rầy la rằng cái câu " miễn bình " ấy nó... làm sao ấy, không được *lý lịch rõ ràng* cho lắm. Chẳng hiểu rằng anh " miễn bình " là vì coi khinh, cho rằng câu chuyện không đáng nói thêm, hay là anh chẳng biết bình làm sao cho ngon, hay gì gì khác. Tóm lại là ... chưa đủ. Cho nên đành phải thêm vài lời.

Trước hết, phải nói ngay, theo những người hiểu biết tình hình của xã hội Việt Nam (và hoàn toàn ngược với phản ứng tự nhiên và dễ hiểu của một người đã lâu chưa về nước), *nghị định này là một tiến bộ chứ không phải là một bước lùi đối với chế độ hộ khẩu hiện nay.* Những trường hợp được kể trên đây là những trường hợp trước đây *không* được các thành phố cấp hộ khẩu ! Là những người " không giấy tờ " trên đất nước của mình. Các ông cựu bộ trưởng và bộ trưởng nội vụ Pháp Pasqua, Debré hoàn toàn có thể vỗ ngực nói rằng chúng tôi còn tiến bộ hơn nhiều.

Thế nhưng, bên cạnh việc ghi nhận các " tiến bộ " ấy (phải chăng vì vậy mà một nhà chính trị có tầm cỡ như thủ tướng VVK đã cầm bút ký vào nó ?), không thể không nói lên nhiều điều khác.

Những người cán bộ soạn cái nghị định trên có nghĩ rằng mình đã làm việc liệt kê ra hết các " trường hợp bình thường " của người dân (và bắt ông bộ trưởng nội vụ phải mất công xem xét tất cả những trường hợp khác, không được kể ra) ? Hoặc giả các trường hợp đó đã có sẵn, trong một tệp văn bản " tối mật " nào đó chăng ?

Anh chán ngán thủ đô hoa lệ, đến thành phố cảng du chơi, rồi mến cảnh mến người, ở lại mở cửa hàng hớt tóc làm kế sinh nhai ? Ấy, phải xin hộ khẩu, nộp đơn chờ đồng chí bộ trưởng nội vụ ký ! Chị nghĩ ra một mặt hàng mới, ở cái xứ khỉ ho cò gáy của mình không đủ thi thố, tìm đến thành phố đặt nhà máy gia công, thuê người mở cửa hàng kinh doanh ? Ấy, chị không có vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột là nhân khẩu thường trú nơi đây thì đừng hòng. Giang sơn nào anh hùng nấy mà ! Bạn chú ý, nếu là công chức, viên chức được điều động đến thành phố làm việc, nhưng nếu *không phải là để thay thế cho một công chức, viên chức được thuyên chuyển đi nơi khác, nghỉ hưu...*, thì cũng không được hộ khẩu đấy nhé. Nhân sự mỗi cơ quan, xí nghiệp đã được quy định cả rồi, không có sự tăng bừa bãi đâu. Xứ kinh tế thị trường nhưng định hướng xã hội chủ nghĩa chứ, có phải chơi ?

Vì định hướng xã hội chủ nghĩa nên các loại công dân có thể được kể ra như rứa, ngoài công nhân, viên chức, công an, quân đội, học sinh, còn là những người về hưu, mất khả năng lao động, hoặc ở tù hoặc vừa từ trại giam ra ? Trừ phi... Vâng hoặc giả là thế cũng nên. Có kể ra hàng chục trường hợp tỉ mỉ, bắt anh phải chạy đủ loại giấy chứng minh thư mới cho ăn ngon ngủ yên,... thì mới có chỗ cho những " dịch vụ " phá rào, đồng tiền kinh tế thị trường nuôi các quan viên xã hội chủ nghĩa chứ ! Nghe đâu (xem báo Tuổi Trẻ ngày 22.4), thành phố Hồ Chí Minh còn có những qui định chặt chẽ hơn nữa về chế độ hộ khẩu, chỉ cho nhập cư những người có tay nghề cao hoặc thuộc một nghề nghiệp nhất định. Danh sách những nghề nghiệp ưu tiên này cũng không được công bố. Hẳn là, như thông lệ, mỗi ứng viên nhập cư muốn biết mình có tay nghề cao hay không, hoặc nghề nghiệp mình có thuộc diện được phép hay không... chỉ cần *chi ra* một cử chỉ " đẹp " nào đó ?

Trở lại vấn đề chính. Có chính sách để hạn chế việc một số thành phố phình ra quá cỡ, là một vấn đề nghiêm chỉnh. Nhưng đó phải là những chính sách phát triển kinh tế, văn hoá địa phương để phát huy sáng tạo của người dân, thu hút sức lao động vào những vùng cần được phát triển. Chính sách hộ khẩu lỗi thời không hề đóng góp được gì vào mục tiêu ấy. Và nói thẳng thừng, kể cả mục tiêu " an ninh " của nhà nước (được bảo đảm hơn nhiều từ khi có những đổi mới về quản lý kinh tế, giảm rất nhiều căng thẳng trong xã hội). Nó chỉ tạo điều kiện cho sự hoành hành của nạn tham nhũng, cho phép các quan tuần, lý mới áp bức những người dân thấp cổ bé miệng. Chính phủ của ông VVK thừa sức hiểu điều ấy. Vẫn trong bài báo đã dẫn của Tuổi Trẻ, theo bộ lao động và xã hội, chính phủ sắp ban hành một nghị định bảo đảm quyền tự do di chuyển tìm việc làm của công dân. Nguyên tắc bao trùm của nghị định này là " *không cấm công dân tìm kiếm việc làm tại các thành phố trên lãnh thổ Việt Nam* ". Theo chuyên gia của bộ, điều này là " *đúng với quyền tự do cư trú và quyền tự do lao động công nhận trong hiến pháp và bộ luật lao động* ". Văn bản dưới luật sẽ qui định rằng mọi công dân, được chính quyền địa phương nơi đăng ký hộ khẩu cấp giấy xác nhận đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ (và không trong thời gian bị phạt tù, không đang bị truy tố) được quyền đăng ký cư trú tại địa phương khác và được chính quyền địa phương đó cấp thẻ lao động cho phép tìm kiếm việc làm.

Tuy nhiên, nội việc phải ra một nghị định " *không cấm tìm kiếm việc làm* " ở nơi mình không có hộ khẩu đã đủ chứng tỏ cái tính chất trấn áp quá lạc hậu (đi ngược với mọi mục tiêu phát triển kinh tế của nhà nước) của chính sách hộ khẩu đó. Đổi mới thực sự, đơn giản và hợp lý nhất là huỷ bỏ nó, không thương tiếc. Cái nghị định mới về chính sách hộ khẩu nói trong bài này không mở ra được gì đáng phấn khởi (ngoài việc cho phép giải quyết một số trường hợp quá ư bất nhân của thời trước, như trên đã nói). Nó chỉ chứng tỏ sự nhùng nhằng trong các lựa chọn của đảng cầm quyền hiện nay. Sự nhất quán trong luật pháp đòi hỏi rằng nghị định về quyền tự do tìm kiếm việc làm có điều khoản bãi bỏ các nghị định đã ban hành về chính sách hộ khẩu.

Liệu chính phủ của ông Kiệt có đủ thế và lực để thực hiện điều đó ?

Hoà Vân

Vụ án ma tuý

Sẽ tiếp tục làm rõ " những người có liên quan " ?

Ngay sau khi kết thúc phiên tòa xét xử đường dây ma túy xuyên quốc gia Xiêng Khăm Chăn - Đào Xuân Xe - Vũ Xuân Trường, chánh án Tòa án Nhân dân TP Hà Nội Đặng Minh Ngọc đã tổ chức họp báo.

– **Tuổi Trẻ** : Thưa ông, trong vụ án này, tại phiên tòa, cục trưởng Cục Cảnh sát kinh tế (CSKT) Trần Duy Sản cũng thừa nhận nếu ông không phê vào báo cáo của Vũ Hữu Chỉnh thì Chỉnh và Trường không thể lấy được chiếc xe tang vật 0054 trong vụ án Xiêng Phênh. Tại phiên tòa, Lê Văn Quân cũng khai nhận là khi đưa đề nghị cho Chỉnh và Trường lấy xe, Vũ Bản có nói đã được cục phó Cục Cảnh sát điều tra (CSĐT) Đặng Văn Sang đồng ý. Nhưng tòa lại chưa làm rõ trách nhiệm của hai người này. Liệu sau đây toà có đề nghị các cơ quan chức năng tiếp tục làm rõ thêm không ?

– **Ông Đặng Minh Ngọc**: Trong phần lập luận của chủ tọa phiên tòa đã nói rõ sau này các cơ quan điều tra phải có trách nhiệm làm rõ những hành vi của những người có liên quan. Còn tại phiên tòa hai bị cáo Vũ Bản và Lê Văn Quân đều đổ lỗi cho nhau và có nói là đã được sự đồng ý của ông Sang, nhưng bản thân ông Sang thì lại phủ nhận điều đó. Về mặt pháp lý, không có tài liệu nào khẳng định ông Sang đồng ý cả. Vì vậy hai bị cáo Bản và Quân phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Tôi cũng đã đọc bản giải trình của anh Sang, trong đó anh Sang khẳng định " không cho phép, vì không được Vũ Bản báo cáo, chứ nếu có báo cáo thì có khi cũng cho phép rồi ". Cũng xin nói thêm rằng, trước đó cơ quan cấp trên cũng có để ý xem xét về trách nhiệm của anh Sản và anh Sang, chúng tôi cũng đã có xem xét, nhưng còn nhiều vấn đề cần phải làm rõ về mặt chứng cứ vì vậy chúng ta hãy chờ cơ quan điều tra tiếp tục làm việc.

– Tại phiên tòa Trường khai rằng đã lấy ra khỏi bình xăng hai ngăn của chiếc xe 0054 chừng 20–30 bánh heroin, nhưng vì hàm lượng quá thấp (chỉ có khoảng 0,6–0,7%) nên đã vứt đi. Tại sao tòa không làm rõ hành vi này vì chẳng lẽ Xiêng Phênh lại chỉ xếp toàn heroin xấu vào bình xăng hai ngăn? Tòa có kiến nghị làm rõ thêm không ?

– Cơ quan điều tra đã điều tra được đến như thế thì tòa chỉ có thể xét xử được như vậy. Còn nếu cấp phúc thẩm thấy cần phải làm rõ thêm hành vi này thì tùy cấp phúc thẩm sẽ xử lý.

– Thưa chánh án, hiện có không ít người quan tâm đến số phận của hai bị án Xiêng Phênh và Xiêng Nhung " đã lãnh án tử hình trước đó ". Liệu họ có được sự khoan hồng nào không vì đã khai báo thành khẩn ?

– Vấn đề này thuộc thẩm quyền của cấp trên. Cấp trên có xem xét hay không thì chưa rõ. Còn nếu cứ chiếu theo thông tư liên ngành 09 về xử phạt các tội phạm ma túy mà 1 ký heroin trở lên là có thể tử hình, vì họ buôn bán heroin với số lượng quá lớn. Tuy nhiên họ đã thành khẩn khai báo, vì vậy cấp trên sẽ xem xét.

– Tại phiên tòa, khi được xét hỏi về việc tạo kế hoạch đưa chiếc xe 0054 ra khỏi nơi cất giữ để moi heroin, Vũ Xuân Trường có khai rằng : sau khi được một công an Lai Châu mật báo, Trường đã báo với Chỉnh và một người là thư ký của một thứ trưởng Bộ Nội vụ. Liệu tòa có yêu cầu cơ quan điều tra làm rõ thêm lời khai này ?

– Nếu có việc đó thì sẽ được xem xét ở một thời điểm khác khi cơ quan điều tra có đủ chứng cứ.

– Đài truyền hình trung ương: Trong lời khai của Bùi Danh Ca cho thấy không chỉ có những sĩ quan biên phòng như Ca, Dương, Tuấn mà còn có cả sự bảo kê của một vài đối tượng là nhân viên hải quan. Vì sao tòa không làm rõ việc này ?

– Tài liệu điều tra chưa cho thấy chứng cứ nào khẳng định có sự tiếp tay của hải quan Lai Châu cho bọn buôn lậu heroin. Những bị cáo khác tại phiên tòa cũng không khai báo gì về những hành vi nhận tiền của hải quan. Vì vậy tòa không có đủ cơ sở để xem xét.

– Báo Người Lao Động: Thưa ông, theo thông tư 09, cứ buôn bán, tàng trữ 1kg heroin trở lên thì phải chịu mức án tử hình. Trong vụ án này chỉ có tám án tử hình. Liệu xét xử như vậy đã nghiêm ?

– Một vụ án mà có tới tám án tử hình, tám án chung thân là rất cao rồi. Nếu cứ xét ra từng vụ nhỏ để xét xử thì chắc là mức án sẽ cao hơn nữa. Tuy nhiên, trong một phiên tòa mà tuyên quá nhiều án tử hình thì người ta sẽ cho rằng luật pháp nước ta không có sự khoan hồng. Về mức độ vi phạm thì thật ra gia đình Vũ Xuân Trường gồm Trường, Lụa (vợ Trường) và Kiệt (em Trường) đều phải chịu hình phạt cao nhất, nhưng tòa cũng có xem xét tới yếu tố trong một gia đình vợ phụ thuộc chồng, em phụ thuộc anh mà phạm tội; vì vậy pháp luật mới có sự khoan hồng giảm mức án cho Kiệt xuống chung thân, Lụa 20 năm tù giam.

– Tuổi Trẻ: Thưa ông, khi ra trước vành móng ngựa, các bị cáo (trừ Khúc Thị Đào tại ngoại) đều bị còng tay. Liệu như vậy có hợp pháp vì các bị cáo chưa thành án chưa thể bị coi là có tội ?

– Nhiều bị cáo ý thức được hành vi phạm tội của mình là rất nặng, nhất là khi trong trại giam, họ đọc báo thấy nói sẽ có nhiều án tử hình, nên nhiều tên có ý định tự sát. Ví dụ Vũ Xuân Trường định trèo lên trần nhà đâm đầu xuống sàn trại giam để tự vẫn, vì y nghĩ cả vợ, em y đều sẽ bị xử mức án cao nhất. Nhưng sau khi được anh em quản lý trại giam động viên rằng pháp luật sẽ khoan hồng nếu có thái độ khai báo thành khẩn, khi ấy Trường mới chịu từ bỏ ý định tự sát và ăn uống bình thường. Vì vậy chúng tôi phải còng tay các bị cáo, trước hết là để bảo vệ cho chính các bị cáo để đảm bảo xét xử; hơn nữa, đây là loại tội phạm đặc biệt nguy hiểm, nên để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho những người làm nhiệm vụ và những người tham dự phiên tòa buộc chúng tôi phải có biện pháp phòng ngừa bằng cách cho còng tay các bị cáo.

Lê Thọ Bình và Thuỷ Cúc
(Tuổi Trẻ 15.5.1997)

cộng đồng

Người Việt Nam tại Úc

Tiếp tục loạt bài về người Việt Nam ở hải ngoại, dưới đây là bài phỏng vấn ông Nguyễn Đức Hiệp, 41 tuổi, chuyên gia về môi trường, hiện làm việc ở Sydney, Úc.

DĐ : *Xin anh cho biết hiện nay có bao nhiêu người Việt Nam ở Úc ?*

NĐH : 150 000 người, theo số liệu năm 1991 của Trung tâm Nghiên cứu Châu Á Thái Bình Dương (Centre for Asia Pacific Studies). Trước 1975, có khoảng 300 người, đa số là sinh viên. Mùa xuân 1975, có một đợt những người Việt Nam làm việc cho các cơ quan Úc ở miền Nam, hoặc lập gia đình với người Úc, và những cô nhi Việt Nam. Từ đó cho đến 1979, lẻ tẻ có những đợt thuyền nhân từ các trại tị nạn được Úc nhận nhập cư. Phần lớn người Việt Nam tại Úc đã nhập cư trong thập niên 1980. Từ năm 1991 trở đi, luồng nhập cư giảm đi rất nhiều, chủ yếu là theo diện đoàn tụ gia đình.

Hiện nay, ngoài diện đoàn tụ gia đình, còn có một số du học sinh, người sang thăm thân nhân và du khách.

Vừa qua, chính phủ Úc đã cấp cho Việt Nam 100 học bổng đủ loại (đại học, sau đại học, tu nghiệp). Hiện nay, tại các trường đại học Úc, có khoảng 200 du học sinh Việt Nam, trong đó khoảng 30 người là du học sinh tự túc. Đây là những sinh viên ghi tên vào những học trình một vài năm. Thêm vào đó, có khoảng 50 sinh viên tự túc sang Úc theo học những khoá Anh văn 6 tháng.

DĐ : *Xin anh cho biết vài nét chính về cộng đồng Việt Nam ở Úc, so với cộng đồng di dân của các nước khác, cũng như về thành phần ?*

NĐH : 150 000 người là một con số tương đối lớn. So với cộng đồng Việt Nam ở nước ngoài, thì sau Hoa Kỳ (khoảng 1 triệu), cộng đồng Việt Nam ở Úc đứng " đồng hạng " với cộng đồng ở Pháp (ước tính tối thiểu 100 000 người, có người đưa con số 250 000) và ở Canada (120 000 - 140 000).

Tại Úc, so với nhiều cộng đồng di dân khác, người Việt Nam cũng khá đông, nhưng vẫn ít hơn các cộng đồng người Ý, Hi Lạp, Trung Quốc, Ireland, Anh... đã sinh cơ lập nghiệp ở đây từ nhiều thế hệ.

Về thành phần cộng đồng, tôi không rõ đã có những cuộc điều tra chưa, nên chỉ dám đưa hai nhận xét nhỏ. Một là giới trí thức (đứng tuổi) ảnh hưởng rất ít trong cộng đồng. Hai là tiềm lực của giới trẻ. Ở bậc trung học, có nhiều học sinh Việt Nam xuất sắc. Tỷ lệ sinh viên Việt Nam vào đại học cũng rất cao. Đã bắt đầu có nhiều người tốt nghiệp, vào làm chuyên môn trong các công ty tư nhân và cơ quan nhà nước. Nói chung, giới trẻ hội nhập xã hội Úc rất thành công và dễ dàng hơn các thế hệ trước.

DĐ : *Người Việt Nam có mặt khắp nơi hay sống tập trung ở một vài địa phương ? Sinh hoạt ra sao ?*

NĐH : Các tiểu bang đều có người Việt, đặc biệt ở các thành phố Sydney, Melbourne, Brisbane, Adelaide, Perth và thủ đô Canberra. Tại Sydney, khu tập trung lớn là Cabramatta (có phần lớn hơn khu Tiểu Sài Gòn ở California). Tại Melbourne có khu Richmond.

Đoàn thể có nhiều (cao niên, phụ nữ, sinh viên...), không thiếu đoàn thể chính trị. Báo chí : *Chiều Dương* (nhật báo), *Việt Luận* (1 tuần 2 số), *Dân Việt, Nhân Quyền, TV tuần san* (tuần báo), *Nguyệt san Hoa Niên*... Tạp chí có chất lượng thì phải kể tạp chí không định kỳ của hội *Australian Association of Vietnamese Studies* do ông Nguyễn Xuân Thu chủ biên.

DĐ : *Chính sách nhập cư và nhập tịch của Úc đối với người Việt Nam hiện nay ra sao ?*

NĐH : Hiện nay chính sách nhập cư của Úc nói chung rất là gắt gao. Riêng đối với người Việt, chỉ có diện vợ chồng là được chấp nhận nhập cư.

Sau hai năm cư trú, người ngoại quốc có thể xin vào quốc tịch Úc. Theo tôi biết, tỉ lệ người Việt nhập tịch Úc rất cao so với các sắc dân khác.

DĐ : *Ngoài giới trẻ mà anh đã nói trên, tình hình hội nhập của người Việt ở Úc đã tới đâu ? Hình ảnh người Việt trong dư luận Úc ra sao ? Đã có những nhân vật Việt Nam nào nổi bật ?...*

NĐH : Có một số, đầu tiên phải kể ông Nguyễn Sang, thị trưởng Richmond. Ông Sang năm nay khoảng 35 tuổi, sang Úc đầu thập niên 80. Có lẽ ông là người Việt Nam đầu tiên được bầu làm thị trưởng một thành phố ở ngoài Việt Nam.

Đa số người Việt Nam tại Úc thuộc thế hệ thứ nhất, nên sự hoà nhập mới ở giai đoạn khởi đầu. Yếu tố thuận lợi là người Việt Nam chăm chỉ, học khá. Hiện nay đã có nhiều người làm việc ở các chức vụ chuyên môn ở các công ti, cơ quan chính phủ.

Mặt khác, hình ảnh người Việt ở Úc cũng có mặt xấu (tuy chưa đến nỗi tai tiếng như người Liban). Nó gắn liền với khu Cabramatta : buôn bán thuốc phiện, thất nghiệp nhiều, ẩu đả... Không có hình ảnh xấu về gian lận tiền trợ cấp xã hội *welfare* (như một thời ở California), hay đúng hơn, đó phần nào là hình ảnh chung về các cộng đồng người nhập cư, người Việt không có gì nổi bật về mặt này.

DĐ : *Úc là nước phương Tây đi hàng đầu trong buôn bán và hợp tác với Việt Nam. Còn về mặt hiểu biết, học thuật, Úc đã có một nền Việt học chưa ?*

NĐH : Hai trường đại học ANU (Australian National University) và VUT (Victoria University of Technology) đã có trung tâm nghiên cứu về Việt Nam. Có thể Úc là một trong những trung tâm Việt học đáng kể trên thế giới hiện nay.

Ngoài ra, tiếng Việt được giảng dạy ở một số trường tiểu học, trung học và đại học.

DĐ : *Quan hệ của cộng đồng người Việt ở Úc với Việt Nam hiện nay ra sao ? triển vọng thế nào ?*

NĐH : Theo báo chí thì cho đến nay khoảng 50 000 người Việt Nam ở Úc đã có dịp về Việt Nam. Chủ yếu là để thăm nhà, du lịch. Một số không nhỏ cũng đã về nước kinh doanh và đầu tư. Trí thức tham gia các chương trình hợp tác Úc-Việt còn rất ít.

Nói chung ở Úc, đa số lo làm ăn sinh sống, ít tham gia các hoạt động chính trị mặc dầu họ mong muốn tình hình Việt Nam được cải thiện nhiều hơn nữa so với hiện nay. □

Anh Viện

Ông Nguyễn Khắc Viện, nguyên tổng thư ký Liên hiệp Việt kiều tại Pháp, nguyên giám đốc Nhà xuất bản Ngoại văn, tổng biên tập báo *Thư tín Việt Nam* và tạp chí *Nghiên cứu Việt Nam*, giám đốc Trung tâm N-T, giải thưởng lớn Pháp ngữ của Viện Hàn lâm Pháp (1992), huân chương Độc Lập hạng nhất (1997), đã từ trần ngày 10.5.1997 tại nhà riêng ở Hà Nội, sau nhiều tháng trọng bệnh, thọ 85 tuổi. Đám tang bác sĩ Nguyễn Khắc Viện đã cử hành ngày 16.5 tại nghĩa trang Mai Dịch. Các nhà lãnh đạo (Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt, Võ Nguyên Giáp...) đã tới viếng hoặc gửi vòng hoa.

Anh chỉ kém Bác Hãn 5 tuổi và ngang tuổi mẹ tôi, nhưng tôi xin phép vẫn được gọi bằng anh, như từ ngày được gặp anh lần đầu ở Pháp, khi ấy anh chưa đầy ngũ tuần.

Được tin anh đau nặng từ tháng 11 năm ngoái. Với bạn bè tới thăm hay điện thoại từ xa, anh nói sẽ không *qua khỏi* năm 1996. Trước đó vài tháng, anh đã viết một bài trên báo *Sức khoẻ & Đời sống* đăng kèm lá thư viết từ tháng 4-96 :

Kính gửi các bạn đồng nghiệp ngành y tế,

Tôi nay đã 83 tuổi, từ hơn 40 năm nay bị thiếu thở trầm trọng, nay mai giá thử có tai biến gì, hay mắc thêm bệnh khác, xin các cơ sở y tế tiếp nhận tôi :

– Đừng khám nghiệm gì thêm : X quang, thử máu, nội soi...

– Đừng cho thuốc men nào, không phẫu thuật, truyền huyết thanh, thở oxy...

Xin để cho tôi ra đi nhẹ nhàng, rút ngắn những ngày nằm dài, không trò chuyện gì được với ai, ăn uống vệ sinh đều phải người phục vụ, sống thêm vài ba ngày hay tháng chỉ làm khổ cho bản thân, cho vợ con, cho các bạn. Chỉ xin thuốc giảm đau, nếu cần dùng morphin cũng chẳng hề gì.

Nếu cứ ép buộc tôi, tôi sẽ hết sức cuỡng lại.

Tôi xin tuyên bố gánh lấy trách nhiệm hoàn toàn về tôi.

Xin trân trọng biết ơn các bạn.

Trong bài báo, anh bảo vệ quyền tới tuổi được chết và quyền giúp chết (*euthanasie*), tạo ra một từ mới, rất đạt, là *hộ tử*, cũng như khi người ta ra đời, được bác sĩ hay bà đỡ *hộ sinh*. Quan niệm *hộ tử* từ lâu đã phổ biến ở Bắc Âu, gần đây ở Tây Âu. Ở ta còn mới.

Đó cũng là một đặc tính trong phong cách Nguyễn Khắc Viện : một thái độ *dấn thân* toàn tâm, toàn ý, lời nói và việc làm đi đôi với nhau. Luôn luôn quan tâm tới các vấn đề của xã hội, tuổi càng cao, anh càng đạt tới cái đạo lý : tiếp cận các vấn đề ấy từ góc độ con người, những cỏn người cụ thể. Anh đặt vấn đề *hộ tử* cũng như anh đã phổ biến phương pháp dưỡng sinh, luyện thở trong giới các cụ già, bắt đầu từ ngõ Nguyễn Chế Nghĩa, phố Trần Hưng Đạo, ra thành phố, rồi cả nước. Cũng như anh đã xách túi đựng những quả cầu bằng nhựa mà anh đặt làm, đi khắp phố phường Hà Nội để bán cho thiếu niên, gây lại trò chơi đá cầu truyền thống, với cao vọng nâng nó thành một bộ môn thể thao. Đối với anh, đó là những việc quan trọng không kém việc viết cuốn *Một đôi lời*, tâm sự với thanh niên đang cùng xã hội trải qua cuộc khủng hoảng của thập niên 80, hay thành lập và nuôi sống Trung tâm N-T nghiên cứu tâm lý trẻ em (tổ chức phi chính quyền đầu tiên ở Hà Nội, ra đời năm 1989).

Người không biết anh, có thể cho một vài việc vừa kể trên là *chuyện đồ gàn*. Nói như vậy chỉ đúng một nửa, nghĩa là sai hoàn toàn. Đúng, vì Nguyễn Khắc Viện quả là một *ông đồ* thời nay, thậm chí một ông *đồ Nghệ* : anh đã chẳng từng dùng bút hiệu *Nguyễn Nghệ* để viết sách và báo ở Pháp đó sao ? — kể cũng hơi lạ, anh là người Hà Tĩnh, cũng như bác Hãn, mà theo tôi hiểu, đối với nhiều bà con Nghệ Tĩnh, thì Nghệ là Nghệ, Tĩnh là Tĩnh ! Nhưng thôi, chuyện *ông đồ* xin nói sau. Ở đây, xin nói về cái sai của thành kiến giả định trên : quan niệm của anh Viện là thân thể, tâm thần và tư tưởng con người là một *tổng thể*. Đó không chỉ là một quan niệm, mà là kinh nghiệm sống còn của bản thân anh.

Để hiểu điều đó, có lẽ chỉ cần gặp anh một lần. Chưa gặp, chỉ cần nhìn pho tượng la hán Tuyết Sơn ở chùa Tây phương : một thân hình gầy guộc, một đôi mắt tinh anh. Anh Viện chỉ " hơn " Tuyết Sơn một điểm : lưng anh sâu hoắm một vệt dài. Con người ấy, từ nửa thế kỷ nay, sống với dung tích hai phần ba lá phổi bên trái (lá bên phải đã bị cắt hoàn toàn). Chín năm (1942-51) sống ở viện dưỡng lao St-Hilaire-

Có lần tôi hỏi anh : " Nếu như làm một tuyển tập các bài viết của anh, thì theo anh, những bài nào là có giá trị lâu dài ? "

— Trước hết là bài về tập thở...

Hàng ngàn trang viết của anh, trong đó không ít trang được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới, được bạn bè quốc tế coi là " cẩm nang " khi nghiên cứu về Việt Nam, vậy mà anh lại coi bài về mấy câu rất thô sơ là giá trị nhất : *Thót bụng thở ra / Phình bụng thở vào / Hai vai bất động / Chân tay thả lỏng / Êm, chậm, sâu, đều / Bình thường qua mũi / Khi gấp qua mồm / Đứng ngồi hay nằm / Ở đâu cũng được / Lúc nào cũng được*. Tôi thầm đọc và không khỏi mỉm cười. Theo cách nghĩ thông thường, bảo rằng mấy câu vè nôm na này là " tác phẩm " giá trị nhất của bác sĩ Nguyễn Khắc Viện thì quả là hài hước. Nhưng hình như anh nói nghiêm chỉnh... Và hình như anh biết tôi đang thầm đọc, nên khẽ nhắc thêm : " *Nhưng nhớ là phải theo thật đúng, không sót một câu nào, chữ nào* ".

Tôi nhớ, trước đây đã có lần anh bảo : " *Hàng trăm bài viết của mình bàn chuyện thế sự, cho dù in khắp đông tây nam bắc, có khi gây sự và chịu tai tiếng, nhưng rồi cũng qua thôi. Chính trị là thế. Còn bài vè thì đúng với muôn đời, muôn người. Có thể nói đây là luận văn khoa học ngắn gọn về khí công dễ phổ biến nhất, kể cả những người mù* ".

Nguyễn Khắc Phê (*Tuổi trẻ Chủ nhật*, 18.5.97)

du-Touvet (gần Grenoble), một năm ròng " *nằm yên không nói một lời, y tá lặng lẽ ra vào chăm sóc* ", 7 lần lên bàn mổ, cưa 8 khúc xương sườn. Trong thập niên 40 (chưa có thuốc kháng sinh, lại trong điều kiện chiến tranh) khi người ta bị lao, thì chỉ còn cách nằm chờ, bệnh nhẹ thì cơ thể vượt qua thử thách, bệnh nặng thì hy vọng sống vài năm là cùng. Anh Viện bệnh nặng, rất nặng, chỉ còn cách vận dụng yoga, khí công và hiểu biết khoa học để tìm ra phương pháp *thở bụng* (xem khung trang bên), rèn luyện *tâm thể* để đẩy lùi tử thần.

Nguyễn Khắc Viện sinh ngày 6-2-1913 tại Hương Sơn, Hà Tĩnh, con trai cụ nghè Nguyễn Khắc Niêm (hai đời vợ, 14 con). Đỗ tiến sĩ, cụ mong làm quan đốc học, nhưng Pháp bỏ chữ nho, cụ đành làm quan chính trị (án sát Vinh, rồi về làm việc ở Huế) và căn dặn các con *đừng làm quan*. Đỗ tú tài ở Hà Nội xong, giữa Luật và Y dược, " *vào luật tất dẫn đến làm quan, tôi lựa ngành y, sau này chữa bệnh cứu người, vừa bảo đảm cuộc sống đầy đủ cho bản thân và gia đình, vừa được xã hội kính trọng : chữa cho người giàu lấy tiền nuôi thân, chữa không tiền cho người nghèo, và ngay những người Pháp cũng phải nhờ đến tôi khi gặp bệnh nặng* ". Năm 1937, học xong năm thứ ba y khoa Hà Nội (cùng Phạm Biểu Tâm), Nguyễn Khắc Viện lên đường sang Pháp. Ngoại trú, rồi nội trú các bệnh viện Paris, tốt nghiệp bác sĩ y khoa năm 1941.

Con đường học vấn và lập danh thẳng băng của người thanh niên ưu tú ấy đến đây gặp một khúc ngoặt, của thời đại, và của cá nhân.

Mùa hè 1939, anh đạp xe đạp đi nghỉ hè ở vùng Bretagne (năm trước, đạp xe xuống Bordeaux, đi về 1200 km). Tháng 9, đạp xe về Paris, thì Chiến tranh thế giới thứ II cũng ập tới. " *Chuyện gì vậy ? Cho đến lúc ấy tôi chưa bao giờ mua một tờ báo, không bao giờ nghe đài ; ai đánh ai, vì sao, được thua sẽ như thế nào ? phátxít là gì ? chống phátxít là gì ? toàn những câu hỏi hết sức xa lạ với tôi, lần đầu tiên tôi vấp phải, mà không có một cơ sở nào để giải đáp (...) trong mấy năm trời, mải học tôi chẳng hề biết đến, nay tôi đứng trước một cuộn tơ vò không biết gỡ theo mối nào* ". Thời cuộc là thế, cá nhân thì bệnh lao bắt đầu, như đã kể ở trên. Cùng lúc ấy, tình hình người Việt Nam ở Pháp có một thay đổi lớn : từ mấy trăm người (chủ yếu là học sinh, sinh viên và trí thức), nay thành mấy vạn, gồm những *cơ*, những *ngũ* công binh, chiến binh — ta vẫn gọi chung là *lính thợ, hay ONS (ouvriers non spécialisés, thợ không chuyên nghiệp)* — mà chính quyền thuộc địa đưa sang Pháp để phục vụ cuộc chiến tranh chống Đức trong khoảng 39-40. Vừa đặt chân lên mẫu quốc được vài tháng, thì Pháp thua trận, hai ba chục nghìn lính thợ Việt Nam phải sống và lao động khổ cực trong những trại dưới sự quản trị của sở Nhân công bản xứ (Main d'œuvre indigène, viết tắt là M.O.I., từ đó có tên *sở Mọi, làng Mọi*), nhiều người bị bệnh. Một số trí thức và sinh viên, trong đó có anh Viện, tìm cách giúp đỡ anh em công chiến binh, chủ yếu về mặt xã hội, y tế và văn hoá.

Đó là thời điểm trỗi dậy của tinh thần dân tộc, cũng là giai đoạn trăn trở tìm đường của những thanh niên Việt Nam tại Pháp. Cùng một điểm xuất phát là lòng yêu nước, họ sẽ đi theo những hành trình rất khác nhau. Ở Paris, bác sĩ Trần Hữu Tước hình như đi con đường thẳng, đưa anh từ bệnh viện tới chiến luỹ (*barricade*) giải phóng Paris mùa hè 1944. Trước đó hai năm, Huỳnh Khương An đang chuẩn bị thi thạc sĩ (*agrégation*), sẽ bị Đức xử bắn ở Chateaubriant (mộ anh hiện ở nghĩa trang Père-Lachaise (Paris). Phạm Quang Lễ (tướng Trần Đại Nghĩa tương lai, cha đẻ của súng không giật SKZ) mùa hè 40, khi quân Đức tràn sang Pháp, cùng Nguyễn Khắc Viện, Hoàng Xuân Nhị đi xe đạp tản cư xuống bờ nam sông Loire, sau đó tìm đường sang Đức để học chế tạo vũ khí. Hè 1943, một nhóm sinh viên Việt Nam khác cũng sang Đức học, trong đó có Hoàng Xuân Nhị, Lê Văn Thiêm (nhà toán học), Nguyễn Hoán (hoá học), Trần Văn Du (bác sĩ). Có lẽ không phải ngẫu nhiên mà cùng thời điểm ấy, ở Việt Nam, một số sinh viên lên đường sang Nhật. Trong số ấy, hai người trở thành những nhà khoa học lỗi lạc và sẽ trở về nước tham gia kháng chiến : Đặng Văn Ngữ (sinh học), Lương Định Của (nông học).

Họ đều là những trí thức, những nhà khoa học, không ai trở thành chính khách. Tại sao họ sang Đức, sang Nhật (ngoài lý do là họ được cấp học bổng, và gặp dịp học hỏi chuyên môn) ? Có động cơ chính trị nào không ? Hiện nay, chúng ta không có một tài liệu nào, một chứng từ nào cho phép khẳng định chính xác. Chỉ biết là không ai trong họ bị quyến rũ bởi ý thức hệ quốc xã phátxít. Và chắc sẽ không sai sự thực nếu ta giả định rằng, cũng như nhiều thanh niên trí thức các nước thuộc địa khác, họ có thể đã lập luận theo kiểu " *kẻ thù của kẻ thù* (có thể) *là bạn ta* ". Đó là nếu họ có những suy nghĩ chính trị, chứ không ngừng ở ý chí học cho bằng được kỹ thuật chuyên môn để sau này phục vụ đất nước (như trường hợp Trần Đại Nghĩa).

Còn Nguyễn Khắc Viện ? Sau 18 tháng điều trị ở St-Hilaire-du-Touvet, người thấy khoẻ, mùa hè 1943, anh " xuống núi ". Anh đã đi theo đoàn sinh viên sang cả Berlin, để thấy quang cảnh nước Đức sau thất bại ở Stalingrad, và hai tuần sau, trở về Pháp, " *lao vào hoạt động xã hội chính trị, không dựa vào một tổ chức nào, chỉ vài anh em bàn qua với nhau, tôi vừa phí sức vừa phí thời giờ chạy qua chạy lại từ trại này sang trại khác. Thời chiến, ăn uống thất thường, đi lại khó khăn, mệt xác thì nhiều, kết quả chẳng là bao. Dù sao nhờ đó cũng làm quen được một số anh em cốt cán trong các trại chiến binh và công binh* " (*còn tiếp*).

Nguyễn Ngọc Giao

Les amis du Dr. Nguyen Khac Vien, l'Association de soutien à la Fondation N.T., l'Association " Enfance : Etat des lieux " et l'ensemble des associations qui l'ont fondée, l'Association d'amitié franco-vietnamienne, l'Association des Sciences Sociales des Vietnamiens en France et le Comité pour la coopération scientifique et technique avec le Vietnam

vous convient à la soirée

Hommage à Nguyễn Khắc Viện

le mercredi 18 juin 1997 à 19h

à l'UNESCO (*Salle de cinéma*)

7, place Fontenoy, 75007 PARIS

tưởng nhớ
PHÙNG CUNG
(1928-1997)

Nhà văn – nhà thơ Phùng Cung đã từ trần ngày 9.5.97 tại Hà Nội, sau một tháng trọng bệnh (ung thư dạ dày), thọ 70 tuổi. Ông đã được gia đình và bạn thân tiễn đưa tới nơi an nghỉ cuối cùng tại làng Chèm, bên bờ sông Hồng, chiều chủ nhật 11.5.97. Tại đây, ông Nguyễn Hữu Đang, người đứng đầu nhóm Nhân văn & Giai phẩm, đã đọc điếu văn vĩnh biệt người quá cố trước khi con trai nhà thơ, Phùng Hà, thay mặt gia đình, cảm ơn những người tới dự đám tang.

Với một truyện ngắn — *Con ngựa già của Chúa Trịnh* — Phùng Cung được biết đến như một thành viên của phong trào Nhân văn & Giai phẩm. Ngoài ra, cho đến gần đây, ít ra ở nước ngoài, người ta không biết gì hơn về ông. Một phần vì từ đó ông vắng bóng văn đàn : mãi đến năm 1995, tập thơ *Xem đêm* (nhà xuất bản Thông tin, Hà Nội) mới được xuất bản. Phần khác, vì ông ít giao du, thường chỉ đi lại với vài ba người bạn rất thân như Nguyễn Hữu Đang, Phùng Quán mà thôi.

Phùng Cung sinh năm 1928 tại Sơn Tây. Thời kháng chiến, làm việc ở cơ quan văn nghệ Việt Bắc (theo Tô Hoài, hồi ký *Cát bụi chân ai*). Năm 1956, tham gia nhóm Nhân Văn. Năm 1959, ông hoàn tất một tập truyện ngắn, trong đó có truyện *Dạ ký* (đăng trên *Diễn Đàn* số 58, tháng 12-96). Tập truyện này chưa bao giờ được xuất bản. Phong trào Nhân văn & Giai phẩm bị đàn áp nặng nề, bắt đầu từ việc đóng cửa báo, tịch thu ấn phẩm, rồi đấu tố, vu khống, chia rẽ, o ép tự kiểm điểm, tự phê, tố cáo lẫn nhau, đưa đi *lao động* một số khá đông văn nghệ sĩ, và giam tù một vài người. Phùng Cung không chịu tự kiểm điểm, không chịu tố cáo ai. Ông bị bắt năm 1961 và biệt giam ở Yên Bái, Lào Cai... Năm 1972, ông bị lao phổi, phải vào bệnh viện. Năm 1973, khi Hiệp định Paris được ký kết, Phùng Cung mới được trả tự do sau 12 năm tù không xét xử — cùng năm, nhà văn Nguyễn Hữu Đang và hầu hết những người bị bắt trong vụ Hoàng Minh Chính – Đặng Kim Giang – Vũ Đình Huỳnh cũng được trả tự do. Song cũng như mấy chục người này, ông còn bị quản chế thêm mấy năm.

« *Được trả lại tự do, việc đầu tiên là anh cùng với vợ sửa lễ tạ ơn cao rộng cho được sống để trở về quê quán. Rồi yên phận hẩm hiu, anh tránh xa mùi bút mực. Anh xoay trần làm nghề dập đinh, phụ với vợ thêm nghề bánh rán, nuôi ba đứa con trai đang sức ăn sức lớn. Song hình như mùi dầu nhờn, dỉ sắt, mùi mỡ rán... vẫn không át được mùi bút mực* » (Phùng Quán, Diễn Đàn số 33, 9.94).

Trong cuộc sống hết sức chật vật của ông, Phùng Cung tiếp tục làm thơ, như ông đã từng làm trong tù. Ta hãy nghe đánh giá của Phùng Quán, người tuyển chọn 200 bài thơ cho tập *Xem đêm* :

« Đọc thơ anh, có bài chỉ vài ba câu, tôi bỗng thấy thiên nhiên quanh tôi vụt giàu có lên bất ngờ và trở nên đẹp đến xao xuyến tận đáy lòng — những vẻ đẹp từ trước đến nay tôi vẫn nhìn mà không thấy. Từ trước đến nay tôi chỉ thấy nắng là nắng, bây giờ tôi biết có " *nắng phơi rơm* ", " *nắng bổ cau* ", " *nắng ngả tương* ", " *nắng Âu Cơ* ". Và mưa có " *trên sông láy tháy mưa mòi* ", " *mái rạ trở mình mưa hơi thô* ", " *vườn sau mưa cỏ cây dậy mùi giòng giống* ". Và màu trời có " *khát muốn chết một ngụm trời da bát* ", " *xanh cánh chấu* ", " *xanh kép, xanh dờn* ", " *xanh rau khúc* ". Và màu tím có " *hoa chuối tiêu lầm lũi tím Tam Giang* ", " *ruột quả sung xanh tím mãi thuở hàn vi* ". Và những thứ tưởng như trừu tượng bỗng được thơ anh biến thành có ảnh, có hình, có hồn, " *tiếng tù và bết gió* ", " *tiếng sáo diều hóc gió ven sông* ". Đến cả mũi rãi cũng làm rung động trái tim người, " *tiếng đứt ruột một thời mũi rãi* ". Đến con giun cũng trở thành tác phẩm nghệ thuật huy hoàng của Hoá công khi được rọi sáng trăng thu, " *bên gốc hoàng tinh con giun đất mạ vàng* " ».

Nguyễn Hữu Đang, người đã dốc quỹ tiết kiệm (hơn 4 triệu đồng) để in tập thơ, thì cho rằng " *thơ Phùng Cung là tiếng nói thân ái, ân cần đem lại cho chúng ta những cảm nghĩ sâu sắc, chân thật về cuộc sống trong thiên nhiên và xã hội — những cảm nghĩ* không bị cái bề ngoài đánh lừa ". Đối với ông, « *Cung đã tiếp thu nơi các bậc cao hiền cái nhìn độ lượng, khoan hoà đối với nhân sinh, thế sự. Nghỉ coi bước gian nan của đời mình là một thử thách đã qua, đáng coi thường hơn là oán giận. Trong thơ nghỉ, tất cả đều nhỏ nhẹ, êm đềm, đều bộc lộ xu hướng sống bình yên, chấp nhận cái tất yếu của lịch sử, khiêm tốn* " đứng xa kính trọng " *những ý chí can thiệp kiên cường mà tương lai sẽ còn phán xét (...) Phùng Cung phủ nhận bất cứ lý luận nào về thơ. Giá có ai hỏi* " thơ là gì ? thế nào là thơ hay ? " *chắc nghỉ sẽ trả lời ngắn gọn :* " Thơ là thơ. Thơ hay ở chỗ nó hay " — *một cách trả lời để khỏi phải trả lời. Là người làm thơ đau nỗi đau của những người bất hạnh, Phùng Cung chỉ có một mong muốn thiết tha trong đáy lòng : thơ hướng thiện. Có lẽ nghỉ không ngờ như thế và chỉ như thế thôi cũng đã là lý luận* » (thư ngày 20-9-93 gửi Phùng Quán, tư liệu riêng).

Để tưởng niệm nhà thơ vừa qua đời, chúng tôi xin giới thiệu cùng bạn đọc ba bài thơ Phùng Cung. Hai bài *Ăn năn* và *Khát vọng* trích từ tập thơ *Xem đêm*. Bài *Dòng sông* — sáng tác cách đây đúng 30 năm khi tác giả bị biệt giam ở Yên Bái — chưa hề được công bố. Ông đã gửi tặng chúng tôi bài thơ này cùng truyện ngắn *Dạ ký* năm 1995. Nay ông an nghỉ " *chút thổ phần cuối thôn* ", xin công bố để người đọc chia sẻ với niềm tin của nhà thơ :

Ôi ! Những mong muốn nhỏ
Hợp thành ước mơ vĩ đại
Nhóm lửa thương yêu
Tin lại con người.

Kiến Văn

Thơ PHÙNG CUNG

Dòng sông

Hỡi dòng sông trìu mến !
Có phải bởi xa xưa
Nhiều lỗi hẹn
Sông đục dòng
Chảy xiết
Ôi ! Nổi chìm muôn kiếp
Vả cõi phù sinh
Tan hợp vô thường
Bao thương nhớ ngàn xưa
Còn buộc trên những cánh chim quê
trĩu nặng
Chim là là mặt nước
Như những cánh buồm
Du khách lênh đênh...
Nhà thơ băn khoăn
Ướm thử bước mình
Lên dấu chân người trước
" Mang mang chín vạn dặm "
Về đâu ?
Đen tối — cuồng điên
Triền miên bủa lưới
Trong sông từng giọt nước
nhỏ nhoi
Tôi con của vô tận
Buổi du hành
Lòng vương sầu xứ
Nguyện treo xác mình
Trên cửa quan biến hoá
Hẹn bước trở về
Trong sáng ngàn thu
Nhà thơ chân đất
Đãy vải — gió đưa
Kiếm tìm sứ mệnh
Tâm hồn đại hạn
Ngoại giới ào mưa
Mỗi ý nghĩ trong ta
Cũng trải bao lặn lội
Như phận chiếc cò
Lặn lội trong phong dao
Ôi ! mải miết lãng du
Bươn bải chân trời — cổng tỉnh
Quan lộ ngầm đặt hầm chông
Gài bẫy vàng son
Giây phút mơ hồ
Sa chân — gục ngã
Úp mặt
Hôn mê
Liếm lộc
Ngóc đầu thoá mạ tâm linh
Cưỡng bức ngữ ngôn
Ngợi ca tội ác
Tình nguyện trọn kiếp bút nô
Đương triều khát máu
Đêm hoa đăng
Gấm lụa — hợm mình
Nghĩa cũ hẹn hò
Mải vui — vụt quên — vụt nhớ
Vẳng trong lá rụng
Chợt tiếng chim quê
Chim không đổi giọng
Trăng sáng lạnh
Cúi đầu hổ thẹn
Hoa dẫu tàn
Hoa vẫn là hoa
Níu áo lương tri
Chợt tỉnh mộng phù du
Nhà thơ đứng thẳng
Ngửa mặt hỏi không trung
Im lặng !
Hỏi đủ ba lần
Cả ba lần
Đều được trả lời
Bằng một màu xanh— bất tận
Mỉa mai
Ân hận
Khắc khoải quê nhà — đằng đẵng
Truân chuyên sớm chiều hoài vọng
Manh áo cho con
Tấm khăn biếu mẹ
Ôi ! Những mong muốn nhỏ
Hợp thành ước mơ vĩ đại
Nhóm lửa thương yêu
Tin lại con người
Nhà thơ thấy mình bé lại
Sứ mệnh thơ ơi !
Trong sáng tuyệt vời !...
Nước chảy lang thang
Dòng trong — dòng đục
Tàn bạo lên ngôi
Mưu toan bẩn thỉu
Sấp mặt bùn
Nghênh ngáo quốc huy
Dây kẽm gai bọc lụa
Giả hiệu kết đoàn
Nhà thơ chay lòng — rất rõ
" Quê nội " ơi !
Dối trá — đê hèn
Trùm muôn cửa ngõ
Giọng đương triều — hàm huyết
Trắng trợn cố tình vu cáo
Bầy chim quê vong bản
Từ lâu phiêu dạt
Nhà thơ quả quyết
Chim quê nhẹ cánh
Viễn du những triền sông
xa lạ
Mỗi chuyến gió mùa
Chim vẫn gửi về
Những tiếng ca...

❖

Xa xa dòng buồm trắng
Trên sông chiều — chao nắng
Thuyền hoàng gia
Từ vương quốc xa xăm
Đưa hoàng hậu vào tu
Nhìn những cánh buồm
Nhà thơ tràn nước mắt
Dạt dào xúc động
Ôi ! chim lành
Từ muôn phương
Dọn mình vào cõi xanh
mênh mông
Tung cánh trắng
Nhẹ nhàng múa liệng
Ca ngợi không trung
Huyền nhiệm — vĩnh hằng

Biệt giam cấm cố Yên Bái 67

Ăn năn

Vạn thuở hồn cỏ xanh
Mặt đất thơ gắn bó
Bất hạnh nào hơn
Già rụi quê người

Lúc ra đi
Đãy quê thao thức gối đầu
Trót — dông dài — trăng nước
Mặt — va giông chớp
Rạc mái phong lưu
Gót nhọc
Men về thung cũ
Quỳ dưới chân quê
Trăm sự cúi đầu
Xin quê rộng lượng
Chút thổ phần bò xéo
cuối thôn !

Khát vọng

Ai giùm tôi thủ tục làm
vô tận
Thoả thích trải trời xanh
cõi không cùng
Tôi khát khao huy động
Những chùm sao đẹp
Đêm về lung linh trên xóm
nghèo sao.

Gérard BAYO

Chúa nhật tháng Sáu

tặng Nikolai Kantchev

Người ta thấy những người đàn ông với những bà vợ,
những người đàn bà với con cái.
Người ta thấy cây cối với những chiếc lá,
những bức tường với những mái che. Những tiếng hót
người ta nghe
trong những rừng chồi hoà hợp với niềm vui
và trước nỗi buồn tắt đi.
Người ta thấy những nơi để cười, những hội lễ
không nhất trí — không quên lãng.
Người ta thấy những hàng giậu bao quanh những
khu vườn và những cánh cửa
với rào thưa, những nơi để đau khổ
và những nơi khác để chết. Những đứa trẻ
thời trẻ và những cụ già thời già.
Người ta thấy mặt trời ở mãi tận cùng những đám mây
tựa như mặt trăng. Người ta còn thay thế
một từ này bằng một từ khác, và cả đến một cái tên
bằng một cái tên khác.

DIỄM CHÂU dịch

Bài thơ này được đăng trên tạp chí POESIE 97, Paris, tháng 4-1997. Tác giả là nhà thơ Pháp, sinh năm 1936 tại Bordeaux, cha đã hy sinh trong hàng ngũ quân đội Cộng hoà Tây Ban Nha năm 1938. G. Bayo hiện sống ở Paris, đã xuất bản trên 10 tập thơ và nhiều tiểu luận về Arthur Rimbaud. Ông đã nhiều lần thăm viếng các nước Đông Âu. Bài này, ông đề tặng N. Kantchev là một nhà thơ rất trội của Bungari hiện nay.

Phan Huyền Thư

Huế

Đêm trườn dần vào sông Hương
một tiếng hò vỡ dưới gầm Tràng Tiền

Khúc Nam ai những cung phi goá bụa
chèo thuyền vớt xác mình trên sông
Nhất dạ quân vương đất thần kinh
người lại đi làm thơ cho Huế tím.

Tự phá vỡ đối xứng
bằng nón nghiêng quang gánh lệch
và mắt nhìn ngang
Huế như nàng tiên câm
khóc âm thầm không nói.

Muốn thì thầm vuốt ve Huế thật khẽ
lại sợ chạm vào nơi nhạy cảm của cơ thể Việt Nam

12-1996

Ly Hoàng Ly

Khi dòng sông hát

Khi dòng sông hát lên tôi
Đông về lạnh buốt
Gió phả mặt nổi gân xanh

Khi dòng sông hát lên tôi
Tôi đi quanh bờ sông
Sáu lớp áo làm tôi cóng lạnh thêm.

Dòng sông hát lên tôi
Có tiếng từ thẳm sâu cựa quậy trong tôi
Tiếng hát từ dòng sông hằn lên hơi thở tôi
Hằn lên đôi mắt anh sâm sẫm
Thẫm mình tôi.

Tai nghe tiếng u-u-ù-ù
Môi thốt lời khói vu vu
Mơ màng sông hát và co mình vào đông
Mơ màng, tôi co mình vào anh
Ngước nhìn lên
Đợi anh hát lên tôi
Nồng nàn.

Hà Nội, 1996

Đoàn Mạnh Phương

Tưởng tượng Huế

Chưa một lần đặt chân tới Huế
Mà Huế từng rót rượu vào tôi
Những bè bạn
sơn vào tôi kỷ niệm
Những câu thơ mang lửa của trời...

Nhớ mong đến dường nào
Chỉ nhịp tim mới hiểu
Mơ xuân về uốn lượn những đường cong
Huế cổ xưa
như tôi từng tưởng tượng
Cắm trong lòng,
thương tím một hồn sông...

Tôi đã mơ, bạn mời cơm hến Huế
Mong một lần cay ứa mắt nhìn nhau
Chân đặt bước lên kinh thành xưa cũ
Mà ngợp chìm trong hồn Huế thẳm sâu !

Tôi mơ từng nếp nhăn
Cả những giọt mưa dầm
đã chạm khắc tận cùng day dứt Huế
Cánh chim chở ước mơ
trên đền đài ngạo nghễ
đánh thức từng thiên sứ ngủ trong nôi !

Mơ được thêm một lần
Huế rót rượu vào tôi...

12-1996

giới thiệu sách

Giáo dục và các nền văn minh

của **Lê Thành Khôi**

Lê Thành Khôi, ***Education et Civilisations. Sociétés d'hier***. Paris, Nathan, 1995, 704 pages.

Chỉ cần nâng quyển sách lên thôi, ta đã phải kinh ngạc và kính nể rồi ! vì nó nặng trịch : hơn 700 trang khổ lớn ! Và nếu có thì giờ để đọc, dù chỉ lướt qua thôi, ta không thể không bái phục, nhất là khi ta biết tuổi đời của tác giả : với lối viết trong sáng, khúc chiết và mực thước, quyển sách này đúng là cả một kho tri thức chính xác, được tích luỹ, nghiền ngẫm, tổng hợp trong hơn năm mươi năm công phu ! Cũng cần phải nói thêm rằng Lê Thành Khôi, theo ý tôi, là một trong số những học giả hiếm hoi nắm vững nhiều ngành khoa học xã hội (đặc biệt sử học, kinh tế học và xã hội học), được đào tạo một cách chính quy và ở trình độ cao nhất theo Tây học nhưng vẫn thấm nhuần sâu sắc tư tưởng và văn hoá Đông phương. Trong một lần gặp anh mới đây, tôi có nói đùa với anh là khi đọc những công trình nghiên cứu xuất bản dạo sau này, tôi cho rằng anh đã đạt đến một thứ " *sagesse* " (hiền minh) rất đông phương. Anh cười và thanh thản trả lời : " *Cũng có thể. Với tuổi tác, người ta thường có khuynh hướng trở về nguồn ...*".

Thú thực tên sách đã làm tôi phân vân. ***Giáo dục và các nền văn minh. Các xã hội hôm qua***. Về từ *giáo dục*, tác giả đã nói rõ là dùng nó với nghĩa rộng nhất : ở trường học (*scolaire*) và ngoài trường học (*extra-scolaire*), chính quy (*formel*) và không chính quy (*informel*). Nhưng từ *văn minh* (civilisation) vốn rất phức tạp, thì lại không định nghĩa rõ : tác giả chỉ nói thoáng qua ý muốn chọn lựa " *một quan điểm phổ biến* " (*optique universaliste*) bằng cách " *lấy các nền văn minh chứ không phải các quốc gia làm đơn vị nghiên cứu và nỗ lực chứng tỏ sự đóng góp của mỗi nền văn minh vào lịch sử văn hoá thế giới cũng như vai trò, giống nhau và khác nhau trong không gian và thời gian, của giáo dục trong sự sản xuất và tái sản xuất các xã hội* " (tr. 9).

Đã đành tác giả không dùng từ *văn minh* với nghĩa thông thường : *văn minh* bao hàm một phán đoán giá trị, đối lập với *dã man* hay *không văn minh*. Sự kiện tác giả đã dành hơn một trăm trang để giới thiệu các " xã hội cộng đồng " ở châu Phi với rất nhiều thiện cảm dường như chứng tỏ từ *văn minh* được dùng để chỉ toàn bộ những xã hội có chung với nhau những nét đặc thù và vì vậy có một bản sắc riêng. Từ bỏ mọi phán đoán giá trị, các nhà dân tộc học và nhất là nhân loại học (anthropologue) thường có khuynh hướng không phân biệt hai từ *văn minh* và *văn hoá* hoặc không dùng từ *văn minh* để tránh ngộ nhận. Cách đây hơn một thế kỷ nhà dân tộc học người Anh E. B. Tylor đã đề nghị định nghĩa sau đây trong quyển ***Primitive Culture*** : " *văn minh hay văn hoá, theo nghĩa dân tộc học rộng nhất, chỉ cái tổng thể phức tạp bao gồm khoa học, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, tập tục và mọi khả năng cũng như thói quen mà con người có được trong trạng thái xã hội* ". Thế nhưng trong cùng một quyển sách, Tylor lại chia sự tiến hoá của xã hội làm ba giai đoạn : trạng thái hoang sơ (état sauvage), trạng thái dã man (état sauvage) và trạng thái văn minh (état de civilisation). *Văn minh* như vậy là một giai đoạn phát triển cao của *văn hoá*. Những mâu thuẫn hay lẫn lộn như vậy cũng thường gặp nơi nhiều nhà xã hội học, dân tộc học, sử học... Tưởng cũng cần nhắc đến quan điểm của O. Spengler trong ***The Decline of the West*** (1922-23), xem *văn minh* như là hình thái xơ cứng và suy đồi của *văn hoá*. Spengler phân biệt 8 nền *văn hoá* lớn : Ai Cập, Babylon, Ấn Độ, Trung Quốc, Mêhicô, A rập, Cổ Đại (*antique*) và Tây Phương.

Một vấn đề khác làm tôi băn khoăn là việc xác định những tiêu chuẩn lý thuyết để phân biệt các nền văn minh. Thật vậy khi ta phân biệt các nền văn minh *Ai Cập, Hy Lạp, La Mã, Ấn Độ, Trung Quốc*..., ta nhấn mạnh mức độ phát triển văn hoá của một dân tộc cũng như ảnh hưởng của nó đối với những dân tộc láng giềng, đặc biệt thông qua các cuộc chinh phục. Trong trường hợp này, mỗi nền văn minh thường khá thống nhất nhờ gắn liền một không gian và thời gian có thể được xác định tương đối rõ ràng. Khi ta dùng các khái niệm *văn minh thiên chúa giáo* hay *văn minh hồi giáo*, ta chỉ chú ý đến yếu tố tôn giáo : các nền văn minh này không có biên giới và kéo dài hàng mười mấy thế kỷ ! Dùng nền văn minh Hy-La làm mô hình, Arnold J. Toynbee đã phân biệt 21 nền văn minh khác nhau đó là chưa kể đến các nền văn minh hoá thạch (*fossiles*), bị sẩy thai (*avortées*) hay trở thành cố định (*immobilisées*). Ngoài ra, tùy thuộc ở mức độ hay tiêu chuẩn chọn lựa, khi thì ta dùng khái niệm *văn minh tây phương*, khi thì ta nói đến *văn minh Âu châu, văn minh Mỹ, văn minh Pháp*... Tóm lại vấn đề phân định các nền văn minh là rất phức tạp : nó thường tuỳ thuộc ở mức độ khái quát cũng như mục đích nghiên cứu mà mà tác giả tự đề ra.

Với tham vọng đạt đến một " *lý thuyết tổng quát về giáo dục có khả năng phân tích các ý nghĩa và vai trò của giáo dục trong những kinh nghiệm lịch sử trái ngược nhau cũng như khả năng tìm được cái phổ quát trong cái riêng biệt* " (tr. 10), tác giả cho rằng nghiên cứu lướt qua cả thế giới (survol mondial) không thuận lợi bằng việc nghiên cứu các *nền văn minh lớn* vẫn còn tiếp tục ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống của loài người : *Châu Phi cộng đồng, thế giới Ấn độ và Phật giáo, Trung Quốc và Nhật Bản, châu Âu* và sau cùng là *Hồi giáo*. Sự phân định này chắc chắn là chưa hoàn toàn thoả đáng và cần bàn cãi thêm. Nhưng ta cũng cần thấy rằng mục đích của tác giả không phải là đề nghị một hệ thống loại hình (*typologie*) mới về các nền văn minh : dưới tên của năm nền văn minh nói trên, tác giả quy tụ một số xã hội có một số nét đặc thù chung để tiện cho việc nghiên cứu cũng như trình bày. Chính vì thế mà tên gọi của các nền văn minh chưa nhất quán. Chẳng hạn *thế giới Ấn Độ và Phật giáo* còn được gọi là *Ấn Độ - Trung Á và Đông Nam Á* (mà ta biết là gồm nhiều nước theo Hồi giáo). Về *Châu Âu*, tác giả đã nghiên cứu riêng biệt Hy Lạp (với vai trò nổi bật của thành Athènes), La Mã (với truyền thống cộng hoà và đế chế) và Thời Đại Trung Cổ (với vai trò chính yếu của thiên chúa giáo). Trong phần viết về *Hồi giáo*, sau khi trình bày những nét chung tạo nên sự thống nhất, tác giả đã chú trọng đến những biến dị xã hội – văn hoá (*variations socioculturelles*) của thế giới vô cùng đa dạng này bao gồm nhiều vùng, nhiều nước rất khác nhau : Iran, Maghreb, châu Phi đen, đế quốc Ottoman, Ấn Độ, Insulinde.

Trong lời nói đầu, tác giả báo trước là chỉ nghiên cứu các nền văn minh nói trên đây trong quá khứ (qua tiểu tựa " xã hội

(xem tiếp trang 24)

Đạo Phật có thể đem lại những gì cho giáo dục ngày nay ?

bùi mộng hùng

Bài này đã được trình bày trong hội thảo **Hướng phát triển Phật giáo Việt Nam** (Trúc lâm thiền viện, Pháp, tháng 9.1996). Đây là bản có sửa đổi viết cho bạn đọc **Diễn Đàn**.

Giáo dục căn bản là truyền đạt. Thế hệ này truyền lại cho thế hệ khác kinh nghiệm sống của một cộng đồng. Những lý thuyết, những thực hành, những thủ thuật trong nghề nghiệp để sinh nhai kiếm sống, đó là một phần rất thực tiễn, không thể thiếu của giáo dục. Nhưng chỉ là một phần mà thôi.

Vì sống chính là quan hệ mình với mình, mình với người, mình với vạn vật với thiên nhiên. Chỉ một trong những quan hệ ấy không được hài hoà là cuộc sống mất an lành. Mình mà không yên được với chính mình thì có trốn cách nào, bằng say sưa, bằng trác táng hay bằng hành động ; có trốn đi đâu, vào rừng sâu, ra hải ngoại, thì ngày đêm vẫn không khỏi mặt đối mặt với chính mình. Kinh nghiệm sống làm sao cho yên vui, cũng thiết yếu chẳng kém gì cơm ăn, áo mặc. Cái đó cũng là giáo dục truyền lại. Khuôn khổ bài báo quá hạn hẹp để bàn về quan hệ với thiên nhiên của đạo Phật. Xin đề cập hai quan hệ : mình với người, mình với mình.

Kinh nghiệm này, nhà Phật có trên hai ngàn năm bề dày.

Bài này không có tham vọng trình bày hệ thống giáo dục theo nhà Phật. Mà chỉ nêu lên vài nét lớn có thể bổ ích cho chúng ta ngày hôm nay. Nói vậy có nghĩa là chỉ bàn đến những nét khác với cái giáo dục mà bạn, tôi, con em chúng ta thường tiếp thu.

I. Quan hệ người với người : chữ hoà

Cạnh tranh là một nguyên tắc trong các xã hội, ở khắp nơi ngày nay ; trẻ con ngay từ thuở thơ ngây đã tập tành tranh đua. Tranh đua, giành dựt, lấn áp để qua mặt người. Khôn khéo ra thì bàn tay có thể bọc nhung, nhưng mà bên trong thường là bàn tay sắt.

Nhà Phật khác thế. Lấy chữ **hoà** làm nguyên tắc sống chung.

Nói hoà là trước hết hàm ý khác biệt. Đường không phải là nước thì mới hoà với nước. Giống y như nhau thì gọi là **đồng**, rót nước lã vào nước lã thì đã chẳng dùng tới chữ hoà. Điểm khác nghĩa giữa hai chữ này ta thấy rất rõ trong câu của đạo Khổng " *Hoà nhi bất đồng, đồng nhi bất hoà* ", hoà mà không giống nhau, giống mà không hoà với nhau.

Như vậy, nói hoà tức là chấp nhận sự khác biệt của nhau.

Chính vì tính cách khác biệt của các thành phần cho nên hoà hợp mới có thể nảy sinh ra những đặc tính khác lạ, không sao có được nếu chỉ đem cộng lại với nhau các đặc tính riêng của mỗi đơn vị thành phần. Hoà cácbon với sắt thì ra thép, độ bền chắc, độ sắc bén khác hẳn với cácbon, với sắt tinh chất.

Cái quý của hoà cũng chính là ở chỗ đó. Chẳng những nhân khả năng lên mà còn tạo nên những khả năng mới, nên sức mạnh mới, hệ quả của sự tổng hợp thành công.

Nhà Phật xác định sáu nguyên tắc để sống trong hoà hợp. Vốn là để cho tăng già, nhưng nới rộng ra, đối với bất cứ một nhóm người cùng chung sống nào, những điều này vẫn giữ nguyên giá trị :

1. Một là cùng nhau chung sống, **thân hoà đồng trú**. Mới xem qua dường như là một ghi nhận thường tình. Nhưng chính vì không lưu tâm đến điểm thường tình này mà các khu chung cư chuồng thỏ chỉ có chức năng cho người người về ngủ ban tối, ban ngày bôn ba đi kiếm sống ở những đâu đâu, đã đưa vào thế bế tắc khó xử cho nhiều ngoại ô các tỉnh lớn trên thế giới, như Paris, Lyon ở Pháp ngày nay. Không nơi cùng nhau chia sẻ sinh hoạt thường ngày, làm lụng, ăn học, mua bán, nhậu nhẹt, tán gẫu, thể thao, giải trí, vân vân và vân vân thì dù là đường phố dinh ốc có quy hoạch đẹp đẽ như Brasilia, người nào có điều kiện đi nơi khác được cũng đều bỏ ra đi. Vì đó chỉ là những dãy nhà không hồn, không sao biến thành khu phố, thành thị xã, sinh động như những khu xóm cổ truyền bình thường. Đã gọi là sống chung thì phải có nơi có chốn thích nghi cho sự chung sống.

2. Hai là không cãi cọ nhau, **khẩu hoà vô tranh**. Không cãi để mà cãi, nhưng cũng chẳng phải cái tinh thần " ba phải ". Chẳng phải cái hoà cả làng của " dĩ hoà vi quý ", sao cũng được, cũng cam chịu, chỉ có việc ngậm miệng cúi đầu. Chắc chắn là chẳng phải cái thái độ mà bề trên kẻ cả nhồi vào đầu óc đám thấp cổ bé miệng trong làng trong nước.

3. Vì là đã khác nhau thì cái nhìn – **kiến** – khó mà giống nhau được. Không cách nào khác là bàn bạc thảo luận – trong tinh thần hoà nhã – nhưng phải đến nơi đến chốn mới cùng nhau " **giải** ", nghĩa là vượt mâu thuẫn, đi tới một cái nhìn tổng hợp sự việc, đầy đủ hơn, phong phú hơn cái nhìn riêng của mỗi người. Ấy là nguyên tắc **kiến hoà đồng giải**.

4. Bốn là có lợi thì phải cùng chia đều với nhau, **lợi hoà đồng quân**. Với các nhà tu hành nguyên tắc này đã là cần luôn luôn nhắc nhở thì đối với những người sống trong thế tục nó lại càng đáng được lưu tâm tôn trọng biết chừng nào.

5. Năm là trong quan hệ cộng đồng cần có luật lệ, nghĩa là những qui định được mọi người đồng thuận chấp hành, ai ai cũng phải tuân thủ. Đối với người tu hành thì những luật lệ đó là giới luật chung cho tăng già, vì vậy chữ là **giới hoà đồng tu**.

6. Sáu là luôn luôn ý thức vui vẻ với nhau, **ý hoà đồng duyệt**.

Cạnh tranh là một hiện trạng tiềm tàng trong quan hệ xã hội, nhất là vào thời đại ngày nay. Tuy nhiên, cá nhân khó mà một thân một mình làm cho nổi đình nổi đám nên một công trình bề thế. Một cây làm chẳng nên non. Phải nhiều người cùng nhau chung sức

mới làm ra chuyện đáng kể.

Vì thế mà ngay trong trường học, giáo dục Tây phương đã tập cho học sinh thói quen họp nhau thành nhóm cùng học, cùng giải quyết vấn đề.

Trong xí nghiệp, trong công sở thường cũng có những khoá đào tạo bổ túc cho các nhân viên có khả năng được đưa lên nắm chức vụ điều khiển. Một trong những môn bổ túc này là động thái nhóm (dynamique de groupes), một môn tâm lý học thực dụng tập cho học viên nhận định và tìm hiểu cơ chế sinh hoạt khi chung sống với những người khác thành một nhóm. Tập cho học viên nhận ra cơ chế làm cho ý của nhóm thường vượt qua ý của cá nhân thành viên. Biết tôn trọng những sáng kiến trước một vấn đề đặt ra cho nhóm, hiểu rằng trong thực tế chính thành viên có sáng kiến ấy là người dẫn đường (leader) cho nhóm khi ấy. Nghệ thuật điều khiển là hoà hợp các sáng kiến, cho các leaders khi thì hợp lực khi thì thay phiên nhau hướng cả nhóm tiến đến mục tiêu chung.

Đời sống xã hội bắt buộc phải có phương thức giải quyết mâu thuẫn giữa cá nhân và tập thể. Nhà Phật tóm gọn tinh thần và nguyên tắc giải quyết mâu thuẫn ấy trong chữ **hoà**.

Chữ **hoà** nhà Phật với nội dung cụ thể của nó, chấp nhận khác biệt, bàn bạc thảo luận bình đẳng rốt ráo, công bằng phân chia quyền lợi, luật pháp công minh ai ai cũng phải tuân thủ, chữ **hoà** ấy đáng được đề nghị làm giá trị cho xã hội chúng ta ngày nay.

II. Quan hệ mình với mình

Nhà Phật không tách rời cá nhân với tập thể. Cá nhân tu chỉnh hoàn thiện bản thân mình không ngoài cuộc sống, nghĩa là trong đời sống hàng ngày với tập thể. Chính trong đời sống xã hội ấy mà mỗi cá nhân soi mình trong người khác để cho quan hệ mình với mình mỗi ngày được thêm hài hoà. Xin bàn riêng về hai điểm độc đáo của nhà Phật : quan hệ với thân xác, với trí tuệ.

II.1. Thân xác

Hơn bao giờ, ngày nay thân xác được trau chuốt. Thể thao được tôn vinh, cùng với các nhà vô địch mà truyền hình, mà quảng cáo nâng lên hàng thần tượng cho quần chúng. Lịch sử thể thao là hàng chuỗi kỷ lục với những bảng phong thần tên tuổi đi vào truyền thuyết.

Ký ức chúng ta ghi nhớ những thân hình đẹp chẳng khác thiên thần trong những động tác tuyệt diệu, như thách thức, như siêu thăng các quy luật thiên nhiên gò trói thân xác mỗi người chúng ta.

Nhưng khi qua rồi cái khoảnh khắc tuyệt vời và huy hoàng của thành tích, im đi cái hào nhoáng ồn ào của thông tin đại chúng, những thiên thần trong giây lát ấy về lâu về dài thành ra những con người như thế nào ?

Ngay trong thế vận hội Atlanta 1996 vừa rồi ta được thấy tận mắt hình hài của Mohamed Ali Cassius. Trong đầu nhiều người chúng ta còn nhớ như in một vô địch thế vận quyền Anh hạng nặng Cassius Clay dũng mãnh như bò tót, nhanh nhẹn như hổ báo, cú đấm sấm sét thôi sơn, di động uyển chuyển như bay trên võ đài tưởng rằng địch thủ không sao đánh trúng. Vị thiên thần Cassius Clay mới ngày nào ấy, hôm nay trên truyền hình là một Mohamed Ali già trước tuổi, thể xác đờ đẫn, hai bàn tay lẩy bẩy bệnh liệt rung Parkinson, hệ quả của các trận đấu những năm hào hùng.

Cái câu hỏi sau đỉnh cao của thành tích, những nhà vô địch, những nhà thể thao cừ khôi sống thế nào, thể xác, tâm thần họ ra sao, chẳng bao giờ được thấy thông tin đại chúng đề cập một cách nghiêm túc. Đó là một sự kiện cho ta thấy rằng sự phát triển hài hoà của thân thể và tâm thần, nhất là óc phê phán và trí xét đoán, chẳng phải là vấn đề quan tâm lớn của quan niệm về thể dục thể thao hiện hành ngày nay.

Mà cho có thật tình lưu tâm thì cũng chẳng biết phải làm thế nào. Vì thể xác là một đàng, tâm thần là đàng khác, mỏi mắt trông tìm chẳng thấy đâu là nhịp cầu bắc ngang, một quan niệm mà thật ra thể thao chỉ rập theo triết học Tây phương. Nhưng là quan niệm chính thức hiện hành về thể dục và thể thao trên khắp toàn cầu.

Nhà Phật thì khác. Thể xác tâm thần là một, trong lý thuyết, phương pháp, kỹ thuật giáo dục con người. Với những phương pháp giản dị của nhà Phật bất cứ ai ai trong chúng ta cũng có thể cảm nhận trong thân xác ảnh hưởng của tình cảm, của tư tưởng xuất hiện và biến đi trong tâm thần. Và từ thân xác tác động ngược lại vào tình cảm vào tư tưởng. Tác động vòng tròn qua lại này là cơ sở cho một chương trình huấn luyện toàn diện thể xác, tình cảm, tâm trí con người.

Xin không bàn vào chi tiết của phương pháp cùng cơ chế sinh học của nó đã được đề cập trong bài *Thân xác trong đạo Phật* (Diễn Đàn số 50, 1.3.96 ; Hương Sen số 61, 2.6.96). Chỉ nói rằng với phương pháp nhà Phật ai ai trong chúng ta, không cần một dụng cụ nào, chỉ mình với thân mình, bất cứ nơi nào, trong rừng sâu hay giữa đám đông thành thị, bất cứ lúc nào trong ngày, ở vào lứa tuổi nào, ai ai cũng có đầy đủ khả năng luyện cho thể xác tâm thần tráng kiện, minh mẫn, thanh thản.

II.2. Trí tuệ

Trong một thời gian dài xã hội cổ truyền Việt Nam trọng cái học từ chương. Cái gì đã in trong kinh sách của thánh hiền thì là chân lý, không luận bàn, bài bác, đặt lại vấn đề. Thui chột mất đi cái khả năng suy luận.

Chúng ta đã bỏ cái lối giáo dục ấy. Dù rằng đâu đó đôi khi vẫn còn rơi rớt cái xu hướng tôn sùng lý lẽ của uy tín, nhưng chúng ta đã bỏ lối học từ chương, ít nhất là trên nguyên tắc.

Và cũng đã từ nhiều thế hệ chúng ta học theo lối học của phương Tây. Phát huy suy luận, phát triển lý tính.

Đó là một điều hay, nhất là cho chúng ta. Trọng lý trí là phải, điều đáng nói là tuy rằng về lý luận vấn đề trực giác có được đặt ra, cái giáo dục chúng ta học được theo khuôn mẫu Tây phương duy lý trí đến mức độ cực đoan. Xem như sự thật chỉ có thể là kết quả cuối cùng của một quá trình tư duy. Quên rằng chỉ lạnh lùng lý trí là sẽ mù loà trước những sự kiện, nhất là trong quan hệ người với người, mà chỉ con mắt của tấm lòng mới thấu đáo được. Quên rằng ngoài lý trí, con người còn tiếp xúc sự vật, tiếp xúc đồng loại bằng tình cảm, bằng trực giác. Chương trình giáo dục hiện hành chỉ chuyên trau dồi lý luận, không chút ngó ngàng đến trực giác. Chẳng mấy ai mà cái hồn nhiên trực giác chẳng bị quên lãng, sút mẻ đến thui chột sau những năm dài học theo các chương trình giáo dục ngày nay.

Nhưng thử hỏi có sáng tạo nào mà không có phần của trực giác chăng. Dù là trong nghệ thuật hay trong khoa học. Nhà nữ triết gia Hannah Arendt tâm tình với cô bạn Mary Mac Carthy : " *Theo ý tôi, ảo tưởng lớn chính là chỗ nghĩ rằng Chân lý là kết quả cuối cùng của một quá trình tư duy. Trái lại, Chân lý luôn luôn là khởi thuỷ của Tư tưởng. Hành động tư duy bắt đầu sau khi một nghiệm sinh chân lý loé sáng.*" (1) Nhận định xuất phát từ kinh nghiệm sống của bản thân nhà triết gia xuất sắc. Đáng tiếc cho giáo dục hiện hành không lưu tâm đúng mức đến quan hệ trực giác và lý luận trong tiến trình đi tìm sự thật. Hầu như hoàn toàn bỏ qua một trong những phương tiện tri giác của sinh vật trong con người.

Nhà Phật trân trọng phân biện lý luận. Đọc Long Thọ bồ tát (Nagarjuna) thì đủ thấy lý luận tinh tế tới đâu. Tuy nhiên cái tri thức thấu đáo đến gốc rễ vấn đề, nhà Phật gọi là **tuệ** chẳng phải là đơn thuần do lý luận.

Theo Trường bộ kinh " *Tuệ nảy sinh do suy luận, do những gì nghe được, do trau dồi tâm thần* " (D III 219). Vậy yếu tố thứ nhất của tuệ là trí năng phân biện, lý luận. Yếu tố thứ nhì là tri thức do học hỏi. Nhưng chẳng phải là cái học kinh sách thuộc lòng chất đầy bụng : " *Có những kẻ ngu xuẩn đi học thuộc lòng giáo lý... ; họ chẳng tìm hiểu giáo lý bằng trí tuệ, và vì vậy chẳng bao giờ thấu hiểu giáo lý* " (Trung bộ kinh, M I 133). Yếu tố thứ ba của tuệ là " trau dồi tâm thần " tạm dịch từ " bhavana " dùng cho các trường hợp tu luyện thiền quán. Đó là phần trực giác được phát huy bởi các phương pháp ấy.

Tuệ, cái tri thức nhạy bén, thấu đáo quan hệ, quy luật che lấp sau hiện tượng của sự vật là kết tinh của học hỏi, suy luận và trực giác. Phương pháp, kỹ thuật nuôi dưỡng, phát triển trực giác, phát triển trí tuệ của nhà Phật là kinh nghiệm quý báu trong kho tàng văn hoá chung của loài người.

Nhà Phật có tiềm năng đem lại cho giáo dục ngày nay quan niệm, lý thuyết, phương pháp và kỹ thuật về các điểm : 1) thể xác và tâm thần quyện lấy nhau mà phát triển ; 2) lý trí đi đôi với trực giác ; 3) hài hoà đời sống tập thể bằng tinh thần và nguyên tắc của chữ hoà.

Cũng nên thêm vào những điểm nói trên tinh thần học hỏi không biết mệt mỏi.

Một trong những truyền thống nhà Phật là lòng tin vào tâm Phật hằng có nơi mỗi người, bất cứ nơi đâu, bất cứ thời đại nào. Đó chính là cơ sở của truyền thuyết cho rằng lời đức Phật từ đỉnh núi Linh Thứu còn mãi mãi vang vọng khắp thế gian. Nói thế, có nghĩa là tâm Phật không ngừng vận hành. Ngoài kinh điển lưu truyền, mỗi thời còn mỗi mở mang thêm tri thức giải đáp các vấn đề đặt ra cho thân phận luôn luôn biến chuyển của con người.

Chính trong tinh thần ấy mà người phật tử tâm nguyện hàng ngày : " *Pháp môn không kể xiết, thệ nguyện đều tu học* ".

bùi mộng hùng (5.1997)

(1) A mon avis, la principale illusion consiste à penser que la Vérité est le résultat ultime d' un processus de pensée. La Vérité, au contraire, est toujours le début de la Pensée. L'acte de pensée commence après qu'une expérience de vérité a fait mouche. (Correspondance 1949-71)

Tin ngắn

• 40 nghệ sĩ múa của đoàn balê Sông Rhin đã biểu diễn tại Hà Nội trong ba đêm 14, 16 và 17.5.1997, với nhiều vở múa của Pháp, Tiệp, Đức, Nga, Mỹ và châu Phi.

• Những người mê lặn nước ngoài biển sẽ được thực hiện say mê của mình tại các hải đảo Phú Quốc và Côn Đảo kể từ năm nay, theo một quan chức của công ty Saigontourist. Sân bay Côn Đảo sẽ được tân trang xong vào tháng 5 này, và các khách sạn ở hai đảo cũng đã sẵn sàng. Theo quan chức nói trên, Saigontourist đang thương lượng với các câu lạc bộ lặn Âu, Mỹ để họ giúp phát triển ngành du lịch này.

• Một nhà máy nước sạch có công suất 40 000 mét khối đã được đưa vào sử dụng ngày 3.5. Nhà máy trị giá 10 triệu đôla, là một trong 8 nhà máy nước do Phần Lan giúp Hà Nội xây dựng mới hoặc trùng tu lại, theo một chương trình bắt đầu từ năm 1985, trong đó Phần Lan đã góp vào hơn 100 triệu đôla. Với nhà máy mới này, lượng nước sạch cung cấp cho Hà Nội được nâng lên 360 000 mét khối / năm.

• Theo báo Thanh Niên ngày 29.4, chính phủ đang dự định xây một tháp truyền hình 9 tầng, cao gần 400 mét, ở một địa điểm trong huyện Tây Hồ (Hà Nội). Dự án trị giá 120 triệu đôla, sẽ được trình chính phủ vào quý hai này.

• Luận chứng nghiên cứu khả thi dự án đường hầm vượt sông Sài Gòn đã được công ty tư vấn Anh Maunsell báo cáo với sở giao thông công chánh TPHCM, và được thủ tướng quyết định chọn trong các dự án nối trung tâm thành phố với Thủ Thiêm. Dự án được chính phủ Anh tài trợ (775 000 bảng Anh). Theo dự án, đường hầm nằm sâu dưới đáy sông khoảng 2 m, có cấu trúc 2 đường ống song song, mỗi ống là một chiều xe chạy.

• Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã ký quyết định đầu tư 257,5 tỉ đồng cho các công trình cấp bách về thủy lợi, giao thông, khu dân cư trong vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long, thực hiện trước mùa lũ năm nay.

• Quỹ đầu tư phát triển đô thị của thành phố HCM đã đi vào hoạt động với vốn ban đầu 500 tỉ đồng. Ba dự án đầu tiên được chọn là mở rộng đượng Hùng Vương, xây dựng khu công nghiệp Vĩnh Lộc (quận 5) và khu dân cư Anh Phú - An Khánh. Mỗi dự án được thực hiện với vốn hợp doanh của Quỹ và của một công ty xây dựng.

• Khách sạn Daewoo Hà Nội (khánh thành tháng 7.1996) đã khai mạc trong tháng tư một cuộc triển lãm 1 000 tác phẩm tranh, tượng của 50 nghệ sĩ Việt Nam. Daewoo đã bỏ ra một triệu đôla để mua các tác phẩm này, sẽ được đặt trong các phòng của khách sạn.

• Ông Phạm Chính Trực đã buộc phải nhường chỗ phó bí thư trực Thành uỷ đảng công sản Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Nguyễn Minh Triết (trước đây là bí thư tỉnh Sông Bé) để lãnh một chức vụ phó ban kinh tế trung ương của đảng ; ông cũng đã từ chức chủ tịch hội đồng nhân dân thành phố. Trong khi đó, bí thư Thành uỷ Trương Tấn Sang đang chuẩn bị rời Thành phố Hồ Chí Minh để nhậm chức mới trong chính phủ sẽ được cử ra sau cuộc bầu cử quốc hội (dự kiến là phó thủ tướng). Người thay thế ông đứng đầu thành phố sẽ là ông Nguyễn Minh Triết.

SOKAL
cá tháng tư

Hàn Thuỷ

Tháng tư, sau một mùa đông ảm đạm, được nắng xuân phơi phới thúc giục, người phương Tây hay đùa. Trẻ con hay sinh viên tìm cách nghịch ngợm, khéo léo dán vào lưng áo nhau mảnh giấy vẽ hình " con cá tháng tư ". Các tuần san, tập san, chuyên san thì có thể đăng những bài có nội dung tào lao, tin vịt, dưới hình thức nghiêm chỉnh để lừa độc giả, rồi cải chính trong số sau. Bạn đọc nào bị mắc lỡm thì hoặc cười xoà, hoặc hơi bực một tí, rồi cũng bỏ qua, trò đùa rơi vào quên lãng, cho tới năm sau.

Vào khoảng tháng tư năm ngoái cũng có một trò đùa trên báo, nhưng quá quắt và độc địa, vì ngược đời là tác giả đùa với chuyên san. Cá tháng tư tên Alan Sokal, giáo sư vật lý lý thuyết tại đại học Nữu Ước, mắc lỡm là ban biên tập của chuyên san ***Social Text***, một chuyên san có tiếng về khoa học xã hội, biên tập tại Nữu Ước và do nhà xuất bản đại học Duke, tiểu bang Bắc Carolina, phát hành. Và nếu xem những tranh luận đã nổ bùng ra và tiếp diễn trong suốt một năm ở Mỹ, Anh và Pháp (những nơi người viết bài này với tới được), chỉ vì bài báo tào lao này, hay đúng hơn, chỉ vì sự việc bộ biên tập một chuyên san bị gạt mà không biết, thì phải nói thực chất của hiện tượng này không phải trò đùa. Bằng một hình thức độc đáo, tác giả đã thành công mỹ mãn trong việc " công luận hoá " những cãi vã cho đến nay được giới hạn một cách kín đáo trong những tháp ngà của học thuật, tạm gọi là giữa một số những người nghiên cứu khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Những vấn đề trong cái quan hệ phức tạp giữa hai khía cạnh của văn hoá phương tây này thật ra không mới và thường được gọi dưới tên " vấn đề hai văn hoá " (*problème des deux cultures*), " văn hoá " khoa học và " văn hoá " văn chương, mà C.P. Snow đã nêu ra đầu thập niên 60.

Le Monde, tờ báo (tương đối) đại chúng và được coi như có uy tín nhất tại Pháp đã dành cho " sự kiện " Sokal tới bốn số, mỗi số nửa trang hay nguyên trang báo. Những tờ báo lớn khác như *The Times* tại Anh và *New York Times* tại Mỹ cũng dành cho sự kiện này tầm quan trọng tương tự, còn phải kể thêm *Los Angeles Times*, và ngay cả tờ *Wall Street Journal* của những chuyên gia kinh tế tài chính. Dĩ nhiên những chuyên san phổ biến khoa học lớn của thế giới như *Nature* (Anh), *Science* (Mỹ), *Scientific American* (Mỹ), *Recherche* (Pháp), đều nhảy vào cuộc ; chưa kể vài trăm đóng góp tự do vào cuộc tranh luận trên lưới nhện toàn cầu (WWW, từ đây xin viết Lưới). Cho nên có thể nói chất nổ đã tích tụ, chỉ chờ Sokal châm ngòi pháo .

Nhiều nhà khoa học cho rằng nhiều triết gia " hậu hiện đại " đã vượt qua cái giới hạn không thể vượt qua giữa sự suy luận thuần lý nghiêm túc và sự " sáng tạo văn chương ", nếu không muốn nói là bịp bợm, dựa trên những suy diễn bay bổng do không hiểu rõ những vấn đề của khoa học hiện đại, từ đó ảnh hưởng tới những phương tiện truyền thông đại chúng, và cả trong giáo dục đại học. Ngược lại là khuynh hướng tố cáo sự toàn trị của khối " khoa-học-kỹ-thuật " (*techno-science*) muốn áp đặt trên mọi vấn đề xã hội một cái nhìn máy móc theo khuôn mẫu của phương pháp luận khoa-học-kỹ-thuật ; chưa bao giờ giải quyết được những vấn đề thực sự quan trọng trong xã hội và của con người. Bảo rằng mâu thuẫn thì chưa chắc đã mâu thuẫn vì theo thiển ý cả hai phê phán trên đều có cơ sở, nhưng nếu hỏi các nhà hoạt động văn hoá, hoạt động khoa học, đâu là lằn ranh của lý trí, đâu là những tiêu chuẩn đạo đức cho một nền khoa học nhân bản, thì rõ ràng là... không có gì rõ ràng.

1. Vượt qua biên giới

Cá tháng tư của Sokal chính là một bài báo vượt qua lằn ranh lý trí theo kiểu đó, điều nó muốn chứng minh là lằn ranh đó đã mờ nhạt trong đầu cả một tập thể chủ biên một tạp chí khoa học xã hội có tầm cỡ. Không phải tình cờ mà bài báo tựa đề " *Vượt qua Biên giới : để tiến tới sự diễn dịch cải biến của trọng trường lượng tử* " (liều dịch cái không thể dịch, *Transgressing the Boundaries : towards a Transformative Hermeneutics of Quantum Gravity*) ; vế đầu ai cũng hiểu được và đánh đúng tâm lý " hậu hiện đại " (*post modernism*), để ý " Biên giới " viết hoa, vế sau bí hiểm nhưng toàn những danh từ kêu to, hấp dẫn. Một tác phẩm nghệ thuật.

Tháng tư 1996 (thời điểm này chắc chỉ là tình cờ) trong số Xuân Hè, ***Social Text*** cho đăng bài của Sokal, thì ngay tháng năm Sokal lại có bài khác, đăng trong tập san cùng loại ***Lingua Franca***, thừa nhận đã làm việc " nhại văn " với ý đồ " *liệu một chuyên san văn hoá đầu đàn của Bắc Mỹ ... có chấp nhận một văn bản chứa đầy những câu vô nghĩa nếu (a) nó có vẻ hay ho nghiêm chỉnh và (b) nó tán dương khuynh hướng ý thức hệ của ban chủ biên ?* ". Kết quả là một xì-căng-đan học thuật chưa từng có, bắt buộc những nhân vật có liên hệ xa gần phải lấy thái độ.

Dĩ nhiên khó có thể dịch hay tóm tắt một tác phẩm siêu thực độc đáo như bài của Sokal, nhưng trước khi bình bàn hầu độc giả (theo chủ quan của người viết) những phản ứng tiêu biểu từ nhiều phía, xin lược ghi hai điểm để làm mốc cho những nhận định, một là những thủ thuật " bịp đời " của Sokal, và hai là hoàn cảnh ra đời của bài báo.

Kỹ thuật nhại văn là làm cho những câu vô nghĩa có vẻ hay ho nghiêm chỉnh bằng cách :

(a) trích dẫn các tác phẩm của người duyệt, hai người chủ biên của ***Social Text*** được trích dẫn một người 13 lần (Stanley Aronowitz) và một người 4 lần (Andrew Ross), đáng chú ý là ***Social Text*** không hỏi " referee " để thẩm định bài của Sokal ;

(b) sử dụng ngôn ngữ theo khuynh hướng chung của tờ chuyên san và không ngần ngại cường điệu hơn, Sokal nói đến " toán học giải phóng " (*emancipatory mathematics*), đến " khoa học hậu tân tiến " (*postmodern science*)...

(c) trích dẫn các khoa học gia danh tiếng như Bohr, Heisenberg, Godel, Thom, là những người đặt ra các vấn đề phức tạp và thường bị diễn dịch sai, để cũng lặp lại các diễn dịch sai theo thời thượng ;

(d) trích dẫn những bậc thầy tư tưởng của " trường phái nghiên cứu xã hội phe tả (Mỹ) " mà ***Social Text*** là một đại diện, như Lacan, Derrida, Latour... khổ thay trong đó đa số người Pháp ;

(e) dùng các thủ thuật trên để sắp xếp làm sao cho kêu và xuôi tai một mớ những thật giả lẫn lộn, phần lớn các câu người

không nghiên cứu vật lý không thể biết là có nghĩa hay vô nghĩa. Nhưng có vài câu nếu để ý thì ai có trình độ khoa học trung bình cũng biết là diễu, chẳng hạn như " Số Pi của Euclid và số G của Newton, trước kia được cho rằng bất biến và phổ cập, ngày nay được nhận chân trong tính lịch sử tất yếu của nó " (Pi là tỷ số giữa chu vi vòng tròn và đường kính, một định nghĩa toán hoàn toàn phi thời gian, còn G chỉ là hệ số đo sức hấp dẫn của trái đất, không có gì là bất biến và phổ cập), hoặc nữa " lý thuyết số phức (complex number), một ngành toán lý mới và còn có tính tư biện ..." (speculative, thật ra lý thuyết này đã hoàn chỉnh từ... nửa đầu thế kỷ 19, và được dạy phổ biến năm đầu đại học khoa học) ;

(f) tuyên bố ý đồ chính là đem lại sự minh chứng bằng khoa học dựa trên những nghiên cứu vật lý mới nhất, để ủng hộ luận đề sau : các lý thuyết khoa học về cơ bản là một công trình xây dựng của xã hội (theo sự đánh giá của Sokal về thuyết xây dựng, constructivism) ; việc ban chủ biên ***Social Text*** chấp nhận bài Sokal mặc nhiên chứng minh rằng đánh giá này có phần đúng. Xin để ý chữ " về cơ bản " (*at bottom*), cũng có thể dịch là " suy đến cùng ", vì đây là... cơ bản của vấn đề.

Tại sao tự nhiên đùa ác ? Phải trình bày thêm khung cảnh lịch sử : số ***Social Text*** Xuân Hè là một số đặc biệt với chủ đề *Những Đấu Tranh về Khoa Học* (Science Wars), được mời gọi viết để trả lời cho cuốn sách của Paul Gross (giáo sư sinh học ĐH John Hopkins) và Norman Levitt (giáo sư toán học ĐH Rutgers) : *Sự mê tín cấp đại học ; phái tả kinh viện và sự bất hoà với khoa học* (*Higher Superstition ; the academic left and its quarrels with science*) nxb John Hopkins University Press, 1994. Đã gọi là đấu tranh thì mọi chiến thuật đều dùng được, coi như Sokal đã tặng ***Social Text*** một con ngựa thành Troie. Chỉ có điều là ranh giới bạn thù của các bên tham chiến không giống nhau ; Gross và Levitt tự coi mình ở bên chiến tuyến " hữu và khoa học chống tả và mê tín " còn Aronowitz và Ross thì giương cao ngọn cờ " tả và văn hoá chống hữu và kỹ phiệt ". Sokal hãnh diện mình có lập trường cấp tiến phe tả, chàng đã từng sang xứ Nicaragua của Sandinista để dạy toán, nhưng trong cuộc chiến (luận) này Sokal muốn bảo vệ tinh thần khoa học duy lý chống lại những thái độ phi khoa học của trường phái Pomo (*Post Modernism*) ; đó là điều bất ngờ khiến ***Social Text*** nhận tặng phẩm ngựa gỗ. Hình ảnh con ngựa thành Troie này không phải của người viết, hắn chỉ cóp lại từ Lưới, và có lẽ dùng điển này không cường điệu ; rất nhiều ý kiến cho rằng (thí dụ như Jorge Wagensberg, giáo sư vật lý tại Barcelona, *La Recherche*, 4.97) sau sự kiện Sokal, không khí học thuật kinh viện sẽ không thể như trước, không chỉ tại Mỹ, và không chỉ giới hạn trong ngành khoa học luận. Vậy thì từ hơn một năm nay các bên tham chiến và các khách ít nhiều bàng quan có những bình luận gì ?

2. Sokal kẻ phá hoại

Phá hoại đây trước tiên là phá hoại không khí học thuật. Dĩ nhiên kẻ đã bị đo ván không có cách nào dậy nổi như Stanley Fish (giám đốc nhà xuất bản Duke, có thể chẳng có trách nhiệm tinh thần nào trong vụ này) chỉ còn nước than van : " làm xảo thuật như Sokal thật có hại cho mối quan hệ dựa trên thành tín từ trước tới nay vẫn thịnh hành trong giới học thuật ". Song đây không phải là một phản ứng riêng lẻ, David O. Edge, giáo sư danh dự (*reader emeritus*) về xã hội học tại ĐH Edinburgh, Anh Quốc, mặc dù đồng ý với Sokal rằng (công tác khoa học) " *tuân thủ Logic và chuẩn mực của sự minh chứng, đồng thời luôn luôn đối chiếu lý thuyết và thực tế... là một thành tố thiết yếu của mọi chính sách tiến bộ* " (bài thật, trong ***Lingua Franca***) ; đã phê phán rất nặng bài giả... " *Những ồn ào quá đáng hiện nay đập vào tai tôi như một sự giả mạo lố bịch, thực ra nó sẽ xói mòn những quy trình của học thuật : và khi những quy trình đó sụp đổ thì mọi sự sẽ bị đe doạ... sự đeo đuổi chung lý trí và chân lý... và ngay cả bản thân khoa học* " (đọc trên Lưới). Hervé le Bras, Giám đốc nghiên cứu của EHESS (Trường nghiên cứu cao cấp khoa học xã hội, Pháp), thì cho rằng đây là " một trò đùa vô giá trị ", chỉ làm " chia rẽ khoa học tự nhiên và khoa học xã hội " ; và có một nhận xét đúng : cách làm của Sokal thực ra là tránh né sự bàn cãi có chiều sâu (*La Recherche*, số 4.97).

Không phải chỉ những nhà xã hội học chống cách làm của Sokal, Benjamin Weiner nhà vật lý học thiên văn tại ĐH Rutgers (cùng ĐH với Levitt), viết trên Lưới : " *Tôi cho rằng (làm như thế là) phá vỡ những đạo lý của khoa học và của kinh viện... tập thể nghiên cứu học thuật phải dựa trên điều tiên quyết là các đồng nghiệp là những người tin được, có nghĩa họ chưa chắc đã đúng, nhưng họ thành thật* " và đặt câu hỏi " *bạn có thể nào chấp nhận, khi thẩm định các bài viết, phải luôn luôn coi chừng tác giả có đang lừa mình hay không ?* ". Thêm nữa Weiner còn minh chứng cho Bruno Latour (tiến sĩ triết, giáo sư khoa học luận tại trường mỏ Paris, một trường cao đẳng kỹ thuật nổi tiếng của Pháp). Weiner đã dự một khoá thỉnh giảng của Latour tại Mỹ và tóm tắt luận đề cơ bản mà Latour phát triển là : " *Theo một trường phái xã hội học đang nổi trội thì các lý thuyết khoa học là những khái niệm do con người sáng tạo, nghĩa là công trình xây dựng của xã hội... thế thì tại sao khoa học lại hữu hiệu như vậy ?* ". Có gì là ghê gớm đâu, vẫn trở lại mối băn khoăn siêu hình của Einstein : " *điều khó hiểu là tại sao thế giới này có thể hiểu được ?* ". Nếu bảo Latour là Pomo thì đây cũng là Pomo " mềm " thôi ! Đối tượng của Sokal thực ra là những người Pomo " cứng ", nhóm chủ biên của ***Social Text***, theo đó phải " *...xây dựng một phương pháp luận khoa học mới bắt rễ từ sự cần thiết của xã hội...* " (Andrew Ross, lời phi lộ cho số đặc biệt xuân hè nói trên) nghe mang máng như nền khoa học vô sản dưới thời Staline ! vẫn còn lẫn lộn phương pháp luận với đối tượng và mục đích của khoa học (là những điều không ai phủ nhận cần có sự kiểm soát của xã hội). Bị đập là phải, và bị lừa cũng là tự nhiên !

Nhưng Sokal còn là kẻ phá hoại quan hệ Âu-Mỹ ! Theo nhà xã hội học Denis Duclos, giám đốc nghiên cứu của CNRS, trung tâm nghiên cứu khoa học Pháp, trên báo *Le Monde* ngày 3.1.97 thì hiện tượng Sokal thuộc về ... " *một hành động thương mại, thậm chí là chiến tranh tâm lý. Triết thuyết tiềm ẩn của họ là chủ nghĩa sô vanh chống châu Âu...* ". Duclos rõ ràng muốn bảo vệ Lacan. Bruno Latour, trên *Le Monde* ngày 18.1.97 cũng có một bài dài phản ứng nặng kiểu đấm dưới thắt lưng như vậy, cùng nội dung, bài này tựa đề : " *Sau chiến tranh lạnh thì có còn khoa học không ?* ", hoàn toàn trật chìa. Thôi miễn nói thêm vì thường những bài của Latour (một trang trong *La Recherche* mỗi tháng), có chất lượng cao hơn thế (vả lại của đáng tội những cú đấm của Sokal cũng không phải trên thắt lưng). Sở dĩ phản ứng phẫn nộ nặng nề là vì Latour bị Sokal nêu đích danh để " tán dương " trong bài báo " dỏm ". Tội lỗi của Latour là đã viết một bài về thuyết tương đối, tương đối " bay bổng quá đà " mà Sokal không chịu được (nhưng Weiner thì lại đánh giá : " *tôi thấy bài ấy tối nghĩa, nhưng*

không có gì xấu xa... phản khoa học ". Người viết bài này chưa đọc bài ấy của Latour nên không dám bàn tiếp. Tuy nhiên, xin mời bạn đọc suy nghĩ thêm, Latour là giáo sư khoa học luận trong một trường cao đẳng khoa học nhất nhì của Pháp, học trò của Latour chắc đa số hiểu rõ thuyết tương đối, chưa nói gì tới các đồng nghiệp dạy toán hay vật lý của ông. Latour lại giữ mục khoa học luận trong tờ *La Recherche*, một nguyệt san phổ biến trong giới khoa học Pháp.

Nhưng, tuy nhiên, lại xin mời bạn đọc bỏ thì giờ suy nghĩ thêm nữa... trong những lời dạy về phương pháp luận khoa học của Aristote, một trong những phương pháp là tôn trọng ý kiến của những người có thẩm quyền, trong nền học thuật của châu Âu từ đó cho tới thời hiện đại vẫn có một loại lý luận được chấp nhận, được nêu rõ ràng là " theo những ý kiến có thẩm quyền " (*argument d'autorité*) ; tương tự như " Tử viết " của Á Đông. Loại lý luận này nói chung chỉ bị từ chối trong khoa học tự nhiên kể từ những khủng hoảng sau Galilei, và bây giờ thì trong giới khoa học tự nhiên " ý kiến có thẩm quyền " không có ý nghĩa gì nữa, anh đúng, hoặc anh không đúng, dù anh là Einstein hay Bohr đi nữa.

... " Tuy nhiên như thế thật là "... , trích thơ Bùi Giáng cho nhịp ba của luân vũ, nếu tuyệt đối từ bỏ chữ " thẩm quyền ", từ bỏ những quyền ưu tiên tinh thần do chức vị đại học, giáo sư này, nhà nghiên cứu nọ, vân vân... thì bài viết này có ý nghĩa gì chăng ? vì tại sao lại lo lắng đến những sự " thủ dâm tinh thần " trong các tháp ngà, câu hỏi dĩ nhiên không đặt ra riêng cho *Diễn Đàn*, mà còn cho những media uy tín nhất của thế giới. Trò đùa của Sokal rất vui, nhưng dư vị của nó thật không vui chút nào. Nói vậy lại phải thanh minh rõ, người viết bài này rất thích và ủng hộ Sokal, như nhiều người khác. Ý thức được rằng giá phải trả là rất cao, nhưng trong khoa học xã hội cũng như trong khoa học tự nhiên, muốn vượt qua được sự khủng hoảng về tư tưởng của thời đại thì rất cần " thanh lý môn hộ " trong sinh hoạt kinh viện, điều đó không dễ.

3. Những khách mộ điệu và những đồng minh cồng kềnh

Bây giờ xin bỏ qua những phê phán đồng nhất từ mọi phía về sự cẩu thả không thể chối cãi của ***Social Text***, khiến cho những người chủ biên của nó kể như đã " thân bại danh liệt " để " vượt qua biên giới " sang phía bên kia, nói về những người ủng hộ Sokal. Đầu tiên phải kể Jean Bricmont, giáo sư vật lý lý thuyết, tại đại học Louvain (Bỉ). Bricmont là đồng tác giả với Sokal cho một cuốn sách sẽ ra để luận chiến trực diện và có chiều sâu (hi vọng thế) với Pomo : *Những sự giả trá về khoa học của các triết gia hậu hiện đại (Les impostures scientifiques des philosophes post-modernes)*. Theo Bricmont (*Le Monde*, 18.1.97 và *La Recherche*, tháng 5.97) thì Sokal muốn đả kích ba khuynh hướng phản khoa học :

* Một là, chủ nghĩa tương đối về văn hoá (*relativisme culturel*) trong đó bất cứ cái gì cũng *chỉ* là sản phẩm xã hội, đẻ ra từ một môi trường văn hoá thống trị nhất định, kể cả những hiểu biết khoa học. Bricmont và Sokal không phủ định rằng, theo một nghĩa nào đó, các lý thuyết khoa học cũng là sản phẩm xã hội, nhưng nhấn mạnh không thể quên rằng các lý thuyết đó dựa trên một nền tảng thực nghiệm và vì thế không thể giải thích lịch sử khoa học chỉ bằng cách nghiên cứu xã hội học (như trường phái Pomo kiểu Feyerabend có khuynh hướng) mà bỏ quên sự đối chiếu nội dung của các lý thuyết khoa học với thực tế. Từ đó đi đến không phân biệt được khoa học và nguỵ khoa học như tử vi, tướng số, chiêm tinh...

* Hai là, những suy diễn tuỳ tiện mượn có thích hợp với khoa học tự nhiên để muốn nói gì thì nói trên các vấn đề văn hoá xã hội. Đây là điểm mà " thí nghiệm " Sokal thành công nhất.

* Ba là, chỉ đích danh những triết gia và các nhà phân tâm học luôn luôn làm như có vẻ là mình nắm vững khoa học, đem những thành tựu khoa học để dẫn chứng, hay ít ra là để làm thí dụ cho những luận cứ của mình, một cách hoặc hoàn toàn sai lầm, hoặc hoàn toàn không cần thiết, hoặc bay bổng mơ hồ, hoặc gán ghép miễn cưỡng như kiểu chơi chữ của Lacan. Trong những người này có Lacan, Derrida, Deleuze, Latour, Paul Virilio, Julia Kristeva, Jean Baudrillard...

Tóm lại, theo Bricmont, " *mục đích chúng tôi chỉ đơn giản là lưu ý công luận trên sự thiếu nghiêm chỉnh và chặt chẽ trong cách người ta sử dụng toán học và vật lý học trong rất nhiều bộ phận của khoa học xã hội* ".

Người viết bài này hoàn toàn đồng ý hai điểm đầu, còn về điểm ba thì cần phân biệt mức độ, khó có thể trách những bài viết về khoa học là mơ hồ, trách thế quá dễ vì nếu muốn hoàn toàn chính xác thì chỉ có cách dùng ngôn ngữ của khoa học, khổ thay đó không phải là ngôn ngữ của đời thường. Chính ở đây, vì lập trường quá cứng rắn mà Sokal và Bricmont (nói theo ngôn ngữ đấu tranh cách mạng) chưa biết " thêm bạn bớt thù ", ngược lại còn kéo theo những đồng minh khá là cồng kềnh như Gross, Lewitt, và nhất là Steven Weinberg (giải Nobel vật lý). Những người này không cùng lý tưởng xã hội với Sokal và nổi tiếng là vơ đũa cả nắm, chống những nghiên cứu về xã hội học nói chung (với mục đích rất cụ thể là dành phần lớn quỹ nghiên cứu cho khoa học tự nhiên). Hy vọng rằng trong cuốn sách sắp ra, Sokal và Bricmont sẽ điềm tĩnh hơn, theo lời khuyên của người đồng nghiệp Etienne Klein (*La Recherche*, 4.97) : " *Hoan hô, nhưng coi chừng tay quay bật ngược* ". Klein viết thêm : " *Tuyệt đối không nên làm nản lòng những người trong khoa học xã hội trong công việc thẩm định có phê phán về khoa học tự nhiên của họ... chúng ta cần điều ấy biết bao... đừng dọn đường cho chủ nghĩa duy khoa học kiêu ngạo* ". Ý kiến này cũng hoàn toàn trùng hợp với quan điểm của Pierre Thullier trong *Pour la Science*, ấn bản tiếng Pháp của *Scientific American* (4.97), Thuillier chuyên nghiên cứu lịch sử khoa học. Sau khi trình bày sự kiện Sokal với rất nhiều cảm tình, ông viết : " *Sự kiện này có thể làm người ta lo ngại rằng một thứ khủng bố duy khoa học sẽ trở lại* ".

4. Để kết luận : thông điệp và nhiễu của một trái bom

Theo đà của ngôn ngữ hình tượng đó, tuy rằng chẳng chết ai và do đó không thể bị lên án tù, cá tháng tư của Sokal đúng là một trái bom khủng bố. Như mọi hành động khủng bố cách mạng, nó có thể có những lý do chính đáng hay không, nhưng dù sao nó không thể thay thế cho những suy nghĩ và tranh luận có chiều sâu, vì thông điệp của một tiếng nổ luôn luôn mang theo rất nhiều nhiễu. Người ở rất xa cũng nghe, nhưng nghe được gì trong một vấn đề tưởng như đơn giản nhưng thực ra hết sức phức tạp ? Không kể rằng ngoài đối tượng chính bị đánh có thể có nhiều người bên cạnh bị mảnh bom đánh lây, và toà nhà học thuật bị nham nhở lỗ chỗ. Trong việc này, Sokal nợ độc giả của ông rất nhiều giải thích thêm, và người ta chờ đón cuốn sách sắp ra để xem sao.

Hàn Thuỷ

Sáng tác mới của Ea Sola

Ngày xửa ngày xưa...

Từ ngày 20 đến 26.5.97, vở múa-ca *Il a été une fois* (*Ngày xửa ngày xưa...*) của Ea Sola Nguyễn Thuỷ đã được trình diễn (lần đầu tiên trên thế giới) tại nhà kịch Théâtre de la Ville (Paris). Sáu tối, rạp kịch (khoảng 1500 chỗ ngồi) đều chật ních khán giả. Từ hơn một tuần trước, vé đã bán hết. Công chúng Paris nóng lòng chờ xem sáng tác mới của Ea Sola, sau khi đã nhiệt liệt hoan nghênh *Hạn hạn và Cơn mưa* mùa thu 1995 ở Trung tâm Georges Pompidou. Không chỉ công chúng Paris, mà công chúng và giới phê bình nghệ thuật 11 nước Âu-Mỹ đã dành cho Đoàn Ea Sola những cảm tình nồng nhiệt trong các chuyến lưu diễn từ tháng 5-95 đến tháng 8-96.

Ngày xửa ngày xưa... bắt đầu khi một trăm người con (biểu trưng bằng 8 diễn viên nữ và 8 diễn viên nam, từ 16 đến 25 tuổi) của Lạc Long và Âu Cơ vừa được cha mẹ cho biết sẽ chia ly, năm mươi người sẽ theo cha về biển, năm mươi theo mẹ lên núi. Đó là huyền thoại *sinh thành* của dân tộc *con Rồng cháu Tiên*, nhưng cũng có thể hiểu là huyền thoại *sinh thành* của nhân loại. Riêng đối với người Việt Nam hôm nay, chủ đề này có một sức gợi cảm mãnh liệt và vô tận. Theo hai hướng. Hướng *sử ca* : sự lên đường để mở mang đất nước, sức bền bỉ, quật cường và đoàn kết của một dân tộc thống nhất mà đa dạng, chinh phục thiên nhiên và bất phục mọi cuộc ngoại xâm. Hướng *bi ca* : sự chia ly với tất cả những thảm kịch của nó, nhớ nhung hoài vọng, xa mặt cách lòng, thậm chí nồi da nấu thịt. Hờn sông Gianh vẫn còn vang vọng trong tâm tư dân tộc, vết thương Bến Hải chưa kịp lành, thì thảm kịch Biển Đông ập tới. Có chủ quan không nếu tôi nói rằng : hai mươi năm qua, người Việt Nam nào nặng nợ với bút mực, ai mà chẳng từng bắt đầu viết lại câu chuyện *Trăm Con*, dưới dạng *năm mươi lên non năm mươi xuống biển*, hay *chín mươi tám người con ở lại và hai người con vượt biển*.

Ea Sola *viết* gì, *viết* ra sao qua vở *Ngày xửa ngày xưa...* ? Đó là câu hỏi lởn vởn trong đầu tôi từ hai năm nay, khi biết chị ôm ấp dự định ấy — lúc đó chị gọi tên vở là *La Partition*, có lẽ nên dịch gọn là *Chia*, với tất cả những hàm ý của nó : *chia xẻ, chia cắt, phân hoạch, dàn bè (một bản nhạc)*. Và tối 21.5, tôi hồi hộp đón xem câu trả lời.

Sân khấu mở ra với một bối cảnh bài trí đơn giản tối đa, những dải nhựa trong thả dài từ trên cao xuống sàn, trên đó chấm phá vài đường nét cong, lá cây rừng chăng, rong biển chăng, hay là cánh chim Lạc cũng không chừng. Ta chớ hỏi tác giả về ý nghĩa của bài trí, cũng như ý nghĩa của mỗi động tác, mỗi bước đi của vũ nhân : nghệ thuật là đa nghĩa, tìm ý nghĩa là *khâu lao động* của khán giả, ý nghĩa của tác phẩm là ý nghĩa mà người đọc người xem tìm ra. Trong ý nghĩa ấy, nghệ thuật là quán trọ Tây Ban Nha, lữ khách tìm thấy ở đó những hành trang và món ăn mình mang tới, không hơn không kém. Tác giả và tác phẩm giúp anh mở ra, tìm ra những hành trang và món ăn của anh mà anh không biết. Sức mạnh, sức gợi cảm của *Ngày xửa ngày xưa...* ở đó, và chỗ yếu của nó có lẽ cũng ở đó.

Sân khấu được ánh sáng chia làm ba không gian cố định : không gian chính giữa là chỗ của năm nhạc sĩ, tách biệt hai không gian kia, một bên nữ, một bên nam. Qua những làn điệu *tài tử* của Nam Bộ (với những nhạc sĩ bậc thầy), vùng đất xa xôi của những người đi mở nước *ngàn năm thương nhớ đất Thăng Long*, và 9 bài ca (lời của Nguyễn Duy, lần này thám hiểm vùng đất *ca từ* mới, và cũng thành công như trong *Hạn hạn và Cơn mưa*), 16 diễn viên, nữ mặc áo dài, nam mặc quần và ở trần — trang phục của mọi người (kể cả nhạc công) đều một màu đỏ sậm — di chuyển trong vùng sáng cố định của mỗi không gian. Hai khối anh em, hai nửa máu thịt sẽ chỉ nhìn thấy nhau trong mơ, trong sự nhớ nhung khao khát, trong ý chí khai phá và trong mỗi đau buồn. Ea Sola sử dụng hết sức nhuần nhuyễn, sáng tạo và tiết kiệm các động tác của võ dân tộc, của hát bội (cũng là các thế võ được cách điệu hoá) và lối di động *lướt* của chèo để thể hiện các tình huống. Cũng vậy, chị đã lựa chọn rất chính xác các làn điệu *tài tử*, và thành công trong các sáng tạo (thay dây đàn cho trầm hơn, đưa vào một số đoạn gõ nhịp rất mới mà vẫn trung thành với tinh thần nhạc *tài tử* : có thể nói những đoạn múa ở phần này hết sức thành công). Các diễn viên trẻ là học sinh Học viện sân khấu Thành phố Hồ Chí Minh, hầu như đều từ các tỉnh lên học, đã dày công tập múa và ca, đi vào một lãnh vực hoàn toàn mới lạ mà đã tỏ ra chững chạc khó ngờ.

Với sáng tác mới, Ea Sola một lần nữa khẳng định tài năng xuất chúng của mình, và hơn thế nữa, chị biểu lộ sự *đam mê tìm nguồn và khai phá*. Nếu có một chút bảo lưu thì xin nói như vầy : nhạc *tài tử* rất hay, linh hồn của nó là nỗi hoài cảm khôn nguôi của những người đi khai hoang, mở nước, song *âm vực, tâm vực* của nó là *trầm, trầm hùng và trầm buồn*. Phải chăng vì thế nó không đạt tới biên độ của những gì mãnh liệt mà người xem có lúc chờ đợi ? Thêm một lý do để chúng ta chờ đón sáng tác thứ ba mà Ea Sola đang ấp ủ.

Kiến Văn

Sách Lê Thành Khôi

(tiếp theo trang 17)

hôm qua "), nghĩa là cho đến khi " *đột hiện những lực lượng chuẩn bị cho thế giới hiện đại* " (tr. 10), vào những thời điểm đúng là rất khác nhau. Nhưng ta có cảm tưởng là tác giả chưa thực hiện hoàn toàn ý định đó. Thật vậy, nếu tác giả nghiên cứu Châu Âu cho đến thế kỷ XV, Trung Quốc và Nhật Bản cho đến thế kỷ XIX, thì ngược lại đối với Ấn Độ chẳng hạn, tác giả dừng lại vào cuối thế kỷ thứ VII. Đối với châu Phi thì lại càng khó xác định thời điểm vì hầu hết các tài liệu dân tộc học trích dẫn đều nghiên cứu những gì còn quan sát được vào thế kỷ XX, đặc biệt từ vài mươi năm trở lại đây. Thật ra, tác giả cũng đã thấy rõ vấn đề vừa nêu ra khi anh viết : « *Về việc phân kỳ (périodisation), dù tôi không nhận ra được một lối phân định có giá trị phổ biến, tôi cũng đã phải chọn lấy một để phân biệt quyển sách này với quyển sẽ xuất bản, bàn về* " các xã hội hôm nay " » (tr.10).

Trên đây tôi đã trình bày sơ qua diện mạo của quyển sách và góp vài ý kiến nhỏ do tên sách gợi ra, nghĩa là chỉ bàn đến những vấn đề râu ria thôi, nếu nói một cách nôm na. Nội dung của quyển sách phải thừa nhận là phong phú và hứng thú vô cùng, như những trang viết về Phật Thích Ca, Khổng Tử... và nhất là về quan hệ giữa giáo dục, hệ thống quan liêu, giai cấp xã hội và phát triển ở Trung Quốc và Nhật Bản mà nếu có dịp tôi sẽ giới thiệu cùng bạn đọc.

Nguyễn Trọng Nghĩa

Giữ gìn di tích văn hoá :

Yêu nhau như thế bằng mười phụ nhau !

Trước tết âm lịch vừa qua, một số tờ báo (**Thể Thao & Văn Hoá, Lao Động**) có đưa tin ở Côn Sơn nhân dịp trùng tu chùa, một nhà sư cho lôi tất cả tượng cũ ra sơn lại. Mặc dù có ý kiến của ngành quản lý văn hoá rằng đừng nên làm thế, nhưng mọi việc cứ được tiến hành. Kết quả là không biết có bền hơn không, tốt hơn không, nhưng chắc chắn các tượng hỏng hẳn về mặt thẩm mỹ, chúng không ăn nhập gì với khung cảnh.

Sự việc đến nay được giải quyết ra sao, báo chí không đưa tiếp, song tôi nghĩ những người có quan tâm tới công cuộc giữ gìn, bảo vệ các di tích văn hoá có thể tìm thấy ở đây một ví dụ về cái cách mà chúng ta cần làm với mọi của cải vật chất và tinh thần mà ông cha để lại. Để sang một bên câu chuyện lâu nay dư luận đã nói nhiều là sự dửng dưng, hơn nữa, sự đập phá – ngay trong trường hợp các di tích được tu bổ để khai thác thì mọi sự săn sóc ấy cũng chưa thể làm yên lòng ai cả.

Trong số những ấn tượng để lại khi đến thăm chùa Mía ở Sơn Tây, có một điều nhiều người không thể quên : ấy là ngoài cổng chùa mới xây thêm một cái tháp. Chùa cổ thâm nghiêm và giản dị bao nhiêu thì tháp ximăng mới xây thô thiển và xa lạ bấy nhiêu.

Một ví dụ khác : đầu năm 1996, báo **Thanh Niên** cho biết để diệt cỏ cho các tháp cổ ở Mỹ Sơn, những người làm bảo tàng cho phun vào kẽ đá một loại hoá chất. Cỏ có bị chết, nhưng tường tháp lại trở nên nham nhở khó coi.

Còn đây, một chi tiết do chính giáo sư Hà Văn Tấn nêu lên trong bài trả lời phỏng vấn của báo **Tuổi Trẻ chủ nhật** : đình Lỗ Hạnh làm vào thời nhà Mạc (thế kỷ XVI), thuộc loại đình lâu đời nhất ở miền Bắc. Ở hậu cung đình này vốn có bốn bức tranh cổ về người tiên. Giờ đây tranh cổ bị xoá, thay bằng tranh mới, và cố nhiên vẽ bằng sơn mới. Còn như cái chuyện tượng cũ được tô xanh tô đỏ, nhiều tượng được gắn thêm những " vầng hào quang " nhấp nháy, hoặc hiện tượng cột gỗ được thay bằng cột ximăng... thì theo giáo sư Tấn, thấy ở nhiều nơi. Cần chú ý thêm là ngoài lối " vẽ rắn thêm chân " mà ai cũng thấy dở như vậy, còn nhiều tuỳ tiện khác trong khi lập hồ sơ về di tích. Có khi lầm lẫn về niên đại. Có khi là thay đổi các tình tiết trong câu chuyện có liên quan đến di tích, thậm chí thay đổi cả tính chất của di sản cho hợp thời hoặc thêm phần thiêng liêng, hấp dẫn (chẳng hạn, đang là một *đâm từ* thờ những vị thần ngẫu nhiên không chính đáng, được cải biên thành đền thờ những người có công với dân với nước). Vả chăng suy cho cùng, đây cũng là cả một " di sản " (đúng hơn là *di lụy*) do lịch sử để lại : các nhà nghiên cứu lịch sử nghệ thuật đã có nhiều bằng chứng cho thấy rằng một số công trình kiến trúc ngày nay chúng ta được chứng kiến, thực ra từng bị phá hoại (do thời tiết, khí hậu cũng có ; mà do nạn binh hoả liên miên cũng có). Có hư hỏng tức có trùng tu. Chỉ có điều gần như mỗi lần trùng tu là một lần di tích được " cải biên " theo tinh thần đương thời. Liệu có quá sớm khi bảo rằng sự tuỳ tiện ở ta thật ra là một bệnh thâm căn cố đế và có một " bề dày lịch sử " đáng sợ !

o

o o

Có một lý do khiến cho lối tu bổ và bảo dưỡng di sản như kiểu trên đây cứ mặc nhiên tồn tại. Ấy là theo cách nghĩ thông thường thì dẫu sao sự tân trang " môđẹc hoá " này cũng còn khá hơn sự dửng dưng đang tồn tại hằng ngày, hằng giờ chung quanh mà chưa biết làm sao khắc phục.

Ở một tầng sâu nữa, có thể thấy lối làm văn hoá kiểu nhà sư Côn Sơn nói ở trên bắt nguồn từ những suy nghĩ khá thông thường hiện thời : văn hoá là chuyện ai chẳng biết làm và ai làm chẳng được ; chỉ cốt ở cái tâm, ở sự nhiệt tình ; " méo mó có hơn không ".

Có biết đâu, " yêu nhau như thế bằng mười phụ nhau " – sau cái bi kịch của sự khoanh tay đã đến lúc nói thêm đến cái bi kịch của hành động, vì sau một hành động lầm lỡ, sửa chữa được là khó lắm, nếu như không nói rằng có những lầm lỡ không bao giờ sửa chữa nổi !

Vương Trí Nhàn

(**Tuổi Trẻ chủ nhật** 20.4.97)

Tìm đọc

Hợp Lưu

Tập san Văn học - Nghệ thuật - Biên khảo

* Nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong và ngoài nước.
* Nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam.

Hợp Lưu Magazine, P.O. Box 277,
Garden Grove CA 92642, USA
Tel. và Fax : (714) 537-2468

Đại diện tại Âu châu :
M&Mme Lê Tất Luyện,
15 Place Souham, F- 75013 Paris.
Tel. 45 83 19 12

Người chăn kiến

Bùi Ngọc Tấn

truyện ngắn

Cái tay B trưởng [1] ấy hoặc đã chán mọi chuyện đánh đấm, hoặc có máu hài hước.

Ông M. vừa bị vài *cú khai vị* tưởng rụng quai hàm thì hắn hét bọn đàn em vây quanh ông đang nổi cơn say đấm đá :

– Thôi.

Hắn bước tới gần ông. Nhìn. Ngắm :

– Trắng.

– ...

– Làm nghề gì ?

Ông nuốt một bụm máu, nửa cái răng gẫy vào bụng và biết nên nói thật :

– Giám đốc.

B trưởng reo lên :

– Thảo nào. Trắng như con gái.

Rồi thật bất ngờ :

– Cho làm nữ thần Tự Do.

– ...

– Tượng thần Tự Do ở bờ biển Nữu Ước. Làm giám đốc mà không biết à ?

Ông thoát khỏi *trận đòn nhập B* mà chưa ai lường hết được sự ghê gớm và hậu quả của nó. Thay vào đó ông phải khoả thân leo lên bậc thang cao nhất, giáp của song sắt ngăn với sân *xê rom* [2], cái sân thượng chỉ về đêm mới có lính gác. Tay ông giơ lên cao khi gói kẹo, khi quả dưa chuột — những đồ tiếp tế của anh em tù — để làm nữ thần Tự Do.

Trần truồng trước hàng trăm con mắt, thật nhục nhã, quá sức chịu đựng đối với một người từng làm giám đốc lại đã đứng tuổi như ông. Ở trên ấy ông thèm được như ông già chủ nhiệm hợp tác xã dưới kia, chỉ phải bế bọc nội vụ đi quanh, hát ru em bài *Bé bé bằng bông*.

Đúng là tay B trưởng này có máu đại hài hước.

Trời nóng, hắn ngồi phè phẹt giữa sàn, hét :

– Hitachi !

Gần hai chục người lập tức vây quanh hắn.

– Quạt.

Tất cả quạt. Bằng tay. Nhưng mát, bay cả tóc. Hắn lại hét :

– Panasonic.

Những người trong đội Panasonic sẵn sàng.

– Quạt.

Lại còn thêm :

– Tuốc năng.

Cái vòng người Panasonic vừa quạt vừa chạy quanh hắn giống đèn kéo quân bỗng đồng loạt đổi chiều như cùng một bánh xe truyền lực.

Cô đơn khoả thân trên cao, cái nóng từ mái chàm vào người như nướng, ông M ao ước được ở trong đội quạt, nhưng ông không dám nói với ai. Ngoài những lúc *đi cung* hoặc học tập chính sách cải tạo, giờ chính quyền còn lại ông ngoan ngoãn đứng làm nữ thần Tự Do.

Cho đến một ngày...

Hôm ấy đi làm vệ sinh về, tay B trưởng bắt ra 4 con kiến đỏ bé xíu đựng trong cái vỏ bao thuốc lá. Hắn cầm mẩu gạch non khoanh 4 vòng tròn xuống nền xi măng. 12 anh tù được hắn chỉ định chia thành 3 ca chăn 4 con kiến nhỏ.

Ông M không ngờ mình lại mê chăn kiến đến thế. Công việc kì dị ngày càng hấp dẫn ông. Nó làm ông khao khát đến bồn chồn. Cho dù đó là khổ ải. Phải giữ kiến luôn ở trong vòng tròn. Trong ấy có bánh bích quy, có đường, có thịt, kiến ăn nhưng không chịu ngủ, kiến vẫn bò tìm tổ. Phải luôn tay chặn kiến lại và không được làm sứt một cái chân của kiến. Chính những điều ấy khiến ông thèm khát. Nó sẽ giúp ông quên thời gian, quên những *thiên thu tại ngoại*. Hơn nữa ông đã quá chán trò cởi truồng đứng trước mặt mọi người.

Thế là một hôm ông gặp B trưởng, chìa ra một con kiến ông vừa bắt được trong khi đi làm vệ sinh và rụt rè, ấp úng xin được chăn...

B trưởng cố kìm cơn giận. Hắn miết chết con kiến và quắc mắt, hất hàm về phía *sân xê rom*.

Ông hiểu.

Ông lại khoả thân bước lên.

Nhưng ông không được làm thần Tự Do nữa.

Ông biến thành con chim. Con chim nhỏ trên cành cây cao. B trưởng đứng dưới, giả cầm súng lom khom, chui lủi, rình ngắm :

– Đoàng.

Ông phải rơi từ sát mái nhà xuống. B trưởng không bằng lòng với cách rơi giả vờ, rơi có chuẩn bị, rơi chân xuống trước ấy. Phải rơi như thật. Như bị bắn rụng thật. Hiểu chưa ? Làm lại.

" Thật quá rùng rợn. Cầu mong đừng gẫy cổ, vỡ mặt, mù mắt, gẫy tay là được. Cố vượt qua. Để còn ra ".

Ông M đã được ra.

Ông được ra sau 4 tháng giam cứu.

---

[1] *B* : buồng xà lim. *B trưởng* : trưởng buồng, do ban giám đốc nhà tù chỉ định trong số tù nhân, thường là một tay anh chị.

[2] *Sân xê rom* : danh từ mà tù nhân dùng để gọi mặt bằng ở trung tâm nhà giam, một người lính canh đứng ở đó có thể nhìn ra mọi phía để canh chừng các phòng giam xếp theo hình lục lăng hay ngũ giác. Chúng tôi đoán xuất xứ của tên gọi này là cụm từ tiếng Pháp *cour centrale (sân trung tâm)*. (*Encyclopædia Universalis*, Paris, 1968, vol. 20).

Ông được ra bởi ông không có tội.

Những người gây ra vụ án oan ức của ông đã bị kỷ luật.

Người ta đã khôi phục lại cho ông tất cả.

Ông lại làm giám đốc nhưng ở một xí nghiệp tận trong Nam, để ông có thể quên được những gì vừa trải qua. Ông cám ơn cấp trên về điều tế nhị ấy.

Cũng như mọi xí nghiệp, giờ nghỉ trưa ở đây nhiều vẻ... Uống bia. Đánh cờ tướng. Tiến lên. Làm vài séc bóng bàn. Chuyện gẫu...

Giám đốc mới không tham dự. Ăn trưa xong ông về phòng. Các vị chức sắc cũng muốn kéo ông vào cuộc vui nhưng trả lời những tiếng gõ cửa là sự im lặng.

Họ bảo nhau :

– Thôi. Để sếp ngủ.

Chẳng một ai biết sau khi cài trái cửa, giám đốc rút ngăn kéo lấy ra một lọ nhỏ, trong đựng 4 con kiến. Ông thả lũ kiến vào một vòng tròn bằng phấn vẽ trên bàn. Ông bẻ bánh cho chúng ăn và lấy những cácvidít (Có rất nhiều trong ngăn kéo — của khách và của ông) chặn chúng lại.

Thỉnh thoảng ông còn đặt cả ghế lên bàn làm việc. Và khoả thân trên ghế. Đứng thẳng. Mắt hướng về phía xa. Tay giơ cao. Như kiểu thần Tự Do.

23.6.1993

Bùi Ngọc Tấn

(từ tập truyện ngắn của tác giả *Những người rách việc*, Nhà xuất bản Hà Nội, 1996)

Bùi Ngọc Tấn : văn và nghiệp

Truyện ngắn **Người chăn kiến** *chúng tôi đăng trang này được trích từ tập truyện* **NHỮNG NGƯỜI RÁCH VIỆC** *của Bùi Ngọc Tấn, do Nhà xuất bản Hà Nội phát hành đầu năm 1996 (8 truyện, 176 trang).*

Tác giả là ai ? Bìa 3 giới thiệu ngắn gọn :

BÙI NGỌC TẤN
Sinh năm 1934
tại Câu Tử, Hợp Thành, Thuỷ Nguyên, Hải Phòng
Bắt đầu viết văn từ 1954.
Đã trải qua các nghề : làm rừng, làm báo, bốc vác cảng, kéo xe bò, thợ sắt, đi buôn, nhân viên văn phòng...

Gần đây tên tuổi Bùi Ngọc Tấn xuất hiện trên văn đàn năm 1993, với bài **Nguyên Hồng, thời đã mất** *đăng trên tạp chí* Cửa Biển *của Hội nhà văn Hải Phòng, sau đó được in lại trong tập bút ký văn học* **Nguyên Hồng, cát bụi và ánh sáng**. *Rồi năm 1995, nhà xuất bản Hội nhà văn in cuốn* **Một thời để mất** *của ông.*

Một nhà văn Hải Phòng mà tác phẩm được Hội nhà văn Việt Nam và Nhà xuất bản Hà Nội liên tiếp xuất bản. Lại bắt đầu viết từ năm 1954. Rồi làm đủ thứ nghề : bốc vác cảng, đi buôn, làm rừng, nhân viên văn phòng... Bằng đi bốn mươi năm lại xuất hiện trên văn đàn. Cũng lạ. Người đọc tinh ý không thể không đặt câu hỏi.

Tới truyện **Người chăn kiến** *này. Hiện thực tới đâu không biết, nhưng mấy con kiến kia, cái vòng lẩn quẩn này, mấy anh chàng ngày đêm ngồi canh gác những con kiến, và ông M từ ấy chỉ có một ước mơ, hoài vọng, ám ảnh : được canh mấy con kiến tù nhân. Cái vòng tròn vẽ bằng gạch non kia khó giữ nổi cái kiến nhưng đã vĩnh viễn giam chặt một con người. Một truyện ngắn, thật ngắn, cụt ngủn như một tiếng gào khan khô khốc mà súc bộc phá thật ghê gớm, làn sóng đột tác (shock-wave / onde de choc) của nó ba động tới vô cùng, như chiếm lĩnh toàn bộ không – thời gian.*

Sáng tạo của óc tưởng tượng hay gợi hứng từ hiện thực đã trải nghiệm ? Có điều chắc chắn : tác giả của truyện ngắn này hẳn đã trải qua tù đày, dù là chỉ một ngày, một ngày thiên thu tại ngoại.

Bùi Ngọc Tấn đã ở tù gần hai ngàn ngày.

Ông bị bắt năm 1967 với tư cách " phần tử có nguy hại cho an ninh xã hội ". *Tội của ông là những lời phát biểu không đúng lập trường, và tình bạn giữa ông với nhà văn* Vũ Thư Hiên *(tác giả hồi ký* **Đêm giữa ban ngày** *vừa xuất bản) và trung tá công an* Hồng Sĩ *bị bắt trong vụ án* " xét lại ". *Tên họ của ông Bùi Ngọc Tấn không có trong danh sách những người bị bắt giam thường được liệt kê trong vụ này, vì người ta chỉ biết tới những cán bộ cao cấp và đảng viên Đảng cộng sản, mà không kể hoặc không biết những người ngoài đảng và những người ở địa phương. Bùi Ngọc Tấn ở trong số này.*

Sau năm năm tù đày không xét xử, ông trở về và sống như một phó thường dân : cũng như các nhà văn khác đã trải qua ngục tù, ông bị treo bút trong nhiều năm. Hai mươi mốt năm sau, mãi đến 1993, tác phẩm của ông mới được in, như đã nói ở trên.

Bùi Ngọc Tấn vốn là người có duyên nợ với văn chương. Hành trình của ông là hành trình của một thanh niên lớn lên với Cách mạng tháng Tám : theo học trung học những năm đầu kháng chiến rồi đi bộ đội, năm 1954-55 tham gia tiếp quản. Rồi làm phóng viên cho báo Tiền Phong. Toà soạn tờ báo hồi đó có một quy định khá kỳ quặc : cấm phóng viên không được viết văn. Bùi Ngọc Tấn phải " viết chui ", *ký tên khác. Mãi đến khi Hội nhà văn trao giải thưởng văn học cho ông và các nhà văn đàn anh vô tình* " tiết lộ bí mật " *thì Bùi Ngọc Tấn mới được* " quyền " *viết văn.*

K.V.

Sông ơi !

truyện ngắn

Trần Thanh Hà

1.

Khởi thuỷ dòng họ tôi là một chuyện tình yêu. Ông tôi kể, họ Trần tôi gốc gác tận ngoài Bắc, ở một làng có tên Hải Thượng. Nghe nói Hải Thượng có long mạch chảy qua, địa linh nhân kiệt, nhiều người đỗ đạt làm quan, danh tiếng một vùng. Ông Tổ tôi học rộng biết nhiều, tính tình phóng túng, ngoài bảy mươi, đã con đàn cháu đống, vẫn đem lòng si mê một cô thôn nữ làng, quyết cưới bằng được về làm thiếp. Chẳng dè cô này với anh út — tức ông Tổ họ Trần làng Hà tôi — tên là Trần Văn Nhược, vốn có tình ý với nhau từ trước. Không dám can gián cha, Nhược chỉ biết than trời. Bà Thiếp biết ý bèn rủ ông Nhược, bàn mưu tính kế trốn đi. Mưu chước bại lộ, ông Nhược bị nọc đánh một trăm roi. Bà Thiếp bị nhốt trong buồng kín, đêm đó cắn lưỡi tự vẫn. Ông Nhược hay tin, đau đớn định chết theo, may có người khuyên nhủ, rồi chỉ đường cho vào Nam. Thuở ấy chúa Nguyễn bỏ đất Bắc, trên đường Nam tiến, du nhập hết thảy những kẻ phản nghịch trong thiên hạ. Trong đám tôi tớ ấy, có mặt ông Nhược. Chúa Nguyễn khi vào Nam, nghĩ đến chuyện chọn nơi đóng đô đầu tiên ở vùng bán sơn địa đất Minh Linh, bắc nguồn Bến Hải (chỗ ấy ngày nay vẫn còn, gọi là Hố Điện). Nghĩ đến an dân làm gốc, chúa sức quân lính dụ dân lập làng, rải khắp vùng Ô-Hoá. Ông Nhược bấy giờ xuôi dọc sông Bến Hải, gặp đoạn sông uốn cong thơ mộng bèn dừng chân, chiêu dân lập đất. Thương nhớ quê cha đất tổ, nghĩ làng mới cũng hình bóng làng cũ, ông đặt tên làng là Hải Hạ, về sau dân quen gọi tắt thành làng Hạ ; còn đoạn sông trước mặt làng, bởi xinh đẹp hiền hoà nên có tên là sông Hiền.

Ông tôi bảo, họ Trần từ thuở khai thiên lập địa ấy đến nay đã tám đời. Tám đời, dân làng chuyên chú một nghề cày cấy, sông nước đấy nhưng tuyệt không ai chài lưới. Ông bảo thêm : " Sông nước như hồn của làng, phải biết giữ cho trong, cho sạch. Người họ Trần sinh ra, biết soi xuống sông ắt thành người ". Tôi nói : " Dưới sông nhiều cá ". Ông bảo : " Đến phải vấy đục sông để kiếm cái ăn thì tận diệt ". Cha tôi ngồi trong cuộc chuyện hôm ấy góp lời : " Làm gì cũng được, miễn đừng đói, đừng nghèo. Hai bàn tay trắng mà bươn chải với đời nhọc lắm ! ". Tôi ngơ ngẩn nhìn đống đất trắng dưới nắng hạn, cầu mong cả những dãy muống hoang cũng đừng chết để chiều không phải cắp rổ không về nghe bà thở dài. Bao nhiêu năm đời kiếp cắm cúi làm ăn gắng giữ hồn làng trong sạch, sao làng không khỏi đói ? Bà kể, ngày bà về làm dâu ở làng, nhà giàu nhất làng, gia sản nghe nói cũng chỉ mấy cái ghế đá chạm hình nghê hình rồng là đáng giá. Thời hợp tác hoá, mấy cái ghế này được sung công, để trong nhà uỷ ban, chuyên dành cho khách quí ngồi. Học lớp bảy, lần đầu tiên khai lý lịch để kết nạp Đoàn, tôi hỏi cha : " Thành phần gia đình con ghi thế nào ? ". Cha bảo : " Cán bộ công nhân viên chức ". Tôi thắc mắc : " Thế con khác cha à ? Cha là bần nông ? ". Cha ừ rồi bảo : " Đừng hỏi. Không nên biết làm gì ! "

..." Thế bà thành phần gì ? " — tôi hỏi. Bà cốc đầu tôi chửi : " Cha mày, tao dân ngu khu đen ". Mỗi lần về thăm bà, bà lại gói cho chị em tôi ít khoai ngô hay đậu quả. Nhà tôi ăn gạo sổ không đủ, bà phải cho thêm gạo. Bà bảo : " Bần nông nuôi công nhân, thế đấy con ạ ! Mai mốt có là ông nọ bà kia thì cũng nhớ mày từ bùn mà nứt ra ".

Bấy giờ còn trong ký ức là những ngày hội làng. Hội hai năm một lần, tổ chức vào dịp đầu xuân, ở bến Ông Cả, bến nước lớn nằm ở đầu làng, sát cạnh cái cống thoát nước của Thuỷ nông. Một năm đầu tắt mặt tối, lúa gạo hơi sức đem dành hết cho một dịp hội, mà cười, mà reo, mà nổ pháo. Trước ngày hội, trai đinh trong làng họp nhau, phái nào theo phái nấy lên Gò dẫy mả, sửa sang thế giới của người chết. Xưa nay người làng chết đều được đem ra gò, chôn quanh một ngôi mả to tục truyền là Mả Tổ. Mâm cúng được đặt trên Mả Tổ, gồm xôi, gạo, muối và thủ lợn, năm nào được mùa thì thêm xôi thêm thịt để cúng xong chia lộc cho con cháu. Lộc là nắm xôi miếng thịt gói trong lá chuối bà tôi mang về chia cho chị em tôi, không đủ ăn thèm. Ngày đó, ông tôi mở nắp chiếc thùng gỗ, lấy ra bộ áo chùng đen, xuýt xoa ngắm vuốt rồi mặc vào để ra Gò lễ cúng. Chưa bao giờ hương khói nhiều và thơm đến thế, hương bay toả khắp ruộng khắp đồng, khắp mặt sông, nhiều ngày sau tưởng còn lẩn quất trong áo, trong tóc. Rồi dựng cổng chào, rồi quét tước đường ngõ. Trẻ con chúng tôi chạy quắng quít từ nhà này sang nhà khác, từ làng ra Gò, lại từ Gò vào làng, thích làm thích ăn gì cũng được, chẳng bị mắng. Ngày chính hội có đua thuyền theo từng đội sản xuất, mỗi đội mỗi thuyền, thuyền xông trầm hương nưng nức. Dân làng tụ tập cả dọc bên bờ sông, đánh chiêng gõ mõ, hò reo náo động. Thuyền về nhất được thưởng một giải vải đỏ cắt chéo ở giữa có thêu chữ " Giải nhất ", kèm theo một túi thuốc Đà Lạt hay Mai gì đó, chủ yếu cho thanh niên hút xả hơi. Những cô gái làng từng ngồi thêu cờ giải cầu mong cho người thương mình về nhất. Người ta cổ vũ cho đội mình, cho xóm mình. Bọn học trò vỗ tay mừng cho thằng bé tát nước trong thuyền nhất, và suốt năm đó, nó được trọng nể giống y một vị anh hùng vậy.

Năm tôi học xong đại học, không xin nổi việc làm, thỉnh thoảng tôi về làng nằm trên cái chòi cá của anh Dương ngắm sao trời. Anh Dương con bác Nhẫn, đi bộ đội, đánh giặc tận bên Campuchia nhờ lập nhiều thành tích mà được thăng sĩ quan. Ra quân anh về làng sắm lưới sắm thuyền, giăng khắp một khúc sông, thành người đầu tiên ở làng sống nhờ sông nước. Tôi hỏi : " Sao anh không ở bộ đội mà về ? ". Anh bảo : " Thời chiến, ít chữ nghĩa cũng thành anh hùng, thời này thành con khỉ ! ". Tôi kêu nhớ những hội làng xưa, tỏ ý tiếc lâu lắm không được xem hội, anh nhếch mép : " Con khỉ ! Lo

làm ăn, chả ai dư công. Thời này nghèo, nhục thế ! ". Tôi giật mình, sao anh nói giống cha tôi, thuở cha tôi còn sống. Năm sau gặp lại anh Dương, thấy anh vè vè chiếc xe Dream II mới cong, tôi khen : " Anh khá thật, chài lưới cũng đủ sắm xe ! ". Anh cười : " Chài con khỉ, tao với bọn thanh niên cắt đường biên qua Lào làm thợ xây thợ nề, kiếm được ít bạc, luôn tiện vác chiếc xe về chạy chơi. Vượt biên cũng hãi bỏ mẹ ! ". Rồi anh chỉ chiếc xe : " Có năm triệu bèo lắm ! Lâu trăm phần trăm ". Tôi hỏi : " Anh đi xe lậu, không sợ à ? ". Anh nói : " Phép vua thua lệ làng. Đây có luật riêng ". " Cựu chiến binh nói hay nhỉ ! " — Tôi đùa, anh phẩy tay : " Trước đây lính tráng, tao thuộc về nhân dân, bây giờ dân đen, tao thuộc về tao ". Tôi nghĩ, thế hẳn anh đã bớt đi cái cảm giác nhục vì nghèo, nhưng hình như không phải, vì sau đận ấy anh không trở lại nghề chài lưới nữa, anh đi đào bom tháo lấy kíp, thuốc bom : " Hàng thời thượng, cao giá, dễ ăn hơn cả thuốc phiện " — anh bảo. Anh xây được cho bác tôi cái nhà, định bụng sắm thêm cái máy tuốt, nhưng chưa kịp làm thì bị nạn, mắt mù, tay trái cụt. Từ đấy anh ngồi nhà, hai bác lại nuôi. Không biết giờ anh khát vọng gì...

Hồi cha mẹ tôi dọn nhà ra phố huyện, để tôi ở lại với ông bà, tôi hay nằm cuộn trong chăn nghe ông kể tích làng. Ấy là những ngày mưa lụt nước trắng bằng cả đồng không làm gì được. Trong câu chuyện của ông, làng hiện lên với bao đình chùa miếu mạo, với cảnh sông bến tuyệt đẹp. Kể xong ông ngồi bần thần : " Bom đạn thằng Mỹ phá nát hết rồi " — ông nói như là để thanh minh cho cái sự thực ở làng bây giờ không hề có bóng đình miếu, nhà thờ. Tôi hỏi : " Không có đình miếu thì sao hở ông ? " Ông trả lời : " Thì linh hồn làng không biết trú vào đâu, nhất là của người chết ". Tôi nhớ vì lẽ đó mà họp họ, ông đề nghị họ Trần dựng cái nhà thờ họ, lấy chỗ thờ cúng, cả họ nhất trí, nhưng bàn để chờ có tiền làm tường gạch ngói liệt luôn. Bàn thế, vậy mà lúc ông tôi mất rồi, cho đến bây giờ, vẫn chưa thấy họ dựng nhà thờ. Biết đâu trong cơn hấp hối, ông vật vã mãi không nhắm mắt được cũng bởi điều đó ?...

Ông tôi là người thuộc nhiều tích, tục. Thời trẻ ông đi bộ đội Nam tiến đánh Tây, hoà bình về làng làm xã viên hợp tác, về già chuyên mỗi việc cúng tế. Ông bảo cúng tế là việc trọng, không được coi thường. Năm nào xuống vụ ông cũng bảo cấy hẳn một sào lúa nếp để dành cúng quảy. Có năm nhà hết cái ăn, bà và tôi đi đào khoai mụt sót ở ngoài đồng, ông vẫn không cho ăn chỗ lúa nếp trong sập. " Hương hồn làng nước là cái gốc, mất nó là mất tất " — ông dạy thế. Cũng theo lời ông thì người làng chết xuống, hồn lẩn quất nơi trần gian dõi theo người sống, bắt tội những ai không theo tục làng, lệ nước. " Bắt chết hở ông ? "— tôi hỏi. Ông trả lời : " Mà chết bất đắc kỳ tử ".

Sau này người ta bảo cha tôi chết bất đắc kỳ tử. Không biết có phải là do người âm bắt không ?

2.

Cha tôi mất khi mới ngoài bốn mươi. Chiều đó xới đất cho gốc ổi xong, kêu mệt, cha đi nằm rồi ngủ luôn, không dậy nữa. Tôi từ trường về nhà đã đông người lắm. Mẹ bảo tôi vào nhìn mặt cha lần cuối. Tôi lật tấm khăn che, thấy gương mặt cha thanh thản, như giãn nở một nụ cười. Tôi khóc, ước cho lòng cha thật được thanh thản như thế.

Bà sinh cha đúng năm đói bốn bốn. Hai năm sau sinh tiếp chú tôi. Bà kể chú chưa đầy tuổi bà bị bắt vào đồn Tây vì tội có chồng đi bộ đội, đang ngoài đồng không kịp gửi con. Ở nhà đói, cha lê la ra bến, cứ thế bới đất sét ăn, rồi ngủ quên ngoài bờ tre. Hai hôm sau bà hớt hải chạy về, gặp cha vẫn ăn đất thế. Chú tôi được bà hàng xóm bế đi xin sữa, nhưng vắng hơi mẹ, cứ khóc lạc cả tiếng, hôm sau nữa lên cơn sốt, được ba ngày thì mất. Bà bảo không biết cha tôi phải mệnh đất không mà hễ đói là ăn đất bù cơm, lớn rồi hễ mụn nhọt hay đứt tay đứt chân cũng bới đất đắp vào, cũng lành, chả cần thuốc thang. Rồi bà thủng thỉnh : " Đất thiêng lắm, nhất là đất mồ đất tổ như làng ta ". Tôi nghĩ thầm, hèn gì cái nhà tôi ở phên lá phên đất, cái bếp bằng đất, cái nồi bằng đất, cái cối ngoáy trầu của bà cũng đất. Một buổi ngồi trong góc lớp vỡ lòng, tôi cạy đất ở trường lớp cho vào miệng...ông giáo Khoá nhìn thấy ông phạt tôi đứng úp mặt sau lớp hết buổi hôm đó, tối về tôi còn bị mẹ phết ba roi vào mông. Tôi khóc, vì đau thì ít mà vì tủi thân thì nhiều.

Cho đến bây giờ, cha tôi là người học cao nhất làng. Từ cha trở về trước, đời thứ ba thứ tư gì đó, chỉ có mỗi ông Trần Văn Tài là học đến tú tài, thi đỗ về làng, làng vỡng lọng đón tiếp ghê lắm. Lớp trước cha, duy có ông giáo Khoá được học chữ quốc ngữ, xong được thành chung, về sau dạy bình dân học vụ, sau nữa dạy trẻ con học vỡ lòng. Ông giáo Khoá lấy bà cô họ tôi nên tôi gọi ông bằng dượng, đi học ông gọi tôi đọc bài, tôi đứng dậy vòng tay cúi đầu, nói : " Dạ thưa dượng ! ". Cha cũng học chữ với ông Khoá, rồi lên cấp hai cấp ba, rồi vào đại học. Nghe nói cha phải hai lần thi mới được gọi đi học, lần đầu cha thi Tổng hợp văn nhưng vì thanh niên giới tuyến thành ra xã cất cái giấy gọi để cha ở nhà phục vụ chiến đấu, năm sau cha thi Kinh tế quốc dân, đỗ nốt, may nhờ có người bà con làm trong uỷ ban rỉ tai bà tôi mới biết. Bà chạy lên uỷ ban đòi xem cái giấy cho bằng được, xem được rồi bà đòi xã ký giấy cho cha đi. Bà viện lý mai thằng giặc không có người học kinh tế thì làm sao để kiến thiết đất nước. Vậy là xã cho cha tôi đi. Người làng xì xào rằng là thiếu tinh thần yêu nước, bà đứng ngay giữa sân mà nói : " Bà mà đẻ được thì bà cho con bà đi bộ đội ngay ".

Năm đó Mỹ leo thang chiến tranh, đánh nống ra miền Bắc, cha lần hồi ra được thủ đô, trễ mất một tháng học.

Mãi năm ngoái đây tôi mới đến trường Đại học Kinh tế, nơi ngày xưa cha tôi học. Tôi ngồi trong một quán nhỏ trông ra đường Giải Phóng, uống nước sấu và ngắm người qua đường. Tôi nghĩ Hà Nội từ ngàn xưa người ta đã thích nước sấu thế này rồi, và trên những con đường tôi đi, người ta cũng từng đi nhiều rồi.

Cha ra trường, đi làm ở Uỷ ban huyện mới quen và lấy mẹ tôi. Mẹ người cùng xã nhưng khác làng, thời trẻ nghe nói cũng nhan sắc, có thế mới lấy cha tôi. Theo như mọi người nói thì cha là người sớm thành đạt, vì đến trước khi mất cha đã làm đến giám đốc công ty rồi. Ngày nhỏ còn sống ở làng, tôi thấy cha tôi oai hơn những người khác. Tuần cha về một lần, đi chiếc xe đạp Thống nhất có biển số, đài rađiông khoác trên vai, về đầu làng chưa thấy người đã bắt tiếng. Buổi tối cả xóm tụ tập tại nhà tôi nghe thời sự, cái gì thắc mắc thì hỏi

cha tôi. Ngày chủ nhật cha loay hoay giúp mẹ ít việc, nặn cho tôi con tu huýt đất, sáng thứ hai khoác đài lên vai, lại đi. Tôi học lớp ba, mẹ về làng mang tôi ra phố, không để ở với ông bà nữa. Mẹ hay mắng tôi đần, vì mẹ cắt đặt việc nhà tôi hay quên, không làm, suốt mấy năm trời mỗi cái bảng cửu chương tôi cũng không thuộc. Chỉ mỗi trò theo đuôi bọn trẻ xóm dưới ra đồng là tôi thích. Cha thỉnh thoảng nhìn hút gương mặt tôi, thở dài. Tôi săm soi gương mặt mình trong gương, thấy buồn vì cha có lý, tôi không giống cha, không giống mẹ, vậy tôi giống ai ? Sau này tôi mới biết một cách thấu đáo, tôi chỉ là tôi, bản thể là sự cô đơn, mọi gắng gỏi làm đổi thay đều vô ích và nực cười.

Càng lớn tôi càng thấy cha mẹ xa cách. Tôi viện trong thế giới của sách vở và những giấc mơ. Tôi lục tìm trong sự nhẫn nại của mẹ và sự im lặng của cha căn gốc cái sự không-giống-ai đã thành một ám ảnh. Trong góc buồng đầy mạng nhện cha tôi kê một chiếc rương nhỏ cũ kỹ khoá cứng và không bao giờ mở được. Điều đó kích thích trí tò mò của tôi. Giờ thực hành hoá học, nhân lúc thầy giáo mải làm thí nghiệm và bạn đọc đang chăm chú xem, tôi đã đánh cắp một ít a xít để mang về đổ vào lỗ khoá. A xít dính vào ngón tay cái tôi thành một vết bỏng sâu làm tôi đau đớn suốt một tháng sau, và dấu ấn vết sẹo cháu thì còn mãi đến hết đời. Tôi chờ từng khắc nhà vắng để đốt nến đọc mớ giấy tờ của cha. Một cuốn nhật ký, như chứng tích của những tình yêu không thành và những mưu tính đường đời, những mưu tính bạo liệt từ thuở thanh niên của cha. Thứ hấp dẫn tôi nhất là tập thư dày viết bằng thứ giấy poluya màu hồng, nét chữ mực tím nghiêng nghiêng, nhiều bức đã ố màu. Đấy là một thứ tình cảm da diết, nồng nhiệt, đam mê và đau đớn. Chữ ký không biểu lộ một cái tên nhưng tôi biết đấy không phải là mẹ, mẹ chỉ có khả năng nhẫn nại và cam chịu. Tôi bắt đầu lờ mờ hiểu về cái gọi là tình yêu, cũng bắt đầu thoát thai một giấc mơ mới...

Cha đánh tôi đến lúc những vệt roi hằn bầm trên da. Tôi không khóc chỉ ngạc nhiên. Cũng như sau này tôi thỉnh thoảng lại giật thót ngạc nhiên trước cái nhìn trong tấm ảnh cha chụp thời trẻ đặt trên bàn thờ. Vào thời trẻ, người ta tự tin biết bao, chỉ khi thất bát mối tình đầu, và cùng với nó là nhiều nhiều những thất bát khác, người ta mới biết cam lòng.

Lần yêu đầu tôi cũng nhiều kỳ vọng, nhiều ảo tưởng, khi đổ vỡ tôi tưởng mình có thể chết đi, nhưng rồi mọi sự vẫn tiếp diễn dưới một con mắt nhìn có chuyển đổi về chất, ngày mỗi thấy tất thảy những chuyện đại loại như thế ít ý nghĩa hơn. Tôi vẫn tự cho rằng mình thuộc lớp đại chúng vô thần. Vô thần hay không niềm tin, hai khái niệm này không chắc liên quan gì nhau, có điều tôi đã tin rằng chính ra cả cuộc đời tôi, tôi luôn dấn bước trong vòng cương toả của cái nhìn cha thuở tôi bé bỏng. Cõi nhân gian rộng lớn, lòng người thăm thẳm. Tôi rùng mình nhận ra cái kết cục hư vô của mọi khát vọng dấn thân là có thực.

Sau đó tôi ngồi cùng cha trên thềm đất trước biển. Ngoài khơi xa lác đác vài cánh buồm mỏng manh. Ấy là lần đầu tiên tôi biết biển. Cha mang tôi theo trong kỳ an dưỡng sau khi đã thôi làm giám đốc công ty vật tư. Cha ngồi trầm ngâm, buồn bã. " Phận người mỏng lắm ! " — cha bảo. Tôi nhìn mãi mặt biển, nghe lòng mang mang. " Vậy cái gì an ủi con người ? " — tôi hỏi. " Ảo vọng " — cha trả lời, rồi nói thêm : " Khi không còn biết ảo vọng nữa, cuộc đời thật đáng buồn ". Tôi muốn khóc quá, sao biển rộng rãi, sao biển xanh đến thế mà không thể an ủi được tôi ?

Trong mặn mòi và hoang vu tình yêu đầu, tôi cũng nghe ầm vang tiếng sóng, trầm đục, da diết, y buổi sáng hôm ấy, trước biển...

Cha ơi ! Tôi gọi. Cha không giữ gìn được tôi, không bảo ban được tôi khi tôi đặt chân vào cõi miền ảo vọng...

3.

Cha tôi mất rồi, bà hay ra ngồi ở bến sông, nhìn đăm ra mặt sông. Mặt sông trống rỗng, chỉ lấp loá ánh mặt trời được phản chiếu. Mẹ nài nỉ bà lên ở với mẹ con tôi, bà thở dài : " Chết quay đầu về mả tổ. Đừng nài ", thế là bà vẫn ở ngôi nhà cũ sát bên sông, thỉnh thoảng chị em tôi về ở với bà ít hôm, lại đi. Sang năm sau bà mất. Mộ bà đặt chênh chếch về hướng tây, trên gò Mả Tổ.

Tôi nhớ ngày xưa bà cũng hay ngồi trên bến sông, và hát. Bà hát thế này :

Chèo đò bẻ bắp bên sông

Bắp chưa có trái bẻ bông chèo về...

Nghe bà hát, tôi cũng hướng mắt sang bờ bên kia. Bên kia sông, lờ mờ một bờ cây lá xanh thẫm rậm rịt. " Bên kia sông có gì "— tôi hỏi. Bà bảo : " Chẳng có gì ! ", xong trở gót vào nhà. Tôi không tin lời bà. Tôi hình dung bên đó là một miền khác hẳn làng tôi, rực rỡ hoa lá, một miền vạn bờ hoa non tơ ngào ngạt hương, và ong, và bướm và lời ca, réo rắt, rộn ràng. Đêm đêm tôi ngộp thở, thấy mình bơi sang bờ bên kia, trần truồng, không xống áo, lạc trong biển hương thơm sắc màu, da thịt, tóc tai đẫm quyện phấn hoa. Cứ thế tôi đi, đi mãi, đi mãi, xa làng xóm, xa những mùa hạn hán lụt bão, xa những tiếng reo hò về trưa trên bến sông...

" Giá mà mình biết bơi " — một trăm một ngàn lần tôi ước ao thế. Bao nhiêu ban trưa tôi theo đám trẻ ra sông tắm, nhìn chúng nó quẫy lộn hụp lặn như chạch mà phát thèm. Tôi không hiểu tại sao mình cũng sinh ra trên sông nước như chúng nhưng tôi lại không biết bơi. " Bơi như tao đây mày " — thằng Phúc bảo, rồi hụp nhanh xuống nước. Tôi nằm xuống, chống hai tay xuống bùn, cả hai đầu gối cũng chạm bùn. Cứ thế tôi bò quẫy trong nước làm bùn non quặn lên, đục ngầu. " Ê, ê..." — những đứa trẻ khác gọi. Tôi nín thở : " Bơi này ! Bơi này ! " — tôi nghĩ, và tiếp tục bò, đến lúc nước ngập cổ, ngập đầu. Hụp ! Bờ đất hẫng. Nước sặc vào mồm, vào mũi. Tôi chới với, rồi rơi ngay vào một hố thẳm đen ngòm, không định hướng, không chạm đáy, cứ hun hút, hun hút. " Ê, ê... " — long bong những tiếng gọi nhằng nhịt, như ma lực, như ám ảnh.

Bà khóc lóc chạy theo ông Phiếm. Ông Phiếm vác tôi trên lưng, vác ngược, chạy quanh làng.

Tôi không chết đận ấy, nhưng từ đó bà cấm ngặt, không cho tôi bước xuống bến sông nữa. Tôi khóc thầm trong những giấc mơ đêm. Ôi bờ xanh thẳm của tôi...

Làng tôi bên lở. Mỗi năm mùa lụt xong, đất cứ sụt từng tảng lớn, có lúc sụt luôn cả tre pheo. Con đường chạy men

sông, nhiều đoạn nước xói vào, há vòm đất giống y hàm con sư tử. Tám đời dựng làng, không biết sông đã ăn vào mặt làng bao nhiêu... Tất cả nhà cửa trong làng, thành nếp xưa nay đều quay ngõ ra sông hứng gió nồm. Thường nhà nào cũng có bến, bến nhỏ, khuất nẻo dưới tán tre. Bến mang luôn tên người chủ nhà, như bến nhà tôi gọi là bến Ông Vực, vì ông tôi tên Vực. Hai chục năm bây giờ tôi trở lại, sông nước làng mạc đã đổi thay, vậy mà bến vẫn lưu giữ cái tên của người khuất núi, tưởng chừng như một sự ký thác.

Sông ơi, nơi đó tôi bắt đầu ảo mộng đầu tiên...

Tôi nhớ ngày học vỡ lòng, tôi ngồi cạnh một đứa tên là Phúc. Nó là một đứa con trai rất đen có cái bụng tròn và to. Nó hơn tôi một tuổi, con ông Đạo ở sát cạnh nhà tôi. Ông giáo Khoá xếp tôi ngồi cạnh nó hẳn cũng chỉ vì thế. Từ nhà tôi sang trường cách một khúc đường, có băng qua con giao thông hào đào từ hồi chiến tranh. Chỉ thế bà tôi cũng lo. Cứ ăn cơm trưa xong là bà gọi với sang nhà ông Đạo : " Phúc ơi, mày sang dẫn em đi học với ! ". Thằng Phúc tí toe chạy sang, cầm chặt tay tôi. " Đi ! ". Không ngờ chính thế mà bọn trong lớp cặp đôi tôi với nó, hễ thấy nó dắt tay tôi đi là chúng gào : " Vợ chồng ! Vộng chờ ! ". Tôi mách bà, bà mắng : " Láo, mày với nó bà con, nó gọi mày bằng cô ".

Thường buổi nào không học, thằng Phúc phải đi chăn vịt. Nó đội cái nón mê, cầm con sào dài có buộc một túm ni lông phất phơ phía trước, đi lúp chúp như cái nấm. Cuối buổi từ đồng về nó đứng ngoài bờ rào gọi. Tôi chạy ra. Nó đưa tay, thả vào lòng bàn tay tôi một con dạm đã bị bẻ càng. " Thích không ? " — nó hỏi. Tôi vừa gật vừa chạy biến vào nhà. Thằng Phúc đứng lại một lúc bên bờ rào rồi mới lúp chúp trở lui.

Sau buổi tôi suýt chết nước, ban trưa nó không ra sông nữa. Nó vạch bờ rào dâm bụt , bẻ lá xếp thành một chỗ ngồi rồi rủ tôi ra đó chơi. Nó làm những chiếc lồng đèn bằng hoa dâm bụt đỏ tía, treo lủng lẳng trên một cái que, lắc qua lắc lại trước mặt tôi. " Làm vợ chồng, thích nhỉ ! " — nó nói. Lúc sau nó lại bảo : " Hay tao với mày chơi trò vợ chồng đi ! ". Tôi bảo : " Tao với mày bà con, mày gọi tao bằng cô, làm vợ chồng không được ". Nó bảo : " Cần gì bà con ". Tôi xắng xở chạy vào nhà hỏi bà xem liệu tôi với nó có thể chơi như thế được không. Bà hét : " Khốn nạn ! ", rồi rút phắt sợi roi mây trên chái bếp xuống, quật tôi một trận và cấm tôi chơi với nó. Tôi đã không chơi với nó nữa thật, cả khi mẹ về mang tôi đi, tôi cũng không từ biệt nó. Sau này thỉnh thoảng tôi có gặp nó, thường là trong đám chạp họ, nó già câng, mặt lầm lì, mắt lờ đờ đọng một nỗi cam chịu u mê. Vậy mà nó là thằng bạn trai đầu tiên của tôi, là đứa con trai đầu tiên và duy nhất nói với tôi về trò chơi vợ chồng một cách nghiêm túc. Mười chín tuổi, tôi yêu lần đầu, gã con trai cũng đồng trinh như tôi chiếm đoạt tôi như một lẽ thường, không cần biết tôi có thích cho hay không, như thế, mãi mãi. Nhiều năm tôi ôm nỗi cay đắng mụ mẫm trong biển tình mênh mông hư ảo, thành ngôi nhà từ thiện giống một tất yếu khi đã mở rộng cửa cho người lữ khách thứ nhất trú ngụ. Tình yêu là gì ? Sơn bảo đó là một thứ xa xỉ phẩm. Sơn và tôi khác gì nhau ? Chúng tôi giống cây đèn cù, quay quáy, quay quáy, mỗi lần trở về gặp nhau mắt đọng thẳm nỗi hoang vắng. Hoài vọng không đợi, chúng tôi quay ra khinh bỉ nhau. Sơn đòi hỏi tôi cái điều tôi đã không giữ được trong một trò chơi, thuở nhỏ.

Đó là lần ông tôi bị ốm. Bà bảo : " Mày ở nhà để bà đi kiếm lá xông ". Tôi ngồi bên cái chõng của ông trong căn buồng tối lờ mờ. Bà dặn tôi ngồi thế để nhỡ ông gọi sai gì thì làm. Mà ngồi trong buồng tối, cạnh một người ốm hơi thở nóng rẫy, buồn biết bao nhiêu. " Cháu đi chơi đi, mặc ông " — ông nói. Tôi chạy ra ngoài, vườn vắng, đường vắng, bến vắng. Tôi trở vào, bắc hai con ghế đẩu dài và chơi trò kập kênh. Cấc ! Tôi lặng người, nhưng rõ ràng là không hề đau. Nhưng có một thứ gì âm ấm bò giữa hai đùi, nhồn nhột. Tôi cứ ngồi mãi ngoài gốc khế không dám vào nhà vì sợ.

Chiều, bà gọi tôi ra giếng tắm. Tôi lần khân mãi. " Lột quần ra ! " — bà giục. Tôi vừa lột quần, bà đã nhìn chằm vào chân tôi. Giữa hai đùi, hai vệt máu khô bầm chạy ngoằn nghoèo. Bà tái mặt, chộp lấy vai tôi : " Chuyện gì, hả ? ". Im lặng. Bà vỗ bộp vào mông tôi, hét : " Nói ngay, đứa nào ? ". Tôi oà khóc, vừa khóc vừa kể. Bà ôm lấy tôi, cũng khóc : " Xong rồi ! Hết rồi ! Con ơi ! ". Tôi không hiểu sao bà phải khóc, tôi có đau đâu, hoàn toàn không đau.

Chèo đò bẻ bắp bên sông...

Sao bà hát mãi câu hát ấy ?

" Sinh ra làm đàn bà là đủ đốn mạt rồi, con ạ ! "— bà xoa lưng tôi và nói thế, với tôi, một con bé con. Bà cũng nói thêm khi tôi vểnh tai nghe lũ trẻ hò reo ngoài sông : " Sông trong thì để thế mà nhìn, mày không biết bơi, quẫy đục lên, lại bẩn cả mình ". Chẳng lẽ bởi thế mà bà không hề tắm sông ! Cả làng đã lớn lên từ đấy, trẻ con sinh ra từ đấy. Và tôi, nhớ lời ông, vẫn rình chờ nước lặng để soi bóng mình trên mặt nước...

Bà tôi vốn người làng Thượng, ở mạn trên. Thuở con gái bà nổi tiếng sắc nước hương trời. Ông bà cố tôi có của có nả, thành ra bà là đám đắt giá nhất vùng vừa lớn, Tây về đóng đồn, ít nữa mọc ra cái nhà dòng Phước Sơn. Bà theo người làng đi nhà dòng, trước vì bị ép, sau thành mê. Ông cố đạo Tây còn trẻ, nói tiếng Việt như người Việt ngày ngày gióng chuông giảng đạo. Bà nhìn lên thánh đường, hướng vào tượng Chúa-chịu-nạn mà cầu nguyện. Bà cầu cho ông cố đạo Tây thấu lòng bà, nhưng ông cố đạo chỉ nhìn lướt trên đầu bà, như nhìn lướt trên đầu hằng bao con chiên khác. Cho đến ngày ông bà cố quyết gả bà sang bên kia sông. Bà trốn vào nhà thờ, quì giữa thánh đường cao rộng mà xưng tội. " Con có trách nhiệm thực hiện bổn phận " — cha linh hồn của bà phán. Bà trở về, gói đồ đạc và chạy trốn cùng một anh học trò xưa nay theo đuổi bà. Ba tháng sau, anh học trò đi biệt, sau khi đã tiêu hết đồng chinh cuối cùng của bà. Bà quay ngược đường về nhà chịu một trận đòn rách da rách thịt, nhịn đói trong buồng kín. " Tao gả mày cho thằng ở " — ông cố nói. Thằng ở mười lăm tuổi ghẻ lở đầy mình chuyên cúi mặt dưới nhà ngang là ông nội tôi...

Từ đấy bà làm dâu làng Hạ. Từ đấy bà ngồi nhìn sông và hát...

4.

Tôi quay về ngày chạp họ. Ông Phiếm thấy tôi về mừng lắm. Bấy giờ ông Phiếm là người già nhất trong họ, người

thay ông tôi cúng tế. Ông dắt tôi ra ngõ, chỉ luỹ tre bị đốn trụi phơi những nhát rựa sắc dòn, nói : " Mày là đứa chữ nghĩa, mày nói cho rõ ràng. Chặt tre thế này nên không ? ". Tôi bảo, thế là để khỏi vướng dây điện, tránh nguy hiểm. Quả là làng tôi vừa mới tiếp lưới điện quốc gia tháng trước. Ông Phiếm buồn rầu : " Hết tre hết pheo thì hết làng ! ". Rồi ông than thở chuyện người ta kéo điện ra sông đánh cá đèn, cá chết, chim chóc biến sạch. Tôi khen làng nhiều nhà xây, đẹp lắm. Ông hỏi : " Đẹp cái gì ? ". Tôi bảo : " Nó thay đổi hẳn bộ mặt đời sống ". Ông bảo : " Mày ra sông mà xem ! ". Tôi ra sông, thấy sông giăng mắc thuyền bè. Không phải thuyền đánh cá, mà là thuyền chở cát sạn. Thì ra thanh niên làng bây giờ sống chủ yếu bằng nghề khai thác cát sạn, trên cái bến cát sạn chất đống, nham vết bánh xe ô tô. Ông Phiếm lại hỏi : " Đào mặt sông lên để kiếm tiền thì mày cũng bảo nên à ? Hết. Hết tất ! " — nói rồi ông giận dữ khua gậy bỏ đi.

Tôi đứng lặng ngẩn ngơ. Gió lao xao, mơn man sóng nước, mơn man trên da thịt. Tôi nhớ sớm nay, cầm nắm hương đứng trước Gò Mả tổ, tôi đã không biết sở nguyện của mình là gì, cũng như không biết xa xưa kia, ông tổ Nhược kỳ vọng điều gì ở con cháu...

Chèo đò bẻ bắp bên sông...

Giật mình. Tưởng như bà ngồi hát đâu đây trong nắng gió chiều nay, trong khói hương chiều nay. Vật đổi sao dời mà trước tầm mắt, cái bờ cây phía bên kia sông vẫn một màu xanh thẫm, hai chục năm mang khát vọng ra đi, từng cười từng khóc, vẫn chưa bao giờ tôi bơi được qua con sông ấu thơ để chạm môi lên phiến lá đầu tiên của bờ cây xanh thẫm. Ôi bờ cây của tôi...

Trần Thanh Hà

8-1996

Sinh năm 1971, quê quán Vĩnh Linh (Quảng Trị), tốt nghiệp khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Huế, **Trần Thanh Hà** hiện đang giảng dạy ở Trường chuyên Trung học phổ thông tỉnh Quảng Ninh.

Truyện ngắn đầu tiên viết năm 1991, đăng trên tạp chí văn nghệ Quảng Trị.

Những truyện ngắn đã công bố : *Phố chợ, Nơi heo may không thổi tới, Lửa cuối đồng chiều, Người đọc đắc nhân tâm, Cái tổ chim sẻ rơi, Nơi ấy ngày xưa là rừng, Hạnh phúc...*

Năm 1996, giải nhất hai cuộc thi sáng tác của tạp chí *Văn nghệ Quân đội* và nhà xuất bản *Thanh niên*.

Trả lời câu hỏi " Bạn sống chủ yếu bằng gì ? "của phóng viên *Tuổi trẻ Chủ nhật* (20-4-97), Trần Thanh Hà nói : « *Lương giáo viên 300 000 đồng/tháng. Lâu lâu có báo nào đăng cho một truyện là " khoẻ " suốt mấy tháng. Chưa bao giờ giúp cha mẹ được gì, 26 tuổi rồi* ».

" Thanh Hà nói rất khẽ như thường lệ. Mái tóc dài mượt và làn da trắng tương phản kỳ lạ với những gì bạn viết, với mảnh đất mà từ đó bạn ra đi. *Như là hoa xương rồng trên cát*, nhiều người đã nói về bạn như thế. Tôi cũng mong như thế " (bài báo đã dẫn).

FESTIVAL 97

***Saint-Florent-le-Vieil* : Asie-Occident**

Week-end Mékong : Vietnam

Samedi 28 juin (18h) à l'Abbatiale :

Voyage poétique et musical

Textes de **Marguerite Duras**, *"A propos du Vietnam"* lus par **Marie Laforêt**

Intermèdes musicaux : **Ca trù Thái Hà** (*)

Réservations : par téléphone (02 41 72 62 02) en direct avec le Festival, 49410 Saint-Florent-le-Vieil.
FNAC Angers : 25, rue Lenepveu, 49000 Angers
FNAC Nantes : Place du Commerce, 44000 Nantes

(*) Ban ***Ca trù Thái Hà*** gồm : hai nữ ca sĩ **Thuý Hoà** và **Hà Vy**, các ông **Nguyễn Văn Mùi** (trống chầu), **Nguyễn Mạnh Tiến** (đàn). Đĩa CD : Inédit, Maison des Cultures du Monde (Auvidis dist.), giải *Choc du Monde de la Musique* 1996.

TRANSPORTS : Paris-Angers (TGV) / Angers-Varades
Paris-Nantes (TGV)

Compagnie Ea Sola

spectacle en co-production avec le *Théâtre de la Ville* (Paris), le *Kunsten Festival des Arts* (Bruxelles), *Het Muziektheater* (Amsterdam)

création mondiale

il a été une fois

ngày xửa ngày xưa

17è Festival international

MONTPELLIER DANSE

(22 juin-7 juillet) *Renseignements* : 04 67 60 20 44

DIỄN ĐÀN *forum*

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ ❊ Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/91❊ Commission Paritaire : AS 7 324 ❊ Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :
BP 50, 92340 BOURG-LA-REINE (Pháp)

Fax :từ Pháp : 01 45 88 54 58 ; quốc tế : 33 1 45 88 54 58

Địa chỉ điện tử (E-Mail) :
diendan_forum@compuserve.com

Đại diện ở các nước :

Đức : TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG
Ba Lan : ANNA LE DUC, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19

Thể lệ mua báo : xin coi trang 3

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font ThinArt) hay PC (font VNI, PDT...) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước *Vietnet*)